Hạnh Phúc Kinh [Mangala Sutta] (HT Giới Nghiêm Thitasīlo)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

PHẬT GIÁO VIỆT NAM ---

HẠNH PHÚC KINH MAṄGALA SUTTA

BHIKKHU THITA SĪLO TỲ KHƯU GIỚI NGHIÊM

Đệ tử kính đảnh lễ ngôi Tam Bảo. NAMATTHU RATANATTAYASSA ***

Đây giải về 38 điều Hạnh Phúc mà Đức Thế Tôn là đấng thượng sư tự thuyết ra có ý nghĩa như vầy: Một hôm nọ, Đức Thế Tôn an ngự tại Kỳ Viên Tự JETAVANĀRĀMA, là chùa của ông bá hộ Cấp Cô Độc tạo dâng, gần thành Xá Vệ. Khi ấy, có vị Trời ở dục giới hoài nghi về Hạnh Phúc thuyết, bèn lìa cõi trời bay xuống, vào đảnh lễ đấng Đại Từ, và làm cho hào quang sáng ngời rực rỡ, đi hữu nhiễu 3 vòng, rồi đứng tại chỗ phải lẽ, kính lễ hỏi về ý nghĩa hạnh phúc rằng: KIṂ MAṄGALAṂ BHANTE BHAGAVĀ = Ngưỡng bạch Đức Thế Tôn! Cái gì gọi là hạnh phúc sự tiến triển của tất cả chúng sanh? Khi ấy, Đức Phật giải đáp về hạnh phúc bằng những kệ ngôn như vầy:

Điều hạnh phúc thứ nhứt ASEVANĀCA BĀLĀNAṂ: Tư cách không xu hướng theo kẻ dữ hay kẻ si ác, người có tâm tội lỗi, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Người thế nào gọi là kẻ dữ hay kẻ si ác? ĐÁP: Người huỷ bỏ 3 điều lợi ích, gọi là kẻ dữ hay kẻ si ác. Huỷ bỏ 3 điều lợi ích ấy là: A. Huỷ bỏ sự lợi ích hiện tại, có 4 điều là: 1. Người lười biếng không làm công việc. 2. Không gìn giữ tài sản của mình cho còn. 3. Không nuôi mạng bằng một cách trong sạch.

4. Không thân cận với bậc hiền trí thức là người có trí tuệ. B. Huỷ bỏ sự lợi ích vị lai có 5 điều là: 1. Không có đức tính chơn chánh. 2. Không có giới luật trong sạch. 3. Không có sự nghe nhiều học rộng. 4. Không có sự dứt bỏ tài sản ra bố thí. 5. Không có trí tuệ. C. Huỷ bỏ sự lợi ích tối cao, là huỷ bỏ đường lối Niết Bàn. VẤN: Sự lợi ích tối cao ấy phải làm cách nào mới xứng hiệp? ĐÁP: Cần phải tinh tấn dứt bỏ ái dục, diệt tận ái dục, là thế gian pháp, là vật khao khát, trằn trọc, nói về tâm vương và tâm sở hằng ưa thích, bất bình ấy cho tịch tịnh đi, và làm cho tâm trung lập hiệp theo 6 chi (CHALAṄGU PEKKHĀ). Trí tuệ an trú vững chắc trong vô vi pháp (ASAṂ KHATADHARMA) không bị lay động bởi 8 pháp thế gian. Lại nữa, người đã làm được việc thiện, nhứt là bố thí, trì giới v.v. đừng hiệp theo lòng ái dục mong mỏi kiếp, cõi, chớ có sự mong muốn về người, trời, Đế Thích, Phạm Thiên v.v. trong ngày vị lai, mà chỉ cần có 4 pháp thần túc (IDDHIPĀDA) là: 1. CHANDIDDHIPĀDA: Sự hài lòng ưa mến trong pháp lành, ấy là phương pháp đưa đến chỗ đắc đạo quả thành nhơn. 2. VIRIYIDDHIPĀDA: Sự tinh tấn cố gắng trong pháp lành, ấy là phương pháp đưa đến chỗ đắc đạo quả thánh nhơn. 3. CITTIDDHIPĀDA: Sự suy tính hay sự biết rõ cảnh giới, và tính dắt tâm hướng về thiện pháp, ấy là phương pháp đưa đến chỗ đắc đạo quả thành nhơn.

4. VIMAṂ SIDDHIPĀDA: Trí tuệ biết rõ thiện pháp, ấy là phương pháp đưa đến chỗ đắc đạo quả thành nhơn. Để lựa chọn kiếm phương pháp bằng trí tuệ hầu trừ tuyệt cái mầm ái dục cho tận gốc, vì nó là thế gian pháp, đừng cho ngũ ngầm nữa, và dập tắt ngọn lửa phiền não một cách tịch tịnh, mới gọi là sự lợi ích tối cao, tức Niết Bàn vậy. Kẻ nào bỏ hẳn điều lợi ích như trên đây, gọi là kẻ ngu si, hễ người nào thân cận với kẻ ấy, thì người đó chắc sẽ bị kẻ si ác ấy dắt dẫn đi làm những nghiệp không lành, như là sát sanh, trộm cắp v.v. thậm chí giết cha mẹ cũng dám làm, như đức đông cung A Xà Thế con của vua Tần Bà Sa, thân cận với ông Đề Bà Đạt Đa, bị ông ta chỉ dạy làm cho tâm của đông cung trở nên bạo tàn, tính giết phụ hoàng để lên ngôi theo ý muốn, bèn bảo quan giám sát bắt đức vua cha nhốt vào củi và bỏ đói đến đổi không cho mẫu hậu đến thăm viếng chi cả. Nói về đức hoàng đế Tần Bà Sa ngài đã đắc quả Tu Đà Hườn, nên ngài có đức tin nơi ngôi Tam Bảo một cách thiết thật; ngài vẫn thản nhiên đi kinh hành cả đêm ngày đặng đè nén sự thọ khổ. Đã lâu, không thấy phụ hoàng thăng hà. Vua A Xà Thế phán hỏi, biết chắc chưa chết, bèn bảo thị thần mổ cả hai chơn của phụ hoàng mà xát muối vào; đức vua Tần Bà Sa chịu sự đau đớn vô hạn, không bao lâu phải thăng hà. Vua A Xà Thế AJĀTASATTU giết cha mà làm vua, đó cũng vì thân cận bạn ác. Sau khi chết bị đọa vào địa ngục đồng sôi LOHAGAMBHĪRA. Tiếp theo đây xin dẫn một tích nữa như vầy: Đức vua DĪVĀHANA, có một cây xoài rất ngon ngọt, sau có nhiều dây đắng mọc lên quấn quanh từ gốc tới ngọn, đến mùa có trái thì ăn không đặng, vì bao nhiêu mùi vị ngon ngọt như thời gian trước, nay đã trở thành đắng hẳn rồi. Đức vua ngài ra lệnh cắt bỏ hết dây đắng và vun đất mới, rồi tưới

toàn nước mật, đến mùa có trái ngọt như trước, do nhờ vị ngọt, (cho nên trong kinh sách có câu: “áp tập ác giả trưởng ác tri kiến”).

***

Điều hạnh phúc thứ nhì PAṆḌITĀ NAÑCASEVANĀ: Tư cách thân cận các bậc Trí Tuệ gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Hạng người thế nào gọi là bậc Trí Tuệ? ĐÁP: Đức Phật là đấng trọn lành, ngài đã rõ thấu nhân quả, nghĩa là hiểu nguyên nhân phát sanh thế giới, và nguyên nhân tiêu diệt thế giới. Ngài lại hiểu các điều lợi ích trong đời này, đời sau và sự lợi ích tối cao là Niết Bàn. Lại nữa, những người có đủ: SADDHĀ = Đức tin, SĪLA = Trì giới, SUTA = Đa văn, CĀGA = Dứt của bố thí, PAÑÑĀ = Trí tuệ. cùng là kẻ hiểu nguyên văn chú giải, và biết kiếm ba điều lợi ích như trên cho mình và cho kẻ khác, những người như thế gọi là bậc Trí Tuệ. Ngài dạy nên thân cận các hàng Trí Tuệ như thế, hằng đem lại sự an vui và điều lợi ích hiện tại, lợi ích vị lai, cùng lợi ích tối cao là Niết Bàn. Như tích sau đây: Có hai người bạn thân với nhau, một người tên UPATISSA, một người tên KOLITA, cả hai người đó cùng nhau vào tu trong đạo của thầy SANJAYA, mong tìm đường giải thoát có sự chắc thật, người bạn tên UPATISSA vào thành Vương Xá, đặng gặp đức A La Hán hiệu ASSAJI, khi thấy Ngài thì bèn phát tâm trong sạch, vào đảnh lễ mà thỉnh ngài thuyết pháp, Đại Đức ASSAJI có lòng bi mẫn diễn giải về Tứ Diệu Đế, tóm tắt vừa phải. Sau khi thuyết xong, ngài

UPATISSA đắc quả Tu Đà Hườn, thành một vị thánh nhơn trong Phật Pháp, được kết quả lợi ích hiện tại và vị lai như đây, cũng nhờ sự thân cận bậc Trí Tuệ. Và một tích

nữa như vầy: “Có năm trăm người ăn cướp kéo nhau vào các hương thôn, để giết người cướp của. Quân lính nhà vua rượt theo cố bắt để giết, bọn cướp kéo chạy vào rừng, được gặp một vị Tỳ Khưu bèn xin quy y. Thầy Tỳ Khưu truyền tam quy y, ngũ giới cho, và chỉ giáo như vầy: “Này các người! Các người hãy gởi tánh mạng vào nơi tam qui ngũ giới đi, dù các người có chết cũng đặng sanh vào nhàn cảnh!” Bọn cướp ấy tin thọ bằng lời: SĀDHU = lành thay, rồi đi, quân lính rượt theo kịp, bắt giết trọn 500 người. Cả thảy đều dùng tâm lành niệm đến 5 điều lành, là ngũ giới vừa thọ được trong sạch, khi thác đặng sanh về cõi trời hưởng sự an vui trong những toà đền đài quí báu. Cũng do nhờ quả thân cận với bậc Trí Tuệ vậy.

***

Điều hạnh phúc thứ ba PŪJĀ CA PŪJA NĪYYĀNAṂ: Tư cách cúng dường các bậc nên cúng dường, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Bậc nên cúng dường ra thế nào? Có mấy? ĐÁP: Ngôi Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng, bậc đáng cho chư Thiên và nhơn loại cúng dường bằng cách cao thượng, hơn tất cả chúng sanh trong vũ trụ này! VẤN: Thế nào gọi là Phật, Pháp, Tăng? ĐÁP: Phật là nói về Bậc có Trí Tuệ và sự hiểu biết các pháp hữu vi, nghĩa là thấy bốn pháp chơn thật của thánh nhơn, rồi khử trừ mầm sanh diệt trong cõi đời này cho trở

thành xuất thế gian, diệt tận vô minh, ái dục, không dư sót làm cho ngũ uẩn được thanh tịnh, gọi là Phật. Pháp là lời chỉ giáo rất nên cao thượng trong sạch của Phật, từ kim khẩu thuyết ra, để tế độ quần sanh thoát ly khổ hải, và được quả người, quả trời cùng quả Niết Bàn. Pháp nếu chia ra có 3 cách: 1. Pháp học = PARIYATTI DHARMA. 2. Pháp hành = PAṬIPATTI DHARMA. 3. Pháp thành = PAṬIVEDHA DHARMA. Pháp học là học hỏi nghiên cứu tam tạng kinh, luật, luận. Pháp hành là làm theo giới, định, huệ, để trau dồi thân, khẩu, ý cho trong sạch. Pháp thành là đắc thành đạo quả thánh nhơn. Tăng là những bậc thừa hành theo lời chỉ giáo của Phật hầu giác ngộ đạo quả, từ Tu Đà Hườn cho tới A La Hán, là pháp cao thượng đoạn trừ phiền não cùng các tật tiền khiên. Một lẽ nữa, thầy hoà thượng hay thầy tiếp dẫn, cha mẹ ông bà hoặc chị em, cùng các bậc Sa Môn, Bà La Môn có giới đức thanh cao, toàn là bậc đáng cúng dường cả thảy. Lại nữa, chồng là bậc đáng cúng dường của người vợ. Kẻ nào cúng dường những bậc nên cúng dường như là đức Phật v.v.. thì hằng đem lại nhiều sự lợi ích ngay ở đời này và đời sau chẳng sai. Như có tích dưới đây: “Một người giữ vườn hoa cho đức vua Tần Bà Sa, cắt bông đem hiến cho vua mỗi bữa. Một hôm, người ấy đến hoa viên bẻ bông xong, trông thấy Đức Thế Tôn là đấng Đại Giác cùng chư Tăng theo hầu, ngự đến thành Vương Xá, đặng vào Vương Cung. Vừa gặp Phật, chàng phát tâm trong sạch, muốn dâng hoa quý cúng dường ngài, mới nghĩ rằng: “Bông này ta đem nộp cho vua mỗi ngày, nếu đem cúng dường Phật

hết, thì không có để hiến nạp cho nhà vua. Song không sao, dầu Hoàng Đế có hành hình, ta cũng đành cam chịu”. Nghĩ rồi, nắm hai nắm bông lài tung lên hư không, thì bông ấy kết thành tràng tốt đẹp ở bên phải, rải lên ba nắm nữa cũng kết thành tràng tốt đẹp ở bên trái (đẹp như vành con mắt chim Đại Bàng) và rải lên bốn nắm nữa cũng kết thành tràng tốt đẹp ở phía sau. Đức Thế Tôn ngự tới chỗ nào thì những tràng hoa

lài ấy cũng từ từ bay theo chỗ đó. Đức vua nghe rõ tự sự, và xem thấy những tràng hoa lài cứ đi theo che Đức Phật. Vua bèn kính thỉnh Phật và chư Tăng vào vương cung. Còn chàng cúng bông, sau khi cúng xong thấy việc lạ thường như thế nên tâm càng trong sạch, hăng hái, trở về nhà thuật chuyện cho vợ nghe sự cúng dường mà mình đã làm, đặng thấy sự phi thường như thế. Song người vợ là hạng ngu si, lãng mạn, không trong sạch, lại nói rằng: "Ừ bây giờ tội lỗi anh chịu lấy, tại anh không hiến nạp cho vua. Sự hình phạt ra thế nào, đừng đổ cho tôi, hai ta hãy lìa nhau trong giờ phút này. Nàng nói đoạn, bỏ đi vào tâu cả tự sự của chồng mình cho vua nghe, ấy là phi nghĩa lập công. Hoàng đế Tần Bà Sa, ngài thấy rõ rằng đây là phụ nữ si ác, rồi ngài đuổi ra khỏi hoàng cung ngay. Đức vua làm phước xong, ngài phái thị thần đòi chàng giữ vườn bông đến. Khi chàng đến thì vua hỏi rằng: "Này MĀLĀKĀRA kia! Gã lấy bông của trẫm dâng cho Phật phải không?" Chàng đáp: "Muôn tâu đại vương phải. Xin đại vương dùng lượng hải hà ân xá tội lỗi ấy cho kẻ hạ thần. TAMSUTVĀ đức vua nghe xong bèn có lòng hoan hỉ trong sạch, rồi ngài ban cho vàng, bạc, vải sồ, trâu, bò, voi, ngựa, tớ trai, tớ gái. Cứ mỗi thứ tám món, và tám xứ cống sứ. Chàng giữ bông được hưởng ân huệ như thế, cũng nhờ cái phước cúng dường kết quả hiện tại rõ rệt.

Nên đức ANANDA bạch hỏi rằng: "Bạch Đức Thế Tôn chàng giữ hoa cúng dường Ngài, đặng kết quả như thấy rõ đời này vậy, đến đời sau có hưởng quả nữa không?" Đức Phật đáp rằng: "Này ANANDA, chàng giữ bông này đến khi hết tuổi thọ không đọa vào địa ngục một ức kiếp, và đến kiếp cuối cùng, sẽ đắc quả Độc Giác Phật có đức hiệu gọi là SUMANA, đến khi rã tan ngũ uẩn thì nhập Niết Bàn".

***

Điều hạnh phúc thứ tư

PAṬI RŪPADESAVĀ SOCA: Tư cách của người ở trong nước nên ở, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Nước nào gọi là nước nên ở? ĐÁP: Ở xứ trung quốc độ MAJJHIMA PADESA, ngay giữa trái đất là nơi chư Phật toàn giác, chư Phật Độc Giác và chư Đại A La Hán thành đạo, gọi là Trung Quốc Độ. VẤN: Người ở xứ Trung Quốc Độ có những gì đáng quý không? ĐÁP: Kẻ sanh ở trong xứ ấy có đặng 6 điều cao quý ANUTTARIYA như vầy: 1. DASSANĀNUTTARIYA. Thấy cao quý là đặng thấy chơn dung đức Thế Tôn. 2. SAVANĀNUTTARIYA, nghe cao quý là đặng nghe kinh pháp của Đức Phật thuyết ra. 3. LĀBHĀNUTTARIYA, lợi cao quý là đặng đức tín chơn chánh, tin ngay nơi ân đức Tam Bảo. 4. SIKKHĀNUTTARIYA, học hỏi cao quý là đặng học theo giới, định, huệ mà Phật đã dạy. 5. PĀRICARIYĀNUTTARIYA, phụng sự cao quý là đặng cung phụng hộ độ những bậc nên hộ độ, nhứt là Đức Phật.

6. ANUSSATĀNUTTARIYA, ức niệm cao quý là đặng ghi nhớ đến ân đức trọn lành của Tam Bảo. Những người ở nơi Trung Quốc Độ, là xứ nên ở, có sáu điều cao quý như thế, nên có một sự tích như vầy: "Có một người Bà La Môn tên VAGGALI ở xứ SĀVATTHĪ, xem thấy sắc thân tốt đẹp của Phật, bèn phát tâm trong sạch muốn ngắm xem sắc thân xinh đẹp của Phật không nhàm chán, mới tính xuất gia tu theo. Từ khi xuất gia xong, vị tỳ khưu đó cứ nhìn xem kim thân của Phật mỗi ngày, không lưu tâm học hỏi chi cả.

Phật bảo rằng: “Này VAGGALI, người chớ nên xem Như Lai bằng con mắt. Ngươi hãy quan sát cho thấy Pháp đi! Kẻ nào thấy Pháp của Như Lai, gọi kẻ ấy thấy Như Lai, kẻ nào thấy Như Lai thì gọi kẻ ấy thấy Pháp”. Ngài phán như vậy, xong đuổi ông VAGGALI đi ra khỏi chỗ. Ông hết sức âu sầu, la khóc, rồi lên trên núi nghĩ rằng: Ta lên tận chót núi để gieo mình xuống chết cho rồi, chớ sống ích lợi chi không đặng thấy Phật. Bấy giờ Phật hiểu rõ, nên ngài phóng lục hào quang như là ngài ngự đến trước chỗ của thầy VAGGALI mà thuyết pháp cho thầy nghe, thầy VIGGALI khởi tâm trong sạch bay nguyên hình lên hư không do mãnh lực của phỉ lạc, và pháp mầu chảy ngay vào giòng Trí Tuệ thấy rõ Tứ Diệu Đế và đắc quả A La Hán, tuyệt trừ phiền não. Sự ở trong nước nên ở, có điều cao quý như đã giải đáp đây.

***

Điều hạnh phúc thứ năm

PUBBE CAKATA PUÑÑATĀ: Tư cách của người đã làm được việc lành để dành từ trước gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Những việc lành đã tạo trữ từ trước để dành lại đó là những gì? ĐÁP: Ta đã bố thí, trì giới và tham thiền niệm Phật, hoặc nghe kinh thính pháp, cúng dường Phật, Pháp, Tăng không dứt, khi chết kiếp làm người này, đặng thác hoá lên cõi trời hay làm người, cũng do cái nhân đã làm từ trước. Cũng như sự tích sau này: “Thời gian không Phật giáo, có một xứ toàn người thợ dệt nhiều đức tin. Khi ấy, có một ngàn vị Phật Độc Giác từ rừng tuyết lãnh bay đến. Trong nhóm thợ dệt có một người lớn hơn mọi người tổ chức, rồi cả nhóm đồng ý hoan hỷ thỉnh chư Phật kiết hạ an cư tại đó. Cứ mỗi người hộ độ một vị. Khi ra hạ dâng cúng y đến các ngài. Nhóm thợ ấy sau khi lìa trần đều được sanh về cõi trời. Tới hồi đức Phật Ca Diếp ra giáo hoá, thì nhóm chư Thiên ấy giáng sanh làm người, có đức tin trong sạch, hằng bố thí, trì giới, tham thiền và cúng dường Phật, Pháp, Tăng. Tới khi chết lại sanh lên cõi trời hưởng an, cho đến khi đức Phật Thích Ca Mu Ni ra giáo hoá, thì nhóm trời đó lại giáng sinh làm người. Nhóm ấy, người đứng đầu trong buổi còn thợ dệt, nay làm vị vua hiệu MAHĀKAPINA. Hoàng hậu tên ANOJĀ. Còn các thợ dệt nhỏ khác cũng được thọ sanh và đều làm triều thần quan lại cả một ngàn. Đức vua nghe nhóm người thương mãi rao rằng: “Phật, Pháp, Tăng đã thành đạo trong thế gian rồi”. Ngài hết sức hoan hỷ, ban thưởng cho nhóm lái buôn 300 ngàn, rồi lên ngựa cùng hết thảy các quan theo hầu, ngài ngự đi lễ Phật. ATHAKHOBHAGAVĀ = Đức Thế Tôn biết trong khi ấy, sẽ có đức vua và bộ hạ triều thần đến nghe pháp. Ngài ngự đi đến chỗ gần mé rạch và phóng lục hào quang sáng

ngời rực rỡ. Đức vua MAHĀKAPINA cùng bộ hạ ngự giá đến gần mé rạch chắp tay, đưa lên chú nguyện rằng: “Cầu xin cho nước trong sạch này khô cứng như tảng đá”. Rồi ngài giục ngựa xuống sông thì nước khô cứng như đá, khi ngự đến rạch thứ nhì, thứ ba, ngài cũng chú nguyện như vậy. Kể cả một ngàn người đều giục ngựa qua ba cái rạch ấy, đến chỗ Phật ngự, vào đảnh lễ, rồi an ngự để thính pháp. Khi đức Thế Tôn thuyết xong thì đức vua MAHĀKAPINA và cả ngàn bộ hạ đều đắc quả Tu Đà Hườn. Trong khi ấy, hoàng hậu ANOJĀ nghe hoàng đế và chư vị thị thần ngự đi đảnh lễ Phật, là thầy cả Chư Thiên và nhơn loại, thì lịnh bà cũng phát tâm hoan hỷ, rồi cùng một ngàn thị nữ

lên xe thẳng đi yết lễ Phật. Tất cả cứ nhắm ngay theo hướng Phật an toạ mà thẳng tới, cũng gặp 3 con rạch ấy, lịnh bà bèn dùng chơn ngôn mà chú nguyện rằng: "Xin cho tôi và một ngàn thị nữ qua khỏi rạch cũng như đức hoàng đế đã ngự qua vậy. Khi đến nơi vào đảnh lễ đấng Thiên Nhơn Sư, được nghe chánh pháp, thì bà và cả một ngàn thị nữ, đều đắc quả Tu Đà Hườn, thành bậc thánh nhơn trong Phật giáo.

***

Điều hạnh phúc thứ sáu

ATTASAMMĀPANĪDHICA: Nết hạnh giữ mình theo lẽ chánh gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Giữ mình theo lẽ chánh là giữ bằng cách nào? ĐÁP: 1. Phải khắng khít giữ mình theo đức tin, là tin nơi những điều lành lẽ phải, đúng theo chơn lý, nhứt là Phật, Pháp, Tăng. 2. Phải khắng khít giữ giới luật như năm giới, tám giới và mười thiện nghiệp cho trong sạch.

3. Phải khắng khít trong sự học hỏi là chăm lo nghe kinh thính pháp. 4. Phải khắng khít trong sự bố thí. 5. Phải khắng khít trong trí tuệ quan sát cho nhận chân các pháp hữu vi, toàn là vô thường, khổ não, vô ngã. 6. Phải khắng khít trong sự tìm kiếm điều lợi ích ở kiếp này và đời sau, cùng lợi ích tối cao là Niết Bàn. Được như thế mới gọi là giữ mình theo lẽ chánh. ATTASAMMĀPANĪDHICA: Phải khắng khít giữ mình theo lẽ chánh, gìn giữ mình ở trong nơi tốt đẹp, nghĩa là ngày trước ta là người xấu, sau cố gắng trở thành người tốt, hay trước kia ta là người tà kiến, sau đổi thành chánh kiến. Có một sự tích như vầy: "Có một chàng Bà La Môn ngoài Phật giáo, là người tà kiến, hễ nghe ai niệm hoặc tụng Phật, Pháp, Tăng thì khởi tâm giận. Song gặp người vợ lại là người chánh kiến. Người chồng bàn tính với vợ ngỏ ý muốn thỉnh các thầy ở đạo Bà La Môn, đến thọ thí tại nhà mình. Người vợ cũng vui lòng, nhưng vì các thầy toàn là người tà kiến, nên người chồng dặn vợ hễ khi các thầy ta đến nhà rồi, thì bậu chớ tụng tiếng Phật, Pháp, Tăng nữa. Nếu bậu không vâng lời ta sẽ giết bỏ. Nói đoạn sắm sửa thực phẩm rồi thỉnh các thầy đến nhà. Có thầy đã ngồi ăn, có thầy đang sửa soạn. Người vợ của thí chủ bưng phẩm vật đang đi vấp nhằm một khúc cây, nên giựt mình mà nói lịu như vầy: "NAMOTASSABHAGAVATO". "Tôi xin hết lòng thành kính đảnh lễ đức Thế Tôn". Các thầy Bà La Môn nghe như thế bèn giận, bỏ đứng dậy ra về và mắng nhiếc đủ điều, nên người chồng cũng hết sức giận vợ, chửi mắng om sòm, rồi đi vào chùa yết kiến Phật để hỏi: "Bạch ngài GOTAMA, con người nhờ diệt trừ được cái chi mà khỏi sự buồn rầu than tiếc, nằm ngủ cũng an vui?" Phật liền giải đáp: Này người Bà La Môn! Kẻ nào diệt trừ được phiền não, là món ô trược, nhứt là sự sân hận bằng

thánh đạo tuệ, thì kẻ ấy khi ngủ hằng được an vui, và khỏi phải thọ khổ ở kiếp sau. Khi chàng Bà La Môn nghe xong thời pháp, bèn phát tâm trong sạch, tín ngưỡng bằng cách chơn chánh, và đảnh lễ xin ngài cho xuất gia. Phật bèn cho phép ông Bà La Môn xuất gia ráng hành pháp minh sát, không bao lâu được đắc quả A La Hán, dứt sạch phiền não.

*** Điều hạnh phúc thứ bảy

BĀHUSACCAÑCA: Nết hạnh của người được nghe nhiều học rộng về Pháp Bảo gọi hạnh phúc cao thượng. VẤN: Nên nghe Pháp của ai? ĐÁP: Nên nghe Pháp của đức Phật và của chư Thanh Văn đệ tử Phật, hay của các Sa Môn, Bà La Môn có giới, định, huệ, hằng thuyết diễn chỉ dẫn con đường nhơn, Thiên, Niết Bàn, hoặc là bậc tại gia cư sĩ học hiểu kinh, luật, luận rõ rệt đúng đắn đem ra diễn giải đều nên nghe cả. VẤN: Kẻ đa văn quảng kiến có mấy bậc? ĐÁP: Có hai hạng: 1) Thiện trí thức là bậc học nhiều hiểu rộng và hành đúng. 2) Hàng tại gia học rộng hiểu pháp nhiều cũng khép vào hạng đa văn. Bởi người ấy có thể đem cho kẻ khác được sự lợi ích, và điều an vui, nhứt là lợi lộc, lại có năng lực cứu thoát cho kẻ khác khỏi khổ nữa. Có sự tích như vậy: "Thời quá khứ, tiền thân của Phật Thích Ca, thọ sanh làm con vua, đức vua đó có 3 hoàng tử. Song mỗi hoàng tử lại là con khác mẹ. Nhưng hoàng đế cho 3 vị hoàng tử ở chung với nhau. Một hôm cả 3 hoàng tử ngự vào rừng, vị hoàng huynh khát nước quá, nên bảo hoàng tiểu đệ xuống hồ múc nước. Trong hồ ấy có phi nhơn Dạ Xoa nó thấy hoàng nhi thì bèn bắt đem giấu một chỗ. Hoàng huynh thấy lâu mà

em không về, bèn bảo hoàng thứ đệ theo kiếm. Khi vừa tới cũng bị phi nhơn bắt giấu luôn. Hoàng huynh là Bồ Tát, ngóng theo vệ đường càng lâu không thấy. Ngài liền theo kiếm. Khi đến chỗ, đức Bồ Tát dùng trí tuệ suy xét biết rằng: "Có phi nhơn bắt em mình giấu không cho lên". Bồ Tát bèn hỏi thì Dạ Xoa ấy đáp rằng: "Hồ này do lệnh vua VESSAVAṆṆA bảo ta gìn giữ, hễ ai đến đây hãy bắt ngay. Nếu biết thuyết pháp chư Thiên thì sẽ được tha, bằng thuyết pháp không đặng thì ta giữ làm vật thực để ăn". Bồ Tát hỏi: "Vậy ngươi muốn nghe pháp Chư Thiên sao? Ta sẽ thuyết cho ngươi nghe. Này Dạ Xoa! Pháp thứ nhứt là sự hổ thẹn, hoặc nhờm gớm tội lỗi (HIRI). Pháp thứ nhì là sự ghê sợ tội lỗi (OTAPPA). Đây là pháp của bậc hiền triết, khi Dạ Xoa nghe Pháp Chư Thiên xong, hoan hỷ, tín thọ, liền đi dẫn hoàng thứ đệ lại cho Bồ Tát. Đức Bồ Tát phán rằng: "Ta muốn được em út của ta". Dạ Xoa nói người chỉ hiểu DEVADHARMA thôi, không hiểu pháp Cung Kính APPACĀYANA DHARMA. Đức Bồ Tát phán rằng: "Ta hiểu cả hai pháp, vả chăng em út ta là khác mẹ, nếu ta không dẫn em út ta về xứ thì dân chúng ắt chê trách ta rằng: Đã giết bỏ em khác mẹ rồi, mà chỉ đem em của mình về thôi". Bởi thế cho nên ta mong rằng người hãy đem em út của ta lại cho ta. Dạ Xoa vui lòng đem hai hoàng tử giao cho Bồ Tát. Sự cứu thoát cho 2 hoàng đệ đó khỏi khổ, cũng do nhờ Bồ Tát có nhiều Trí Tuệ, và học nhiều hiểu rộng vậy. Lại nữa, bậc xuất gia là kẻ chăm lo học những Phật ngôn chú giải cho trở thành bậc đa văn, như các bậc hộ trì kinh luật của Phật đã di truyền thì cũng hằng được lợi lộc phát sanh. Như đức ANANDA của em Phật. KIRA = có nghe như vầy: "Khi Phật còn tại thế, có một người Bà La Môn đến yết kiến ngài và bạch rằng: "Ngưỡng bạch Thế Tôn! Đệ tử có

tâm tín thành đã cúng dường Phật Bảo và Tăng Bảo rồi, chỉ còn Pháp Bảo chưa. Vậy nay đệ tử muốn cúng dường Pháp Bảo thì nên cúng ở đâu? Đức Phật đáp rằng: "Này Bà La Môn người muốn cúng dường Pháp Bảo thì hãy cúng dường các bậc đa văn quảng kiến đi, vì kẻ ấy hằng nâng đỡ Pháp Bảo". Chàng Bà La Môn lui ra bạch hỏi chư Tăng, ai là bậc đa văn, thì chư Tăng ai nấy đều chỉ đức ANANDA là bậc đa văn, vì ngài là kẻ nâng đỡ Pháp Bảo vậy. Chàng ấy đem bốn món cúng dường đến dâng cho đức ANANDA, rồi vào bạch với Phật, Phật ban khen rằng: SĀDHU, lành thay, quả cúng

dường Pháp Bảo của người thật cao quý. Nói về phần đông thiện tín, kể từ đó tiếp tục dâng cúng Pháp Bảo ngay đến đức ANANDA không ngớt, do nết hạnh được nghe nhiều hoạ rộng và nâng đỡ Pháp Bảo của Ngài.

***

Điều hạnh phúc thứ tám

SIPPĀNCA: Sự rành rẽ trong tất cả nghề nghiệp gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Rành rẽ trong việc nào? ĐÁP: Rành rẽ trong các nghề nghiệp, nếu đàn ông thi sĩ, nông, công, thương, làm thầy làm thợ v.v... Nếu là đàn bà thì rành rẽ việc nữ công, nữ hạnh, buôn bán, tề gia nội trợ, nhứt là rành rẽ trong việc vật thực, bánh trái v.v... Lại nữa, ngài giải rằng nghề nghiệp có hai cách là: A) ĀGĀRASIPPA: Nghề nghiệp của người tại gia, đặc chỉ về sự rành rẽ trong các ngành thợ như là thợ mộc, thợ vôi, thợ bạc v.v.. Bởi vì tất cả nghề nghiệp trên đây hằng đem lợi lạc đến cho trong kiếp này và những đời sau. Như sự tích dưới đây:

"Có một người thợ làm ngọc, đi kiếm đào những cái hầm theo các xứ cũ. Một hôm được nghe xứ kia, nguyên trước có một ông Bá hộ. Khi ông ta chết, vợ ông chôn của tới bốn trăm triệu. Vì lúc gần tắt hơi, tâm ông nghĩ đến của ấy, nên sau khi chết, lại tái sanh làm một con chuột ở giữ cái hầm của đó, con chuột vừa thấy anh thợ đi, thì ngỏ ý mừng, rồi tha bạc đưa cho người thợ, và tỏ dấu muốn được đồ ăn. Anh thợ đi mua vật thực đem lại cho con chuột ăn mỗi bữa. Ít lâu con chuột chỉ hầm của cho. Anh thợ ấy được bốn trăm triệu, là nhờ có nghề nghiệp và chịu khó tìm kiếm. Nếu trí tuệ và nghề nghiệp không có thì chắc khó đặng của cải". Có một sự tích nữa rằng: "Hai cha con người thợ mộc, có đức tin trong sạch, ngưỡng mộ Đức Phật Độc Giác, nên hai cha con tạo tịnh thất dâng cúng cho ngài, và thỉnh ngài an cư kiết hạ. Ít lâu hai cha con chết được sanh về cõi trời. Vị trời con sau giáng sanh làm hoàng tử của một đức vua, lớn lên phụ hoàng truyền ngôi báu cho. Khi ấy, do cái quả phước của sự tạo tịnh thất hoá thành 1 toà đền đài bằng bảy báu, để hiến cho hoàng tử hưởng an bệ vàng. Theo lời chư Tổ, chú giải rằng: "Toà lầu bằng bảy báu ấy, để dành cho đức Phật Di Lạc xuất thế. Song hiện nay sụp chìm xuống đáy biển". B) ANĀGĀRASIPPA: Sự rành rẽ của bậc xuất gia, là chỉ về sự lão thông rành rẽ theo điều kiện của giới luật, như sự cắt may y của đức ANANDA chẳng hạn, đức ANANDA theo hầu cận Phật, ngự đến xứ MAGADHA, ngài xem thấy đám ruộng bèn phán với ANANDA rằng: "Này ANANDA! Người hãy cắt y Ca Sa giống như đám ruộng ấy, thì kẻ trộm nó không lấy vì y cắt nhỏ ra từng miếng, cho nên khỏi bị mất như trước. ANANDA vâng lời cắt y giống đám ruộng xứ MAGADHA, nghĩa là cắt làm năm điều, may nhuộm xong, đem vào trình Đức Thế Tôn. Ngài bèn khen ngợi trí sáng của đức ANANDA.

Rồi ngài cấm chế rằng: "Nếu Tỳ Khưu nào không dùng y cắt phạm tội tác ác, ấy là điều luật cấm chế đến nay".

***

Điều hạnh phúc thứ chín

VINAYOCASUSIKKHITO: Người học đúng đắn theo giới luật, gọi là hạnh phúc cao thượng.
VẤN: Người học theo giới luật đúng đắn phải học ra thế nào?
ĐÁP: Phải học cho hiểu cả hai phận sự giới luật là:
1) ĀGĀRIYAVINAYA: luật của kẻ có nhà.
2) ANĀGĀRIYAVINAYA: luật của kẻ không nhà
VẤN: Cả hai phần luật đó thế nào?
ĐÁP: Luật của bậc tại gia có ngũ giới, bát giới, thập thiện.
Ngũ giới là:
1) Tác ý chừa cải sự giết hại chúng sanh còn sống phải chết.
2) Tác ý chừa cải sự trộm cắp tài sản của chăn giữ.
3) Tác ý chừa cải sự tà dâm với người nữ có kẻ chăn giữ.
4) Tác ý chừa cải lời nói không thật.
5) Tác ý chừa cải không uống rượu và các chất say, có thể làm cho sự dể duôi phát sanh.
Bát giới là:
1) Không sát sanh.
2) Không trộm cắp.
3) Không thông dâm.
4) Không nói dối.
5) Không uống rượu.
6) Không ăn sái giờ.
7) Không múa hát, đánh đờn, thổi kèn, đi xem múa hát đờn kèn và các cuộc chơi trở ngại thiện pháp và sự trang sức dồi phấn đeo tràng hoa. 8) Không nằm ngồi nơi quá cao, và xinh đẹp. Cả tám điều này thọ trì trong một ngày một đêm, mỗi tháng tám bữa là: 5-8-14-15-20-23-29-30 tháng thiếu 28-29 giữ giới như vậy gọi là Quan trai giới (UPOSATHASĪLA). Thập thiện là: 1) Thân tam: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm. 2) Khẩu tứ: Không nói dối, không nói đâm thọc, không nói độc ác, không nói vô ích. 3) Ý tam: Không tham lam sang đoạt, không sân hận thù oán hại người, không si mê tà kiến. Luật xuất gia là của Tỳ Khưu, Sa Di (Xin xem quyển Luật Xuất Gia của ngài Hộ Tông). VẤN: Trong cả 4 hạng Tỳ Khưu, Sa Di, Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ, có sự dể duôi không gìn giữ giới luật cho trong sạch thì sao? ĐÁP: Kẻ dể duôi không gìn giữ giới luật cho trong sạch, gọi là người phá giới, ví như cây không có lõi, và không rễ cái, hằng bị gió bốn phương lay chuyển mãi. Trong Phật giáo nói về lõi (nên hiểu là pháp chắc thật), có ba hạng: a) SĪLASĀRO: Giới là sự tác ý chừa cải, ví như cái lõi cây. b) SAMĀDHISĀRO: Tâm định chắc chắn trong đề mục thiền, đặng dứt năm ác pháp là pháp cái cho ra khỏi tâm, để khỏi bị ngăn trở ví như lõi cây. c) PAÑÑĀSĀRO: Trí tuệ quán sát 3 tướng cho thấy rõ, bằng tuệ giác hiểu chắc các pháp hữu vi: danh và sắc thật là không bền vững, lâu dài, hằng đem lại sự khổ,

và nó không phải là của ta, một cách rõ rệt. Xét thấy Tứ diệu đế rõ rệt, gọi là lõi chắc chắn cao quý. VẤN: Vậy chớ người phá giới chết đi đâu? ĐÁP: Người phá giới chết đọa 4 đường ác chẳng sai, như có chú thích rõ rằng: DUSSĪLO APĀYAGATO ĀHU: giải rằng người phá giới chết sa bốn đường dữ, chắc hẳn như vậy. VẤN: Ngươì giữ giới trong sạch có quả báo như thế nào? ĐÁP: Người giữ giới đặng kết quả không đồng nhau, nghĩa là: Quả của sự không sát sanh thì có sắc thân xinh đẹp, tuổi thọ lâu dài. Quả không thâu đạo, được sắc thân xinh đẹp, lại có của không bị tiêu hủy, do các điều tai hại như là trộm cắp v.v.... Quả của sự không tà dâm, hằng được sắc thân xinh đẹp, lại khỏi bị kẻ khác lạm tình với vợ con của mình, bằng sự tình dục vô luân. Quả của sự không vọng ngữ thì được sắc thân xinh đẹp, lại có tiếng tăm hay quý và khỏi bị kẻ khác dùng sự giả dối lừa gạt mình mà chớ, lại còn đoạn trừ được sự hung tợn nữa. Quả của sự không uống rượu và những chất say, thì được sắc thân xinh đẹp, có nhiều sự ghi nhớ và trí tuệ, không bị điên cuồng, khờ khẩn, mất thể tánh người ta. Đây là 5 quả báo của kẻ giữ giới trong sạch. Trái trở lại, là quả báo của người không giữ giới: 1) Hằng bị chết yểu. 2) Nghèo nàn khổ sở hễ có của chút ít thì bị đạo tặc hay lửa cháy v.v.... 3) Vợ con hay có ý riêng, làm cho gia can không đầm ấm và hằng bị kẻ khác đến quyến rũ vợ hoặc con cháu.

4) Hằng bị kẻ khác lừa gạt, lắm khi hại tài sản hoặc tánh mạng, bằng lời không thật. 5) Hằng bị khờ dại hoặc điên khùng, nghĩa là không có trí nhớ và trí tuệ để ghi nhớ hay phán đoán một việc chi, dầu lớn hay nhỏ. Lại nữa, người giữ giới trong sạch, thì con đường người và trời ở kiếp sau không mất. Như có một sự tích sau đây: “Có bảy trăm người buôn biển, lướt thuyền ra giữa biển được bảy ngày, thì thuyền rã muốn chìm, bao nhiêu người đều sợ hãi, mới đồng với nhau khẩn vái Chư Thiên, mà từ trước mỗi người đều quen tín ngưỡng. Khi ấy, có một người đàn ông, trước ngày xuống thuyền lui bến đó, thì chàng ta đã có thọ tam quy trì ngũ giới, và đã bố thí cúng dường đến chư Tăng rồi mới xuống. Riêng chàng đó ngồi một cách tự tại giữa thuyền mà quan sát đến sự bố thí và trì giới của mình đã làm, không hề kinh hãi. Hết thảy người trong thuyền hỏi cớ sao bạn không sợ sự chết. - Tôi có ngũ giới trong sạch khắng khít với tâm của tôi, dù chết cũng đặng sanh về nhàn cảnh, cho nên tôi không sợ sự chết. - Vậy ngũ giới đó chúng tôi giữ đặng ư? - Giữ đặng. Cả bọn vừa nghe thì có tâm hăng hái lắm, bèn xin thọ ngũ giới. Chàng ta chia ra làm 7 phần, mỗi phần một trăm người. Trăm người thứ nhứt thọ giới xong, nước vừa ngập đến cổ chân. Trăm người thứ nhì thọ giới xong, nước ngập đến đầu gối. Trăm người thứ ba thọ giới vừa xong, nước ngập đến lưng quần. Trăm người thứ tư thọ giới vừa xong, nước ngập đến lỗ rún. Trăm người thứ năm thọ giới vừa xong, nước ngập đến ngực. Trăm người thứ sáu thọ giới vừa xong, nước ngập đến cổ. Trăm người thứ bảy thọ giới vừa xong, nước ngập đến miệng.

Khi truyền giới vừa xong rồi, chàng tiến dẫn nói với bảy trăm người rằng: “Ngũ giới đây là nơi nương nhờ của chúng ta, vậy các người hãy khắng mình vào nơi ngũ giới đi.” Nói lớn như thế vừa rồi thì chìm xuống biển. KĀLAṂKARONTA chết rồi đặng sanh về cõi trời cả thảy, ấy là do mãnh lực của quả báo trì giới trong sạch. VẤN: Cái gì gọi là giới? ĐÁP: Sự tác ý chừa cải, bởi Phật có thuyết như vầy: “CETANĀHAṂ BHIKKHAVE SĪLAṂ VADĀMI, này các Tỳ Khưu! Như Lai gọi sự tác ý chừa cải lánh các tội lỗi, nghĩa

là không sát sanh, trộm cắp v.v..., gọi là giới vậy. Bởi thế cho nên, dầu người hạng nào chẳng hạn, miễn là có sự tác ý chừa cải tội lỗi, thu thúc thân, khẩu, ý, gọi là người có giới cả. Trái lại người không có sự chừa cải tội lỗi, dầu cho kẻ ấy đã ăn mặc nâu sòng, coi ra vẻ đạo nhơn, song cũng gọi là người không giới. Theo lời Phật thuyết như vầy: "KĀSĀVAKAṆṬHĀ BAHAVOPĀPADHAMMĀ ASAÑÑATĀ, mặc dầu là người mặc áo ca sa, coi vẻ nâu sòng, mà không có sự thu thúc thân, khẩu, ý, chỉ làm điều tội lỗi thì quyết sa đoạ vào bốn đường ác chẳng sai.

***

Điều hạnh phúc thứ mười

SUBHĀSITĀCAYĀVĀCĀ: Lời nói chơn chánh ngay thẳng hiệp theo sự lợi ích gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Lời nói chơn chánh như thế nào? ĐÁP: Lời nói êm dịu, ngọt ngào, không đàn áp kẻ khác, chỉ dùng lời nói làm cho kẻ khác hoan nghinh, nói những lời không lẫn lộn tội lỗi, như sự nói dối lãng mạn, hay chưởi mắng v.v..., dùng toàn những lời từ thiện, như là nói về sự bố

thí, trì giới, tham thiền, hoặc thuyết pháp giảng kinh hay là nói đúng theo mười điều KATHĀVATTHU như đây: 1) APICCAKATHĀ: Nói những sự làm cho chúng sanh thiểu dục. 2) SANTUTTHI KATHA: Nói về những pháp tri túc, là làm cho biết tiết độ trong vật dụng. 3) PAVIVEKAKATHĀ: Nói về pháp cảm động là ưa thích chốn thanh vắng và làm cho thân tâm yên lặng, khiến cho hằng có sự kính cảm, thấy ngũ uẩn này là vô thường, khổ não, vô ngã. 4) ASAṂSAGGAKATHĀ: Nói về sự không lẫn lộn với những bọn ngu si. 5) VIRIYĀRAMBHA KATHĀ: Nói về sự tinh tấn diệt tội lỗi và tạo trữ phước thiện. 6) SĪLA KATHĀ: Nói về giới luật là phương pháp răn trị thân, khẩu, cho thanh tịnh. 7) SAMĀTHI KATHĀ: Nói về thiền định là phương pháp tham trụ tâm cho đặng tịch tịnh. 8) PAÑÑĀ KATHĀ: Nói về Trí Tuệ là thế gian trí và xuất thế gian trí đặng làm cho tâm được minh tịnh. 9) VIMUTTI KATHĀ: Nói về sự giải thoát nghĩa là rỗi rảnh, lánh thoát ra ngoài phạm vi nô lệ của phiền não. 10) VIMUTTIÑÑĀNA DASSANA KATHĀ: Nói về trí tuệ soi thấy thấu rõ sự giải thoát nghĩa là hiểu rằng nay đã giải phóng khỏi phiền não quản thúc, gọi là PACCAVEKKHAṆA ÑĀNA. Cả 10 điều này, các nhà tu Phật chỉ nên y theo đó mà nói năng, vả chăng lời nói có thể sanh trưởng lợi lộc và kết quả tốt đẹp. Cũng lời nói mà hao tài tốn của và kết quả chẳng lành. Như có sự tích rằng: Đời quá khứ Đức Bồ Tát tiền thân của Phật Thích Ca, sanh làm con bò tên NANDA VISĀLA

có nhiều sức mạnh, Bà La Môn chủ tính rằng: "Bò ta có thể kéo nỗi 100 cổ xe chở đầy sạn hoặc cát." Người Bà La Môn bèn dẫn bò đến nhà bá hộ để cá với giá một ngàn lượng bạc. Nếu bò kéo nổi một trăm cổ xe chở đầy. Giá cả xong anh ta thắng con bò vào cái xe trước, rồi nói bằng lời thô lỗ, hung tợn, mà giục con bò kéo đi, bò nghe những lời ấy, làm cho bủn rủn cả, không còn sức mạnh mà kéo nổi, lại vùng chạy mất. Anh chủ phải thua ông bá hộ một ngàn lượng bạc. Về nhà ăn uống không được, coi vẻ âu sầu, chiều tối con bò mới về tới; sau người chủ đi cá với ông bá hộ một lần nữa, nhưng lần này người chủ chẳng dùng lời thô bỉ như trước. Người chủ làm như trước, song lần này cá hai ngàn và dùng toàn lời êm ái, dịu ngọt, khuyên con bò kéo đi thì quả thật, vừa dứt

lời người chủ, con bò kéo đi ngay. Vì con bò nghe lời ngọt ngào của chủ, tăng thêm sức mạnh kéo đi dễ dàng. Người Bà La Môn được hai ngàn lượng bạc, cũng nhờ lời nói ngọt dịu vậy. ***

Điều hạnh phúc thứ 11

MĀTĀPITUPATTHĀNAṂ: Nết hạnh phụng sự cha mẹ gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Sự cung phụng cha mẹ phải làm bằng cách nào? ĐÁP: Phải cung phụng cha mẹ bằng 5 chi như vầy: 1) Sự nuôi nấng cha mẹ, là lo ăn mặc cho ngài, khi đau ốm chăm lo thuốc thang, hay là quạt nồng đắp lạnh hoặc giặt rửa v.v.... 2) Giúp đỡ làm các công việc của cha mẹ, dẫu mình hữu sự, cũng nên đình lại mà làm công việc cha mẹ cho xong.

3) Hãy giữ gìn gia tộc của cha mẹ cho miên viễn và ráng làm điều phước thiện. 4) Phải giữ gìn của di sản và lời lành lẽ phải của cha mẹ đã dạy dỗ, cho tốt đẹp lâu dài. 5) Khi cha mẹ qua đời rồi, nên làm phước bố thí để hồi hướng cho ngài. Làm được như năm điều này gọi là phụng sự cha mẹ. Lại nữa, hãy phụng sự theo 5 điều cao thượng là: 1) Nếu cha mẹ là người không có đức tin, hãy dìu dắt tiếp dẫn cho ngài trở nên có chánh tín. 2) Nếu cha mẹ là người không có giới, hãy dìu dắt tiếp dẫn ngài cho trở nên biết giữ giới tu hành. 3) Nếu cha mẹ là người chưa biết bố thí, hãy dìu dắt tiếp dẫn ngài biết làm điều phước thiện, đem của ra cho. 4) Nếu cha mẹ là người chưa nghe kinh, hãy dìu dắt tiếp dẫn ngài ráng nghe kinh thỉnh pháp. 5) Nếu cha mẹ là người không có trí tuệ, hãy dìu dắt tiếp dẫn cho ngài trở nên có Trí Tuệ, suy xét thấy rõ 3 tướng, vô thường, khổ não, vô ngã. Năm điều này gọi là sự cung phụng cao thượng. VẤN: Sự cung phụng cha mẹ có lợi ích thế nào? ĐÁP: Có nhiều điều thắng lợi lắm, dầu gặp nhiều sự khốn khổ, hoặc bị mọi điều hình phạt khác cũng có thể lướt qua cả. Như sự tích sau này: “Đời quá khứ tiền thân Phật Thích Ca, ngài thọ sanh làm con một vị vua, khi đang còn trong thai, có đức vua tha quốc, hiệu VILOKA, đem binh đánh lấy đất nước, hoàng đế cùng hoàng hậu phải chạy vào rừng trốn, không bao lâu vua VILOKA hay tin rằng đức vua bản xứ ở trong rừng, bèn hạ chỉ cho lính bắt về. Chỉ còn hoàng hậu lẻ loi ở giữa rừng. Ít lâu lịnh bà sanh đặng hoàng nhi rất tuấn tú, diện mạo thật

khôi ngô, một mẹ một con ở lang thang nơi chốn rừng sâu núi thẳm, cho đến ngày hoàng nhi lên 7 tuổi, mới hỏi cha ở đâu, mà con không thấy mặt. Lịnh bà kể hết sự tình, hoàng nhi hiểu rõ nguồn cơn mới quỳ xin lịnh mẫu hoàng cho phép con theo kiếm phụ hoàng. Khi đức hoàng tử là Bồ Tát đi vừa tới đô thành, thì thấy người ta đang dẫn vua cha ra sắp giết. Ngài bèn xin thế mạng cho phụ hoàng, xin chịu gánh vác tất cả tội lỗi thì quan giám sát liền cho dẫn hoàng nhi vào sát trường rồi dùng gươm chém tới ba lát không chết, mới cho voi chà. Song do quả báo của sự hiếu hạnh quá nhiều mãnh lực, khiến cho voi không dám chà. Sau lại bị đem bỏ vào hầm lửa than; khi ấy liền có hoa sen đỡ, làm cho Bồ Tát khỏi nóng. Sau cùng đem bỏ Ngài xuống dưới biển, lại được Long Vương rước đem ngài đi cúng dường. Đức Bồ Tát khỏi chết do nhờ quả báo của sự hiếu hạnh vậy. VẤN: Còn như kẻ huỷ báng cha mẹ thì sao? ĐÁP: Kẻ nào ngỗ nghịch huỷ hoại cha mẹ thì quyết phải bị tội khổ trong kiếp này giống nhau. Cũng như tích hai mẹ con. Người con tên MITTA VINDUKA, vì mẹ quá thương nên một hôm người con muốn

đi buôn biển mà bà mẹ không cho. Người con chẳng nghe lời, nên bà mẹ chạy theo đón bắt lại. Người con nỗi giận, đánh đập bà mẹ té nhào, rồi chạy xuống thuyền. Do mãnh lực của tội ác ấy, giữa biển khơi phong ba dữ dội không thể đi được. Người chủ trong thuyền mới bắt thăm. Chàng MITTAVINDUKA bắt nhằm thăm xấu tới ba lần. Người chủ bèn buộc người ấy xuống ôm ống phao thả trôi theo biển. Chàng ta trôi tấp vào nơi một hòn đảo. Trong đảo ấy có loài Ngạ Quỷ đang thọ khổ rất nhiều. Truyền rằng có một người giết hại cha mẹ, sau khi chết sa đoạ vào địa ngục, thọ khổ xong, tái sanh làm ngạ quỷ, có một vành như bánh xe gắn ở trên đầu, máu chảy nhuộm cả châu thân, hằng chịu khổ sở và khóc la rất thảm thiết. Chàng MITTAVINDUKA xem thấy ngạ quỷ thì thương hại, và thấy

bánh xe trên đầu, lại nghĩ như người ta đội bông sen, dòm thấy máu lắm đầy mình thì tưởng rằng ăn mặc tốt đẹp, mới năn nỉ xin trao cho, ngạ quỷ liền thảy lên đầu chàng ấy, thì bánh xe quay mãi ăn siết vào đầu chàng. Chịu khổ sở khóc than vô hạn. Đó là quả của sự để duôi ngỗ nghịch với cha mẹ rất rõ rệt. Bởi thế cho nên tất cả chúng ta chẳng nên khinh thường cha mẹ, phải có lòng tôn thờ cha mẹ mỗi giờ mỗi phút. ***

Điều hạnh phúc thứ 12

PUTTA SAṄGAHO: Sự tiếp độ con, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Ta phải tiếp độ con bằng cách nào? ĐÁP: Sự tiếp độ con có năm chi: 1) Dạy dỗ ngăn cấm con không cho làm điều tội lỗi, như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, v.v.... 2) Chỉ dạy dìu dắt con cái cho nó làm điều phước thiện, như là bố thí, trì giới, tham thiền v.v. 3) Cho con học tập trong các nghề nghiệp hoặc văn tự, cho hiểu cả đường đời và đường đạo. 4) Phải định vợ gả chồng cho con trai, con gái, tùy theo tài sản và giòng giỏi mình. 5) Phải chia của cải cho con trong những khi mới xuất tư, xuất táo và khi cha mẹ gần tuổi già, để chúng nó có vốn liếng làm ăn, hoặc là cho ăn, cho mặc trong mỗi ngày. VẤN: Con có mấy hạng? ĐÁP: Con có 3 hạng: 1) ATJĀTAPUTTA: Con có nhiều hạnh phúc hơn cha mẹ, bằng trí tuệ hay đức tin trong điều phước thiện.

2) ANUJĀTAPUTTA: Sự hạnh phúc của con bằng cha mẹ, là trí tuệ và đức tin trong điều lành lẽ chánh giống như cha mẹ 3) AVAJĀTAPUTTA: Con thấp kém thua cha mẹ, không nghe theo lời giáo huấn của cha mẹ, là hạng con ngu si, bạo tàn. Cha mẹ tiếp độ con như tích sau đây: “Sự tích ông bá hộ Cấp Cô Độc dùng tiền mướn con nghe pháp”. KIRA: Được nghe như vầy, con ông bá hộ Cấp Cô Độc, không có tâm tín ngưỡng Phật giáo, ông bá hộ nói với con rằng: “Này con yêu dấu của cha! Con hãy đi thọ trì trai tịnh giới và nghe pháp đi! Cha sẽ cho con một trăm bạc, người con nghe cha nói như thế, có tâm thỏa thích muốn được của, nên đi thọ trai tịnh giới, song không nghe pháp, đi nằm ngủ suốt ngày đêm trong nơi an vui, đến sáng sớm trở về nhà đòi tiền cha, khi nào không được tiền thì cũng không ăn. Một hôm nọ, ông bá hộ Cấp Cô Độc bảo rằng: “Này con yêu dấu của cha! Con hãy đi nghe pháp, cố nhớ cho được chỉ một câu kinh của đấng Thiên Nhơn Sư, thì cha sẽ cho con một ngàn đồng, người con vừa nghe qua rất mừng, muốn được số bạc ấy, mới vào chùa để nghe pháp cho nhớ được một câu. Khi ấy đức Thế Tôn thuyết pháp, và làm cho con ông Bá hộ không nhớ được một câu nào cả, cố chú tâm nhớ được rồi lại quên đi, con ông Bá hộ mới nghĩ rằng: ta sẽ cố nghe cho nhớ,

trong khi cố chú tâm ngồi lóng nghe mãi, thì được đắt quả Tu Đà Hườn là thánh nhơn trong tôn giáo. Đến mai sáng người con ông bá hộ có sự thỏa thích và theo sau Phật đi về nhà. Ông bá hộ thấy con về thì trao túi bạc cho, người con có sự hổ thẹn không nhận cái túi bạc của cha, nên có lời thưa rằng: “Con không mong mỏi của cải nữa rồi, con đã được ngọc quý phát sanh trong tâm, không ưa thích tài sản trong kiếp này”. Cha mẹ tế độ con trai con gái cho làm điều lành nhứt là bố

thí, trì giới, tham thiền cho đắc thành đạo quả cuối cùng, gọi là hạnh phúc cao thượng đặc biệt, do sự tàn trữ phiền não ra khỏi tâm, như đã giảng giải đây.

***

Điều hạnh phúc thứ 13

DĀRASSA SAṄGAHO: Sự tiếp độ vợ, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Tiếp độ vợ với những pháp gì? Có mấy chi? ĐÁP: Tiếp độ vợ có 5 chi: 1) Dùng lời khen ngợi vừa phải, chẳng nên rầy rà, mắng nhiếc hay khinh bỉ vợ trước mặt đông người. 2) Không nên đánh đập vợ với sự nóng giận. 3) Dạy vợ cho đúng theo quy củ của gia đình và chỉ bảo cho làm các công việc. 4) Không làm sái mất sự tin cậy của vợ nghĩa là đừng say hoa đắm nguyệt, ngoài vợ của mình. 5) Phải thương mến và có nhiều sự nín nhịn nhau. Lại nữa tài sản làm ra đặng bao nhiêu hãy giao cho vợ là người biết gìn giữ và nên sắm sửa cho vợ những đồ dùng tùy theo sức tài sản của mình. VẤN: Vợ có mấy hạn? ĐÁP: Vợ có 7 hạn: 1) AHSĀ BHARIYĀ: Bạo tàn thê, vợ hạng này dám mắng chửi chồng, coi chồng như người giúp việc (cũng gọi là ác khẩu thê). 2) VADHAKĀ BHARIYĀ: Sát phu thê, vợ hạng này dám giết chồng không ngần ngại (cũng gọi lang tâm thê). 3) CORĪ BHARIYĀ: Đạo tặc thê, vợ hạn này như kẻ trộm hằng tìm dịp ăn cắp của chồng.

4) MĀTĀ BHARIYĀ: Như mẫu thê, vợ hạng này coi chồng như con, hết lòng lo cho chồng, chìu chuộng chồng xứng ý, lo đủ mọi lẽ cho chồng. 5) BHAGANI BHARIYĀ: Như muội thê, vợ hạng này ngay thẳng với chồng, coi cũng như em gái kính nhường anh vậy. 6) DĀSĪBHARIYĀ: Nô bộc thê, vợ hạng này kính nể chồng như tôi tớ kính mến chủ. 7) SAKHĪBHARIYĀ: Bằng hữu thê, vợ hạng này thương tưởng chồng như bạn thân ái, không khi nào làm cho trái ý nghịch lòng chồng, ở với nhau chí thú đến ngày cùng (cũng gọi hiền thục thê). VẤN: Người vợ có mấy pháp cung phụng đối với chồng? ĐÁP: Vợ đối với chồng cũng có 5 chi: 1) Siêng năng sắm sửa món ăn cho chồng theo thì giờ. 2) Tôn trọng thân quyến của chồng, nếu lui tới thì phải thành thật kính cẩn. 3) Không ngoại ý của chồng bằng lối tư tình, làm cho chồng hết thương yêu. 4) Biết giữ giá trị chồng trong khi có bạn tới. 5) Nên gìn giữ của cải chồng đã làm ra. Được như thế mới đáng gọi là vợ hiền, biết tề gia nội trợ. VẤN: Người vợ cung phụng chồng như vậy có lợi ích không? ĐÁP: Người vợ có tâm cung phụng chồng thì đặng phước, mà lại có các bậc quý nhơn, nhứt là Chư Thiên hằng hộ trì. Bằng người vợ không cung phụng chồng thì có tội và những bậc quý nhơn không phù hộ, lại hay bị hao tài tốn của nữa. Như hai chàng thanh niên bạn thân với nhau. Một người có vợ giàu, người vợ đó ngã mạn quá, hằng nói năng

thô lỗ, chà xát chồng lắm nỗi. Chẳng bao lâu tài sản tiêu hoại, trở lại bần cùng cô độc. Người bạn kia có vợ nghèo, nên người vợ ấy có tâm lành, biết tôn trọng chồng luôn khi, không để duôi. Chẳng bao lâu làm ăn trở nên giàu có, thì người chồng đi săn bắn, ăn chơi, lại đến nhầm cây có Chư Thiên ở. Chư Thiên mới hỏi rằng: "Nhà ngươi đi bắn gì đó?" Chàng ấy đáp rằng: "Tôi đi bắn kiếm vàng bạc", vị Chư Thiên đó bảo thôi. Ngươi hãy trở về đi. Khi về đến nhà thì người vợ hết lòng cung phụng. Thiên Thần thấy vậy có lòng hoan hỷ. Đến tối lại, vị Thiên Thần đem vàng bạc đến cho. Hai vợ chồng trở nên giàu có. Do cái quả phước mà vợ hết lòng cung kính chồng. Nói qua người bạn kia, đến nhà của vợ chồng này thăm chơi, thấy của cải như vậy, mới hỏi nguyên do tại sao mà có tài sản như thế. Người ấy tỏ hết mọi lẽ. Khi anh ta nghe xong bèn trở về nhà làm một cái cung, sắp đặt để đi bắn, thì bị vợ xỉ mạ quá chừng, rằng người lười biếng không lo làm ăn, ngồi chuốt tên cả bó mà làm gì cho có để ăn. Chồng bảo đừng có nóng chút nữa Chư Thiên đem vàng bạc đến cho. Vợ nói Chư Thiên có phải là bà con giòng họ hay cha mẹ gì của mày sao, mà đem vàng bạc đến cho. Họ cắt cổ không lo, chứ lại mong họ đem vàng bạc đến cho, nói hoài chồng cứ nghiến răng chịu, ngồi chuốt tên cho rồi, đi vào rừng, đến ngay cây có Thiên Thần trú ấy mà bắn, thì vị Thiên Thần cũng hỏi như người trước, rồi bảo trở về đi. Chàng nghe lời, bèn bỏ trở về nhà. Người vợ vừa thấy thì chửi mắng rằng: "Thằng làm biếng như con chó, giả bộ cầm ná vô rừng, chờ tới bữa đói về ăn". Thiên Thần nghe như vậy thì bất bình nghĩ rằng: "Người đàn bà như thế, không thể giữ gìn tài sản được rồi trở về rừng". Hai vợ chồng cải lẫy với nhau, đợi Chư Thiên đem vàng bạc đến cho, tới sáng biết chắc không có. Chàng ta lại đi

ngay vào cây đó để bắn, Thiên Thần nỗi giận xuống vặn cổ chết ngay. Nàng ấy bị tiêu hoại tài sản và chồng chết, đó do tội lỗi không tôn kính chồng vậy.

***

Điều hạnh phúc thứ 14

ANĀKULĀCAKAMMANTĀ: Không lười biếng trong các công việc, làm những nghề chẳng lẫn lộn nghiệp dữ, cho đạt thành ý nguyện, gọi là hạnh phúc cao thượng. Điều hạnh phúc này ngài chỉ ngay về sự siêng năng bền chí, không lười biếng trong các việc nặng nhẹ, sớm trễ, dễ, khó, lạnh, nóng, v.v.... Chẳng chán ngán trong việc trước, việc đang làm hoặc việc sẽ làm. Cứ hăng hái tiến hành, dầu sự học hỏi kinh luật, hoặc tham thiền, niệm Phật, đặng dứt trừ phiền não cho tịch tịnh, hầu giải thoát nhập Niết Bàn, cũng do nhờ sự tinh tấn cả thảy. Lại nữa có thể đắc thành Toàn Giác Phật, Độc Giác Phật và Thanh Văn Phật, cũng do nhờ pháp tinh tấn này cả. Xin dẫn một sự tích như vầy: "Thuở nọ đức Bồ Tát tiền thân Phật Tổ Thích Ca, thọ sanh làm con sóc chúa ở gần bờ sông Hằng Hà. Khi đó, có gió mạnh thổi lại làm cho rơi cả ổ con xuống sông. Sóc chúa tính tát cạn nước sông, mới lấy đuôi nhúng nước, rồi chạy lên bờ. Do mãnh lực của quả phước cứu con với sự tinh tấn đó, mà nóng thấu đến chỗ ngự của Đức Đế Thích chúa trời, ngài mới hiện xuống làm một người Bà La Môn đến hỏi Bồ Tát rằng: "Người làm gì mà tát nước đó?" Bồ Tát đáp: "Tôi tát nước để cứu con." Chúa trời chê rằng: Ồ! Người điên chăng? Chứ tát nước sông biết bao giờ mới cạn.

Sóc chúa đáp: “Này ông Bà La Môn, sự tát nước của ta, dù cạn hay không cạn chẳng cần nói, vì đã gọi là trí giả thì không bỏ qua sự tinh tấn, phải có sự tinh tấn đứng đầu”. Đức Đế Thích nghe xong, có lòng hoan lạc, bèn vớt con cho sóc chúa. Sự cứu được con như thế, là nhờ pháp tinh tấn vậy.

*** Điều hạnh phúc thứ 15

DĀNAÑCA: Nết hạnh bố thí, là đem của cải cho đến các bậc Sa môn, Bà La Môn và các kẻ cơ hàn, tật bệnh, cô quạnh, không nơi nương dựa v.v..., gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Bố thí có mấy? ĐÁP: Bố Thí có hai. 1) Đoàn thể thí, bố thí đến Tăng không chấp nhứt một vị nào: SAṄGHADĀNA. 2) Cá nhơn thí: Bố thí chấp nhứt mỗi vị: PĀṬIPUGGALIDĀNA.

VẤN: SAṄGHADĀNA có mấy? ĐÁP: Có 3 1) Thỉnh tăng 4 vị Tỳ Khưu đến dự, rồi dâng cúng chú trọng chư Tăng. 2) Xin thỉnh Tăng 1 vị, 2 vị, 3 vị đến, rồi dâng cúng chú trọng chư Tăng. 3) Trọng vật của thường trụ chư Tăng hội lại mà chia nhau không đặng, cần phải để làm vật thường trụ của chùa. Song khinh vật của thường trụ thì Phật cho Chư Tăng được phép hội đồng ý chia nhau dùng tự tiện. VẤN: PĀṬIPUGGALIDĀNA có mấy?

ĐÁP: Có nhiều cách như là: tài thí, pháp thí, tùy thời thí, bất tùy thời thí. KĀLADĀNAṂ: Thời thí là đem những vật thổ sản đầu mùa như: gạo, nếp, bắp, đậu, hoặc trái cây, v.v..., có ra không ăn trước, đem bố thí trước và dâng y tắm mưa trong 3 tháng hạ hoặc y ra hạ. ĀGANTUKADĀNNA: cho đến kẻ ở xa mới lại, Tỳ Khưu, Sa di, hoặc cư sĩ v.v. GAMIKASSADĀNAṂ: Bố thí đến kẻ sắp đi đường xa, như thầy Tỳ Khưu đi học hoặc đi hành, v.v.... CILĀNADĀNAṂ: Cho đến kẻ đau ốm. DUBBHIKKHEDĀNAṂ: Bố thí để cứu nạn đói khó, bằng cơm, gạo, trái cây v.v.... Năm sự thí của hàng thức giả là: 1) SADDHĀYA DĀNAMDETI: Bố thí do đức tin là đem ra cho để dứt sự tham lam và bỏn xẻn, lại tin ngay sự thí rằng: ta đem của ra cho hằng được sự an vui và phát sanh tài lợi, không chịu sự bần cùng cô độc. 2) SAKKACCAṂDĀNAṂDETI: Bố thí bằng sự cung kính, là cung kính vật thí và cung kính người thọ thí. 3) KĀLENADĀNAṂDETI: Bố thí tùy thời. 4) ANUGGAHITA CITENA DĀNAṂDETI: Bố thí do sự tiếp độ, và lòng từ bi không cầu mong báo đáp. 5) ATTĀNAÑCA PARAÑCA: Bố thí không lấn lướt làm cho kẻ khác nhục nhã là không làm phước bằng lối cầu danh và không sát hại, hay trộm cắp tài vật của chúng sanh khác mà làm phước. Lại chia sự bố thí ra làm 2 điều nữa là: 1) PŪJĀVASENA: Bố thí bằng cách cúng dường nghĩa là cho đến Chư Tỳ Khưu, Sa Di, cùng các bậc

Sa Môn, Bà La Môn và Thầy Tổ, cha mẹ, v.v..., là những kẻ có giới hạnh và ân đức. 2) SAṄGAHAVASENA: Bố thí do lòng tiếp độ là cho đến những kẻ ốm đau, tật bệnh và người mồ côi lâm cơn nguy khốn, chẳng có nơi nương dựa. Sự bố thí còn chia làm 3 như vầy nữa: 1) DĀSADĀNA: Cho những món hèn hạ, xấu xa không sạch sẽ đẹp đẽ hay không ngon, v.v.... 2) SĀHĀYADĀNA: Cho những vật vừa phải bằng giá với những món mình dùng. 3) SĀMIYADĀNA: Cho những món quý báu và ngon ngọt hơn vật mình dùng. Bố thí đúng tạng luật có 4 là: 1) CĪVARADĀNA: Thí y phục nhứt là tam y: Tăng Già Lê, Uất Đà La Tăng, và An Đà Hội. 2) PIṆḌAPĀTADĀNA: Bố thí vật thực như là cơm,

bánh, v.v.... 3) SENĀSANADĀNA: Bố thí chỗ ở nhứt là thất, liêu, tịnh xá v.v.... 4) GILĀNABHE SAJJADĀNA: Bố thí những món ngừa bệnh nhứt là thuốc men, và dược phẩm. Bố thí đúng tạng kinh có 10 là: 1) ANNAṂ : Cho cơm. 2) PĀNAṂ : Cho nước. 3) VATTHAṂ : Cho y phục. 4) YĀNAṂ : Cho xe thuyền. 5) MĀLĀ : Cho tràng bông. 6) GANDHAṂ : Cho vật thơm. 7) VILEPANAṂ : Cho vật thoa. 8) SEYYAṂ : Cho vật để nằm. 9) VASATHAṂ: Cho chỗ ở và trường học hoặc dưỡng đường. 10) DĪPEYYAṂ: Cho đèn đuốc, vật soi sáng.

Bố thí đúng tạng luận có 6 là: 1) RŪPĀRAMMAṆAṂVĀ: Thấy sắc cảnh đẹp là vật làm cho tâm vui thích. 2) SADDĀRAMMAṆAṂVĀ: Dùng âm thính là vật làm cho tâm vui thích. 3) GANDHĀRAMMAṆAṂVĀ: Dùng mùi thơm là vật làm cho tâm vui thích. 4) RASĀRAMMAṆAṂVĀ: Dùng vị ngon là vật làm cho tâm vui thích. 5) PHOṬṬHABBĀRAMMAṆAṂVĀ: Dùng sự xúc chạm êm dịu là vật làm cho tâm vui thích. 6) DHAMMĀRAMMAṆAṂVĀ: Dùng Pháp là trần cảnh mà tâm hiểu biết và vui thích. Cả 6 pháp này bố thí bằng cách niệm tưởng ân đức Tam Bảo. Ba tác ý làm cho sự bố thí được trong sạch là: 1) PUBBACETANĀ: Tâm tính cho những món đồ trước khi sắp cho. 2) MUÑCANACETANĀ: Tâm tính dứt bỏ ngay trong khi đang cho. 3) APARĀPARACETANĀ: Sau khi cho rồi tâm hằng nhớ vui mừng thỏa thích cái quả phước ấy. Năm tác ý làm cho sự bố thí không trong sạch là: 1) LAÑCAVASENA: Bố thí bằng cách mướn như là thỉnh nhà sư đến phụ chưng dọn trong cuộc đám ma, hoặc tiếp làm một việc nào đó, rồi cho thọ một bộ y hoặc một cái y, hoặc giả là thỉnh tụng một bộ kinh hay một đêm kinh, rồi trả giá là bao nhiêu đó. 2) RĀGAVASENA: Cho bằng lối tình dục như là trai và gái, ưa muốn nhau rồi cho thân hợp với nhau. 3) BHAYAVASENA: Cho bằng sự sợ, là sợ người ta chê trách, giàu mà không làm phước.

4) LUKHAVASIṄA: Cho bằng lối hèn hạ, là bố thí đến những người không trong sạch, cao thượng, như là ông Tỳ Khưu làm thầy thuốc, thầy số tướng hay ngồi nham độn để đoán về kiết hung như coi các thứ đánh bạc, đề, số, v.v.... Rồi trong sạch đem của cúng dường hoặc là thuyết diễn về tà đạo không đúng theo Phật lý, hoặc đọc thơ, đọc truyện ngoài chơn lý, rồi đem của bố thí. 5) PATIDĀNAVASENA: Cho bằng lối đáp lại, là họ cho mình, nên mình đem cho họ. Bố thí trong sạch, do 3 tác ý là: 1) PAṬI PATTIVASENA: Bố thí do sự trong sạch, ngưỡng mộ với những tư cách tu hành đúng đắn cao thượng, nhứt là giữ giới chín chắn. 2) PARISUDDHIVASENA: Bố thí do sự ngưỡng mộ với những đức tánh trong sạch, là bậc đã diệt tận tham, sân, si, không dư sót mảy may nào. 3) GUṆAVASENA: Bố thí do sự trong sạch với những ơn đức, nghĩa là tu học đúng theo kinh luật của Phật, rồi đem ra chỉ giáo, cho thấy con đường an lạc, cõi trời và Niết Bàn. VẤN: Sự bố thí trả quả bằng cách nào? ĐÁP: Trả quả có hai cách: 1) Trả quả ngay kiếp này 2) Trả quả ở kiếp sau. Kết quả kiếp này như chàng PUṆṆA bố thí đến Đại Đức Xá Lợi Phất ngay sau khi ngài xuất đại định (nhập đại định cũng gọi nhập diệt thọ tưởng định 7 ngày, qua ngày thứ tám là xuất, ai bố thí thì kết quả nhãn tiền trong kiếp đó), quả phước thí làm cho đất cày trong ruộng trở thành vàng rồng. Chàng PUṆṆA thành ra một đại phú hộ ngay kiếp đó. Trả quả kiếp sau: Như có một sự tích rằng: “Chàng Nam Tử bố thí vật thực đến vị Sa Di, khi gần tới giờ phút hấp

hối, bỗng nhớ đến sự bố thí đã làm, nhờ mãnh lực của phước báu ấy, được sanh lên cõi trời Đao Lợi, có bảo điện bằng vàng và mười ngàn tiên nữ hầu hạ, hưởng sự an vui. Đây là do nhờ quả phước bố thí đến vị Sa Di vậy." VẤN: Bố thí xong rồi hằng phát tâm hoan hỷ mong mỏi mới đúng, hay không mong mỏi mới đúng? ĐÁP: Mong mỏi cũng tốt, không mong mỏi cũng tốt, vậy chớ kẻ làm tội rồi, có người nào lại mong mỏi, mà vẫn đọa 4 đường dữ. Song sự mong mỏi bằng ái dục làm cho kéo dài con đường sanh tử luân hồi, vì cứ tiếp tục sinh, già, đau, chết, khó nhập Niết Bàn. Nên ngài không cho. Ngài chỉ cho mong mỏi Niết Bàn là nơi dứt khổ, bởi vậy làm phước cần phải đoạn tuyệt ái dục mới nên. VẤN: Làm phước bằng cách nào mới gọi là diệt ái dục? ĐÁP: Khi làm phước thì tâm phải dùng Trí Tuệ sáng suốt, để suy xét các Pháp hữu vi là: Danh và Sắc cho nhận thấy rõ 3 tướng: vô thường, khổ não, vô ngã, đặng dứt lòng ái dục rồi sẽ bố thí. Sau khi bố thí xong, dùng tâm từ bi rải khắp cho cả thảy chúng sanh được hưởng quả lành ấy, rồi mới dùng Trí Tuệ để diệt ái dục và chú nguyện trong tâm như vầy: "IDAṂVATAMEDĀNAṂ ĀSAVAKHA YĀVAHAṂ HOTU = Phước thí mà tôi đã trong sạch làm đây, hãy là món duyên lành để dứt các sự ô nhiễm ngủ ngầm trong tâm, kể từ nay đến ngày vị lai". Làm phước thí như vậy, mới gọi là bố thí đặng dứt lòng ái dục, không dính dấp với lòng ao ước, sanh về cõi trời, cõi người, cho khổ với nỗi sanh, già, đau, chết. VẤN: Nguyện như vậy, nhưng chưa hết phiền não thì nó trở thành ra thế nào? ĐÁP: Nếu chưa diệt tận các thùy miên phiền não, thì cũng tấn thối luân hồi, thọ sanh trong cõi nhơn. Thiên tùy theo duyên nghiệp của chúng sanh. Bởi thế nên chúng ta hãy

làm phước thí để đoạn tuyệt ái dục, hầu khỏi sa lạc vào 4 đường dữ.

*** Điều hạnh phúc thứ 16

DHAMMACARIYĀCA: Nết hạnh ở theo Phật, Pháp, là giữ đúng theo 8 đường chánh, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Pháp thế nào gọi là Phật Pháp? ĐÁP: Pháp đó nói về thập thiện là thân tam, khẩu tứ, ý tam. Cả 10 điều này là pháp cần hành cho đều đủ. Thân tam; 1) Chừa cải không giết hại loài sanh vật, bằng thân hoặc khẩu. 2) Chừa cải trộm cắp sang đoạt những vật có chủ ngăn giữ, bằng thân hoặc khẩu. 3) Chừa cải không tà dâm, nghĩa là không lang chạ với vợ con kẻ khác, đàn bà thì không tư tình với chồng con kẻ khác, làm cho tồi phong bại tục. Khẩu tứ: 1) Chừa cải không nói lời giả dối, là có thì nói có, không thì nói không. 2) Chừa cải không nói lời đâm thọc, nghĩa là không nói hai lưỡi, làm cho chia rẽ nhau. 3) Chừa cải không dùng lời ác ngữ, là không chửi, mắng bằng lời thô lỗ. 4) Chừa cải không nói lời vô ích, sang đàng, nghĩa là chẳng nói những điều không đem lợi ích cho mình hoặc kẻ khác. Ý tam: 1) Chừa cải tâm tham lam mong sang đoạt của người về làm của mình.

2) Chừa cải không sân hận và tính đánh đập, chém giết, hoặc cưu thù kết oán người và vật khác. 3) Chừa cải không tà kiến, sái chơn lý. VẤN: Phụ nữ mà người nam có thể phạm tà dâm đến mấy hạng? ĐÁP: Có tới 20; nhưng đây chỉ giải 7 hạng thôi: 1) Người Nữ có mẹ gìn giữ 2) Người Nữ có cha chăn giữ. 3) Người Nữ có anh chị gìn giữ. 4) Người Nữ có em trai, em gái gìn giữ. 5) Người Nữ có chồng chăn giữ. 6) Người Nữ có mệnh lệnh nhà vua gìn giữ. 7) Người Nữ đã nhận lễ nói, cũng gọi là có người chăn giữ. VẤN: Khi thân, khẩu, ý, trong 3 nghiệp ấy làm tội, cái nào nặng hơn? ĐÁP: Thân nghiệp, làm

có tội nặng hơn khẩu và ý. VẤN: Khi thân, khẩu, ý, đã tạo ác lỡ rồi, cần phải làm sao cho trở nên trong sạch? ĐÁP: Ta đã phạm đến người nào, phải tới nơi người đó mà cầu sám hối, kẻ đó đại lượng xá tội lỗi cho thì bỏ tội nặng trở thành nhẹ, tội nhẹ mau tiêu tan. VẤN: Làm tội ác không nhứt định, người mà ta đã quấy phạm, họ chết mất rồi, sám hối với ai? ĐÁP: Hãy sám hối ngay trước những bậc có đức hạnh, nhứt là bậc có giới định trang nghiêm, cầu xin các ngài xá tội lỗi ấy cho. Cũng như vua A Xà Thế giết cha, rồi do quả ác đó làm cho nóng nảy quá lẽ, ăn không ngon ngủ không đặng, tâm trí vẩn vơ, điên đảo bứt rứt, không thể ngự yên trên long sàng, bèn vào chùa đảnh lễ đức Thế Tôn mà tố trần tội lỗi của mình, đặng ai cầu sám hối. Đức Phật xá tội lỗi cho, thì tội ác ấy nhẹ dần dần, tâm của đức vua được vui vẻ. Sau khi thăng

hà đọa xuống địa ngục đồng sôi, khỏi chịu khổ trong cõi vô gián địa ngục, là do nhờ mãnh lực của sự sám hối. VẤN: Thác rồi đọa địa ngục, hoặc thăng Thiên Đàng, chớ cái gì đi? ĐÁP: Bảy pháp DHAMMADHĀTU đi. VẤN: Cái gì dẫn đi sanh? ĐÁP: Quả của tội, phước nó dẫn đi; hễ làm tội thì quả ấy dẫn vào địa ngục, làm phước thì quả ấy dẫn đi sanh thiên đàng. VẤN: Khi nó đi thì đi bằng cách nào? ĐÁP: Tất cả chúng sanh sẵn có cái thức để thọ sanh, như là làm người chẳng hạn, trước khi gần chết có 3 hiện tượng, phát khởi vào ở trong tâm, do quả của điều lành hoặc dữ nó phát hiện tia sáng ở trong tâm cho thấy rõ. 3 hiện tượng là: 1) KAMMA: Nghiệp lành hay dữ mà ta đã tạo trữ trong những đời trước và đời này tự nhớ, hoặc có người khác nhắc rồi sực nhớ ngay nơi giờ hấp hối. 2) KAMMONIMITTA: Nghiệp hiện tượng lành hoặc dữ ta đã làm, nó hiện lên rõ rệt cho tâm thức thấy, y như việc đã làm trải qua. 3) GATINIMITTA: Lộ trình hiện tượng: Về nghiệp lành thì nó hiện cho ta thấy cõi an vui, như thấy lâu đài bằng vàng ngọc quý báu, về nghiệp ác thì nó hiện cho thấy cõi khổ như thấy gươm dao hoặc lửa hừng đáng ghê sợ v.v. Khi đã thấy hiện tượng ấy rồi, tâm thọ (SAMPATICCHANNA) bèn thọ nhận cảnh giới ấy. Tâm sát (SANTIRANA) bèn quan sát cảnh giới, đó là thiện ác trợ duyên nghiệp, dẫn thức đi thọ sanh, nghĩa là nhờ duyên thủ (UPĀDĀNA) níu khắn vào nơi thai bào để gá sanh (hữu). Khi đủ cả 7 đều DHAMMADHĀTU, mới lìa bờ cõi cũ đi gá vào cõi mới.

Chết bằng cách lìa rời ra, (MARAṆĀ SANNAJAVANA) hay là níu khắn vào nơi cảnh giới ngay khi ấy, (TADĀLAMBANA) hoặc chết nơi phút cuối cùng của chỗ mà tâm nương gá (CHAVANIGA), chết và đi đầu thai có hai là: sắc thân sanh trưởng do nhờ nghiệp (KAMMAJJARŪPA) và sanh trưởng không nhờ nghiệp là gá sanh do cái quả của tâm thôi, nghĩa là cái quả của tâm ưa mến đi gá vào cảnh giới chỗ sanh là nơi cuối cùng, vả lại có vô minh thùy miên và ái dục thùy miên, cả 2 pháp này là món phụ giúp cho sanh tử thức. Cái thức trong khi chết và khi gá sanh, để ủng hộ 7 pháp DHAMMADHĀTU khiến cho tham, sân, si, càng gia tăng nhiều lên trong những kiếp sau, vì thế cho nên Đức Phật ngài tinh tấn tham thiền về minh sát tuệ, đặng diệt vô minh và ái dục vậy. VẤN: Bảy DHAMMADHĀTU là những gì? ĐÁP: 1) Chỗ sanh BHAVAṄGA. 2) Tâm: gọi là danh pháp đi nương tựa vào Sắc pháp (mano). 3) Ý: gọi là danh pháp để cho nghĩ ngợi đến cảnh giới (CITTAṂ). 4) Tưởng: gọi là danh pháp để nhớ biết cảnh giới (SAÑÑAṂ). 5) Thức: là danh pháp để cho biết rõ rệt cảnh giới (VIÑÑĀṆAṂ). 6) Hành: là danh pháp để cấu tạo (SAṄKHĀRA). 7) Thọ: là danh pháp để lãnh nạp lấy cảnh giới vui khổ và vô

ký (VEDANAṂ). Cả bảy pháp này gọi là DHAMMADHĀTU đều là danh pháp nương với sắc pháp. VẤN: Đoạn trước nói tà kiến, vậy chớ thấy sao, mới gọi tà kiến.

ĐÁP: Tà kiến là thấy quấy hay là hiểu quấy, nghĩa là hiểu sái chơn lý của vũ trụ, mà Phật đã đề xướng để dạy dỗ chúng sanh, là hiểu trong tâm như vầy. - Bố thí không kết quả NAṬṬHIDINNAṂ. - Cúng dường không kết quả NATTHIYITTHAṂ. - Quả của phước và tội không có NATTHIVIPĀKAṂ. - Thường kiến, là thấy rằng chúng sanh không thay đổi, đã sanh làm người thì sanh nữa cũng vẫn làm người, quen làm thú thì sanh nữa cũng làm thú, không biến chuyển làm vật khác đâu SASSTADIṬṬHI. - Đoạn kiến, là thấy rằng chúng sanh chết thì mất, không còn thọ sanh làm gì nữa cả UCCHEDADIṬṬHI. - Vô năng nhân tà kiến, là thấy rằng sát sanh không tội, nghĩa là làm các tội lỗi ấy, nó chẳng làm nhân cho kiếp sau phải chịu khổ AHETUKADIṬṬHI. - Vô sở nhân tà kiến, là hiểu rằng hết thảy chúng sanh, đẹp đẽ đầy đủ ngũ quan hay xấu xa hèn hạ, tật nguyền, ấy chẳng do quả phước, quả tội hóa ra AKIRIYA DIṬṬHI. - Vô sở hữu tà kiến, là thấy rằng không có cái gì gọi là phước, là tội, thiện ác, hay là ơn đức cha mẹ cũng không, ơn đức của Phật, Pháp, Tăng cũng chẳng có, và quả của sự tu hành, bố thí, trì giới, niệm Phật, tham thiền hết thảy đều không có lợi ích NATTHIKADIṬṬHI. - Lối tà kiến như đã giải đó toàn là nguyên nhân dẫn chúng sanh vào bốn đường dữ cả. VẤN: Người giữ đúng theo thập thiện như đã giải thì thọ quả báo thế nào? ĐÁP: Được quả báo sống lâu đến trăm tuổi như sự tích rằng: “Thuở nọ đức Bồ Tát tiền thân Phật Thích Ca, sanh làm con nhà Bà La Môn, giòng đó tu hành gìn giữ thập thiện một cách hòa nhã giống nhau, đều được trường thọ đến trăm tuổi, nếu chưa tới số trăm thì chưa chết. Lúc Bồ Tát đến tuổi học

tập, thì cha mẹ bèn cho đi học với một thầy cao cấp ở xứ TAKKASITĀ, ít lâu, thấy con của ông thầy đang còn nhỏ mà chết, thì cả thảy gia quyến đều khóc lóc, riêng Bồ Tát thấy vậy lại cười. Bao nhiêu người đều ngạc nhiên hỏi rằng: “Sao mà cười? Con của thầy mình chết mà ngồi cười là ý nghĩa gì? Học trò đối với thầy như vậy phải lắm sao?” Bồ Tát đáp rằng: “Tôi cười mấy người khóc lóc than tiếc đối với người đầu xanh tuổi trẻ mà đã chết, ở xứ tôi đúng trăm tuổi mới chết, chớ không từng chết yểu như vậy, vả khi chết cũng chẳng có khóc lóc như thế nữa.” Ông thầy nghe liền hỏi: “Tại sao mà không chết yểu”. Bồ Tát đáp: Do quả báo của sự gìn giữ thập thiện cho nên không chết yểu. Ông thầy không đủ tin, mới tính dọ hỏi quả như vậy hay không? Ông ta vừa đi khỏi xóm, thì thấy một con dê chết, bèn đốt xương dê gói đem theo, tới nơi liền đem gói xương mở ra mà nói, và tỏ vẻ sầu thảm, thì cha mẹ của Bồ Tát hỏi duyên cớ chi, thầy vừa đến nhà chúng tôi lại khóc? Ông thầy nói rằng: “Con của ông bà cho đến học với tôi, bây giờ nó chết rồi, tôi thiêu xong, đem xương cho ông bà”. Song thân của Bồ Tát nghe xong bèn cười mà bảo rằng: “Hết thảy gia quyến trong giòng chúng tôi không từng chết đang tuổi thanh niên như vậy đâu, đúng trăm tuổi mới chết, chúng tôi không tin lời thầy đâu”. Ông thầy nghe xong bèn tin chắc rằng quả thật, rồi xin thọ trì thập thiện, xong trở về quê cũ. ***

Điều hạnh phúc thứ 17 ÑĀTAKĀNAÑCASAṄGAHO: Sự tiếp độ quyến thuộc cho đặng an lạc, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Tiếp độ quyến thuộc bằng cách nào?

ĐÁP: Quyến thuộc cơ hàn, không nơi nương tựa, cơm không có mà ăn, áo không có để mặc, nhà cửa cũng không, thì giúp đỡ như là cơm, nước, áo quần, nhà cửa, vừa phải lẽ, đặng che mưa tránh nắng. Lại nữa các thân quyến đau ốm thì ta hãy giúp đỡ thuốc thang, làm cho bệnh căn thuyên giảm, hầu được an vui, hoặc tiếp độ theo lẻ đạo, là dìu dắt làm các việc lành như bố thí, trì giới, tham thiền v.v.... Lẽ thường người có của nên chia làm năm phần: 1) Phần thứ nhứt để tự sống và nuôi dưỡng cha mẹ, cùng là vợ con, tôi trai, tớ gái. 2) Phần thứ hai, dành để phòng khi hữu sự hoặc đem ra làm vốn để sanh lợi. 3) Phần thứ ba, để dành đặng tiếp độ người xa kẻ gần, như là thân quyến, bạn bè v.v.... 4) Phần thứ tư, để giành làm phước thiện bố thí, cúng dường v.v.... 5) Phần thứ năm, để làm cho hiệp theo BALIKAMMA có 5 cách là: 1) RĀJABALĪ: Nạp cho chánh phủ. 2) Dem VATĀBALĪ: Hiến cho chư Thiên. 3) ATITHĪBALĪ: Cho kẻ nghèo khó tàn tật, tới xin. 4) PETABALĪ: Cho kẻ quá vãng nhứt là cha mẹ. 5) ÑĀTABALĪ: Tiếp độ quyến thuộc. VẤN: Cho đến người chết bằng cách nào? ĐÁP: Cho đến những bậc có đức hạnh, nhứt là giới hạnh trong sạch, rồi hồi hướng đến bậc hữu ân, mới thấu đáo cho những vị ấy. VẤN: Nếu có người đem cơm nước cùng nhiều vật thực ngon ngọt, đến gần cái hòm của người chết rồi gõ và kêu rằng: “Dậy dùng bữa”, như thế người chết có thể dậy ăn không? ĐÁP: Ăn không đặng đâu.

VẤN: Nếu ăn không được, chớ họ đem lại làm gì đó? ĐÁP: Người ta đem lại cho những người ở giữ quan tài ăn đấy, thấy người ta làm rồi cũng làm theo đó. VẤN: Nếu đem cho người giữ quan tài thì đợi gì phải gõ nơi quan tài và kêu dậy ăn? ĐÁP: Người giữ quan tài họ ngủ quên thì phải gõ đặng kêu dậy ăn cơm. Bởi nguyên nhân như vầy cho nên dẫn sự tích này để thấy rõ: Có một chàng con Bà La Môn, mẹ chàng lâm chung, người ta đem vào nơi hỏa táng, đặng thiêu đốt thi hài, tới sáng ngày hôm sau, chàng con trai thương nhớ bà mẹ quá, mới đem cơm nước đi vào chỗ hỏa táng ấy mà kêu bà mẹ dậy ăn cơm. Khi ấy, Đức Phật dùng Tuệ nhãn quán thấy chàng thanh niên ấy có duyên đắc đạo quả, nên ngài bèn ngự đi đón khoảng giữa đường, đúng giờ chàng ta đem cơm đi cho mẹ trong buổi mai. Thấy Phật chàng ta liền để đồ vật thực xuống, đến kính lễ ngài mà bạch hỏi rằng: “BHANTE BHOGOTAMA: Ngưỡng bạch đức Cù Đàm đại từ mẫn cố, đệ tử đem cơm cho mẹ của đệ tử mỗi bữa, chẳng hay mẹ đệ tử có ăn đặng hay không?” Phật giải rằng: “Này gả thanh niên, người quá vãng rồi, trở lại ăn vật thực của thế gian này không được đâu, ví như trai thanh niên nhà nghèo muốn được hoàng hậu của vua đương thời đem về làm vợ, thật rất khó, chỉ muốn xem thấy mặt của bà cho giải khuây cũng đã khó rồi. Sự khó ấy thế nào thì người quá vãng mà trở lại thọ thực ở đây cũng thật khó như vậy, không nghi ngờ gì. Lại nữa, sự phước thí để hồi hướng đến các bậc hữu ân cũng cần có đủ 3 chi là: 1) SILAVĀDĀNAṂDETI: Bố thí đến kẻ có đức hạnh, như là giới trong sạch.

2) UDDISSAPETĀNAṂ: Bố thí xong phải hồi hướng đến cho người quá vãng. 3) ANUMODANTI: Kẻ quá vãng có lòng hoan hỷ thọ lãnh phần phước đó. Tròn đủ 3 chi đó mới được. Khi dứt thời pháp chàng thanh niên phát tâm trong sạch, đem cơm đến dâng cúng cho Phật, ngài thọ thực xong tụng kinh TIROKUṬI, đặng cho sanh lòng hoan hỷ; vừa dứt thì chàng ấy đắc Tu Đà Hườn quả. Thân mẫu của chàng thanh niên cũng thọ hưởng vật thực trong khi ấy, rồi hiện ra rõ rệt, cũng như ngạ quỷ, là bậc quá vãng của

vua Tần Bà Sa. Lời hồi hướng như vầy: YDAṂMEDĀNAṂ MĀTĀPITŪNAṂ PETĀNAMHOTU: phần phước này, xin hồi hướng đến cho cha mẹ đã quá vãng. IDAṂṂEÑATĪNAṂ PETĀNAṂHOTU: phước này, xin hồi hướng đến những quyến thuộc đã quá vãng. VẤN: Sự hồi hướng ấy có thể thấu chung đến tất cả hay sao? ĐÁP: Nếu có thể được thì được ngay, còn như không thể được, thì cũng không được. VẤN: Thế nào được? Thế nào không? ĐÁP: 1) Chúng sanh đọa địa ngục. 2) Hạng ngạ quỷ thọ khổ quá nặng. 3) Hạng A Tu La mà có cái nghiệp mãnh liệt quá. 4) Hạng người tà kiến. Những hạng như trên không thể thọ hưởng phần phước hồi hướng ấy được. Hưởng được chỉ có hạng ngạ quỷ tội nhẹ ở chung trên mặt đất (PARADATŪPATHIVI) sẵn tâm ưa thích thọ lãnh phần phước của người hồi hướng cho. Sự tích chư thân quyến của hoàng đế Tần Bà Sa. KIRA: Ta nghe như vầy: Thân quyến vua Tần Bà Sa, ăn vật thực của người ta dâng cúng đến chư Tăng, trong khi giáo pháp của Đức Phật hiệu PUSSA. Tất cả chúng sanh ấy,

chết đọa làm ngạ quỷ, nhịn đói nhịn khát đã 19 kiếp trải qua, cho đến giảm kiếp này (BHADDAKAPPA), có đức Phật hiệu KAKKUSANDHO, đức Phật hiệu KONĀGA MANO, và đức Phật hiệu KASSAPO, ba ngài thành đạo trước, thì các ngạ quỷ ấy đến bạch hỏi: "Đến chừng nào chúng tôi mới đặng ăn uống do nhờ nhà vua bố thí với người ta?". Đức Phật Ca Diếp ngài dạy rằng: "Này các ngạ quỷ, trải qua một không gian Phật giáo nữa, có một vị Phật hiệu Cù Đàm thành đạo. Thân quyến của các người là vua Tần Bà Sa, sẽ dâng cúng Phật và hồi hướng đến cho các người, các người sẽ được thọ hưởng. Nhóm ngạ quỷ ấy được nghe rất mừng và ráng chịu đói mà chờ. Khi Phật Thích Ca thành đạo thì đức vua Tần Bà Sa, hết lòng trong sạch cúng dường Phật, nhưng ngày đầu không hồi hướng phần phước đến cho các ngạ quỷ, nên các ngạ quỷ kêu la bằng tiếng ghê sợ. Vua nghe rất sợ hãi, đến bạch Phật hỏi tự sự, Phật phán rằng: MAHĀRĀJA: Tâu đại vương! Thân quyến của đại vương sanh lắm ngạ quỷ, đến mong thọ lãnh phần phước. Thì đức vua cúng dường đến Đức Phật, đặng hồi hướng cho các ngạ quỷ đã hoan hỷ thọ lãnh ấy, bảo trợ cho họ thoát kiếp ngạ quỷ, sanh làm chư Thiên.

***

Điều hạnh phúc thứ 18 ANAVAJJĀNI KAMMĀNI: Chúng sanh làm những nghề nghiệp vô tội, chỉ có sự lợi ích làm mục đích, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Làm những nghề nghiệp vô tội đó, làm bằng cách nào? ĐÁP: Các thiện nghiệp như là tạo tượng, tháp thờ Phật, làm chùa, cất trường, thất, liêu, chỗ cư ngụ, đào hồ, đào giếng, đắp đường, làm cầu, làm nhà xí, tạo Pháp Bảo là in

kinh điển, hoặc làm tủ, bàn đặng để Pháp Bảo, giúp đỡ trong việc phước thiện của kẻ khác hoặc dọn dẹp, quét tước trong chùa và làm các công quả khác như là phụng sự chư Tăng Tỳ Khưu, Sa Di, tiếp giúp công việc của Tăng như là tu bổ chùa chiền, liêu, thất, v.v... như vậy gọi là làm các nghiệp không tội lỗi hằng đem lại sự lợi ích trong đời nầy và kiếp sau sau, như có sự tích như vầy" "Thời gian không Phật Giáo, có một người trưởng giả, rủ nhiều người khác, được 33 người tính làm các việc phước thiện như là: đắp đường, đào hồ, giếng và nhà tá túc, cho những người lỡ đường có nơi trú ngụ dễ dàng. Được ít lâu thì ông lý trưởng sở tại sanh lòng ganh ghét, nên đi tâu với vua rằng:

Nhóm người đó tính làm giặc để chiếm ngôi vua. Đức vua liền hạ chỉ cho bắt về không tra vấn xét hỏi gì, truyền lịnh đem giết cả. Người đứng đầu trong nhóm, mới khuyên các người kia ráng niệm tâm bác ái. Khi giám sát quan dẫn đi giết bằng cách cho voi chà. Song voi không chịu chà. Thấy việc lạ thường như thế, vua bèn kêu vào xét hỏi. Khi hiểu qua mọi lẽ, mới hay là nhóm người đó có đức tín, bèn hạ lịnh huệ thí cho voi ngựa và châu báu. Nhóm người ấy đã có voi ngựa dùng để chuyên chở lại càng tiện cho họ lắm, nên họ rủ nhau cất một cái nhà rất, làm nhiều chỗ ăn chỗ nằm bằng ván hoặc đá để dành cho người lỡ đường. Lại còn trồng cây cho mát, đào giếng lấy nước cần dùng cho những kẻ tá túc trong đó được an vui. Sau khi mãn phần đều đặng sanh về cõi trời Đao Lợi. Người đầu trong nhóm đặng sanh làm đức Đế Thích, có đủ sự sang cả và kẻ hầu hạ. Quả của sự tạo phước xá, bằng cây và đá, trả thành tảng đá gọi PAṆḌUKAMPALASIBĀ làm bệ ngọc. Quả của sự trồng cây trả thành cây gọi là PARI CHATTAKA BRIKSA là cây quí báu tại cõi trời Đao Lợi.

Hàng thức giả là người có nhiều trí tuệ, nên trong sạch với những nghề nghiệp vô tội (ANAVAJJAKAMA) vì những việc ấy sẽ đặng kết quả lợi ích, an vui, chắc chắn ở đời nầy và kiếp sau sau. ***

Điều hạnh phúc thứ 19 ĀRATĪVIRATĪPĀPĀ: Nết hạnh ghê sợ và tránh xa các tội lỗi do thân, khẩu, ý gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Chừa cải tránh xa các tội lỗi, cần phải tránh bằng cách nào? ĐÁP: Tránh xa bằng ba cách tác ý là: 1) SAMPATTAVIRATI: Chừa cải tránh xa bằng lối gặp cảnh, là đối cảnh có thể làm tội lỗi dễ dàng, như là gặp chúng sanh có thể giết được, gặp tài vật có thể trộm cắp dễ dàng, gặp phụ nữ có thể tà dâm dễ dàng, gặp cơ hội để nói dối, gặp dịp có rượu nếu uống thì dễ dàng lắm, những không sát sanh, trộm cắp, v.v.... Như vậy gọi là đối cảnh nghiêm trì. 2) SAMĀDĀNAVIRATI: Chừa cải tránh xa do nguyện thọ trì trước kẻ khác, nhứt là thầy Tỳ Khưu, Sa Di, sự chừa cải nầy chia làm hai: a) EKAJJHASAMĀDĀNA: Thọ gộp chung cả ngũ giới như vầy: PAÑCAṄGASAMĀNĀ GATAṂ SAMĀDIYĀMI: Tôi xin thọ trì trọn cả 5 giới. b)PACCEKAJJHASAMĀDĀNA: Thọ trì riêng từng giới như vầy: Tôi xin thọ trì điều học là cố ý tránh xa sự giết thác loài sanh mạng, luôn cho đến không để duôi uống rượu. 3) SAMUCCHEDAVIRATI: Chừa cải bằng sự đoạn tuyệt là nhờ thánh đạo, nhứt là đạo Tu Đà Hườn, cắt đứt không còn tái phạm làm tội lỗi nữa.

VẤN: Giữ giới theo như SAMPATTAVIRATI, được quả báo thế nào? ĐÁP: Được quả báo giống như chàng CAKKANA. Sử chép rằng mẹ của chàng CAKKANA, hữu bệnh mời thầy thuốc đến, ông thầy bảo phải kiếm thịt con thỏ, để tôi làm thuốc cho. Anh của chàng biểu chàng đi bắt thỏ, khi chàng bắt được một con thỏ, thấy nó có đầy dáng sợ hãi, chàng ấy nắm chặt con thỏ không cho vùng vẩy, nhưng con thỏ vẫn vùng vẫn la thảm thiết. Chàng CAKKANA phát tâm từ ái bèn thả con thỏ ngay, rồi về nhà. Anh hỏi: Em bắt được con thỏ không? Em đáp: Thưa anh, em bắt đặng một con thỏ, nhưng em thả đi rồi. Anh quá giận mắng chửi om sòm. Chàng CAKKANA đi thẳng vào giường mẹ, quỳ xuống dưới chơn mẹ, mà phát thệ nguyện bằng lời chơn ngôn như vầy! “Do quả lành tôi hết lòng thương xót và thả con thỏ, do tác ý chừa cải của tôi đây, xin cho bệnh căn của mẹ tôi được mạnh lành trong ngày hôm nay”. Chàng CAKKANA đọc chú nguyện

vừa dứt thì bệnh của bà lần lần thuyên giảm, khỏi uống thuốc, do cái quả báo của sự tác ý chừa cải nghĩa là giới vậy. VẤN: Cái gì gọi là thể trạng của giới và phước, tội? ĐÁP: Tác ý là thể trạng của giới và phước tội, sở do đức Thế Tôn tự thuyết như vầy: "CETANĀHAṂ BHĪKKHAVE, SĪLAṂ, VADĀMI PUÑÑAṂ VADĀMI PĀPAṂ VADĀMI: Nầy các Tỳ Khưu! Như Lai gọi tác ý đó là thể trạng của giới, thể trạng của phước và thể trạng của tội. Tác ý có 2: 1) Tác ý chừa cải (VIRATICETANĀ) 2) Tác ý sắp làm (KARANACETANĀ)

Tác ý sắp làm có 2: 1) PUÑÑA KARANA CETANĀ: Tính làm phước. 2) PĀPAKARANA CETANĀ: Tính làm tội. VẤN: Nguyên nhân làm cho phát sanh cái tác ý phước hay tội đó là do cái chi? ĐÁP: Nguyên nhân phát sanh tác ý phước có 3. Về tội cũng có 3 là: 1) ALOBHO: Không tham lam. 2) ADOSO: Không sân hận. 3) AMOHO: Không si mê. Cả ba điều này nhân về phần phước. 1) LOBHO: Tham lam. 2) DOSO: Sân hận. 3) MOHO: Si mê. Ba điều nầy là nhân về phần tội. VẤN: Phước và tội khi nó phát sanh lên do ngõ nào? ĐÁP: Nó phát sanh lên do nơi nhãn môn, nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn, thân môn, ý môn. Cả 6 cửa nầy gọi ĀYATANA lục căn cũng gọi là 6 cái giếng, hay là 6 cái mỏ để sản xuất tội và phước. VẤN: Ta phải dứt bỏ tội lỗi đã phát sanh, do 6 nẻo đó bằng cách nào? ĐÁP: Cần phải dứt bằng trí tuệ là làm cho tuệ lực được tỏ rạng, rồi lấy lục căn là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý đem lại quán sát cho nhận thấy nó là vô thường, khổ não, vô ngã, và quán tưởng lục trần, sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp cho thấy rõ đó là vô thường, khổ não, vô ngã, đặng cho phát sanh sự chán nản (NIBBIDĀ), ấy mới là phương pháp diệt tội. VẤN: Làm sao mà tuệ lực được tỏ rạng? ĐÁP: Cần phải nhờ 3 pháp như vầy:

1) CHANDA: Sự ưa thích trong pháp. 2) VIRIYA: Sự tinh tấn bền bỉ trong pháp. 3) CITTA: Sự quyết định trong pháp. Cả ba điều nầy làm cho trí tuệ có sức mạnh. VẤN: Tiếng gọi là pháp có nghĩa thế nào? ĐÁP: Là nói về sự tốt, sự lành mà lại là sự thiệt nữa, ấy gọi là pháp; còn tốt mà không thiệt, hay thiệt mà không tốt, ấy chẳng gọi là pháp. Sự tốt mà lại thiệt nữa, là nói về sự quán sát ngũ uẩn cho nó là vô thường, khổ não, vô ngã. Diệt tận tình dục, sân hận, si mê, đặng làm cho tâm thanh tịnh, đó gọi là pháp tốt và thiệt không còn ngần ngại chi nữa.

***

Điều hạnh phúc thứ 20 MAJJAPĀNĀ CA SAÑÑAMO: Thu thúc để tránh khỏi sự uống rượu, là kềm chế không uống rượu và các chất say, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Rượu và chất say có mấy thứ? ĐÁP: Có 10 thứ: rượu có 5, chất say có 5. Năm thứ rượu (SURA) là: 1) PIṬṬHA SURĀ: Rượu làm bằng bột. 2) PŪVA SURĀ: Rượu làm bằng bánh. 3) ODANA SURĀ: Rượu làm bằng cơm. 4) KIṆṆAPAKKHATA SURĀ: Rượu làm bằng chất rượu cũ. 5) SAMBHĀ RASAṂYUTTA SURĀ: Rượu làm do nhiều vật nguyên liệu hiệp lại, như là ngâm bằng trái cà na, hoặc như nước thốt nốt để chua, rồi làm rượu uống chẳng hạn.

Năm chất say (MERAYA) là: 1) PUPPHĀSAVO: Nước ngâm bằng bông. 2) MADHUSAVO: Nước ngâm bằng mật ong. 3) PHALĀSAVA: Nước ngâm bằng trái cây. 4) SAMBHĀRASAṂYUTTO: Nước ngâm bằng nhiều chất hiệp lại, trái cây, rễ cây, v.v..... 5)

GULASAVO: Nước ngâm bằng nước mía hay đường. Cả 10 thứ nầy là nước say hết thảy. VẤN: Cả 10 thứ nước nầy, Phật cấm không cho uống là vì nguyên nhân gì thế? ĐÁP: Ngài cấm là bởi nguyên nhân do đó mà sự dể duôi cẩu thả của chúng sanh phát triển, mà hễ sự dể duôi có thì làm cho tâm của chúng sanh càng bạo tàn hung hăng, trong các điều tội lỗi khác, do thân, khẩu, ý, tội lỗi chưa từng làm có thể làm được do sức mạnh của rượu. Lắm khi những bực đáng cung kính, tôn thờ như cha, mẹ, anh, chị, cô, bác hoặc Sa Môn, Bà La Môn, nhứt là chư Tỳ Khưu Tăng v.v.... Các bậc đó ta hằng cung kính tôn thờ một cách thận trong do thân, khẩu, ý. Song rượu vào giờ nào thì làm cho tâm hung hăng dứt bỏ hẳn sự kính nể. Vả lại các tội ác ta chưa từng làm, như là sát sanh, trộm cắp, tà dâm v.v... là bởi tâm chưa hung hăng, đến khi nhờ sức rượu trở nên hung hăng thì làm được ngay. Cũng như cháu của ông bá hộ Cấp Cô Độc có tài sản đến bốn chục KOṬI (bốn trăm triệu), song chuyên môn uống rượu cho tới hết cả tài sản, rồi đến xin ông bá hộ Cấp Cô Độc. Ông cho lần thứ nhất, thứ nhì, thứ ba cũng không còn. Sau, ông bá hộ đem câu chuyện ấy bạch Phật, thì ngài thuyết 6 tội của sự uống rượu như vầy: 1) SANDIṬṬHIKĀ: Người uống rượu hằng bị quả khổ trong kiếp nầy rõ rệt. 2) DHANAJĀNĪ: Uống rượu hằng bị hao tổn tài sản.

3) KALAHOVAḌHATI: Hay rầy rà cải lẫy, lắm khi đánh đập chém giết cũng do cái tội uống rượu. 4) ROGĀNAṂ VUAPJJATI: Hay sanh nhiều thứ bệnh do uống rượu. 5) AKITTISADDO: Phần đông chê trách về tư cách xấu xa nhứt là ăn mặc, đi đứng lôi thôi, chếnh choáng. 6) DUPAÑÑAVĀHOTI: Khờ khạo không có trí tuệ, chẳng hiểu người ta lừa gạt mình để bắt lỗi do sự uống rượu. Cả 6 tội nầy ở đời hiện tại. Còn tội kiếp sau là đến khi chết đọa vào địa ngục đồng sôi (LOHAGAMBHĪ) hằng chịu uống nước đồng đang sôi, vào tới miệng thì phỏng trầy miệng, vào tới ruột thì phỏng cháy trầy trúa cả ruột, nứt bụng mà chết, rồi sanh lại nữa. Chịu khổ như thế mãi tới giờ phút nào mãnh lực của nghiệp dứt thì thoát kiếp địa ngục, sanh vào nơi cõi nào thì cái dư ương nó vẫn theo dính làm cho điên khùng, lãng trí, mất nhiều tánh nết khác cũng do quả của sự uống rượu. Những tội như trên là Phật thuyết cho bá hộ Cấp Cô Độc nghe vậy. VẤN: Rượu hồi đó phát sanh do chất gì? Tại xứ nào? ĐÁP: Rượu bấy giờ có đầu tiên ở trong rừng. Thuở ấy có một người săn bắn của vua BĀRĀNASĪ, anh ấy đi săn bắn trong rừng, gặp một cây gừa cụt ngọn, trên đó có lỗ. Những loài chim két tha lúa SĀLĪ và cam thảo, tiêu và tiêu hoang vào ăn trong lỗ ấy. Những món đó rơi vào trong lỗ, tích tụ nhiều lên rồi gặp mưa nước đọng vào trong ống đó, có màu đỏ mà lại có vị say. Các loài phi cầm xúm nhau uống say rồi rơi xuống đất. Chàng thợ săn ngồi coi thấy chim rớt xuống nằm khờ một hồi, rồi gượng bay lên không cao lại rớt trở

xuống. Chàng lại càng hứng thú ráng coi hoài. Thấy nhiều lần như vậy, bèn nghĩ đó cũng việc lạ thường, mới trèo lên tới, bừng cặp mắt xem coi kỹ thì thấy nước trong ống trong mà màu đỏ. Song không hiểu nước chi, mới múc uống thử lối hai ba búng. Vừa xong thì tâm thấy hăng lên, hứng thú cười ênh ỏi một mình rồi trụt trở xuống. Khi tới đất nằm ình xuống một cách vui thú rồi ngủ một giấc, sau thức dậy trèo lên cây một lần nữa múc nước ấy đem về dâng cho vua. Đức vua cho thị thần nếm thử coi, thị thần nếm thử vài ba búng thì hình như ai nắm vai giựt mạnh ra, chẳng khác chi người ta vào thoi đánh đức vua. Vậy cho nên ngài tạm gọi là rượu (SURĀ), nhẩn đến ngày nay.

Rồi ngài phán đi múc về làm giống nguyên chất. Anh thợ săn vâng mạng đi xem xét cẩn thận rồi múc đem về phụng hiến cho vua. Ngài làm rượu trận, cho quân lính uống trước khi ra trận, để có nhiều sự hung hăng, không nhút nhát đối trước quân nghịch, hầu thắng lợi cho quân sự. ***

Điều hạnh phúc thứ 21 APPAMĀDO GADHAMBESU: Sự không dể duôi trong Phật pháp, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Sự không dể duôi Phật, pháp bằng cách nào? ĐÁP: Không dể duôi trong thiện pháp và ác pháp, nghĩa là: 1) Cầu có trí nhớ để nhắc nhở tâm cho nghĩ ngợi đến thiện pháp. 2) Cầu có trí nhớ bằng nhắc nhở tâm cho hăng hái làm các việc lành. Giải rằng: Sự nhớ pháp lành là điều lành nào ta đã làm rồi, phải hằng ghi nhớ pháp lành ấy luôn khi không bỏ qua. Thiện pháp nào ta chưa làm, hãy hối hả làm ngay, đừng tính sụt sè đình đãi

rằng đợi ngày mai, mốt, tháng sau, hoặc năm sau v.v.... Cũng chớ nghĩ rằng ta đang nghèo nàn, đợi khi nào giàu có, dư dả sẽ làm, không suy nghĩ đình đãi lui sụt như thế gọi là không dể duôi. VẤN: Người không dể duôi rồi làm lành có mấy cách? ĐÁP: Có 10 cách tạo trữ điều lành: 1) DĀNAṂDETI: Sự bố thí, nhứt là tài thí, đem cơm nước hoặc tài vật khác ra cho. 2) SĪLAMRAKKHATI: Sự trì giới, như ngũ giới, bát quan trai giới. 3) BHĀVANAṂ BHAVETI: Niệm Phật tham thiền, hoặc rải tâm từ bi. 4) APPACCĀYANAṂ: Hết lòng cung kính những bực đáng cung kính. 5) VAYYĀVACCAṂ: Sự hăng hái, tiếp giúp trong những điều lành, lẽ phải của kẻ khác. 6) PATIDĀNAṂ: Hồi hướng chia sớt phần phước thiện của mình làm cho kẻ khác. 7) DHAMMADĀNAṂ: Bố thí pháp là nói pháp cho người khác nghe. 8) DHAMMASSAVANAṂ: Nghe pháp của Phật. 9) ANUMODANĀ: Hoan hỷ thọ lãnh phần phước của người khác hồi hướng chia sớt cho. 10) DIṬṬHUJUKAMMAṂ: Sửa trị kiến thức cho chơn chánh, là làm cho sự hiểu thấy đúng theo chơn lý. Lại nữa, pháp không dể duôi nầy, các bậc trí tuệ nhứt là đức Phật hằng khen ngợi như vầy: APPAMĀDO AMATAṂ PADAṂ: Sự không dể duôi là con đường đi tới Niết Bàn. Như A Nan Đà tôn giả, kể từ

ngày Phật nhập đại Niết Bàn rồi, tôn giả không dám dãi đãi, đến nỗi không nằm, cứ đi kinh hành niệm đề mục thiền định, cho đến ngày gần kết tập Tam Tạng, chư Tăng cứ nhắc nhở, ngài tinh tấn một cách tận lực, tham niệm về đề mục thân bất tịnh, từ đầu hôm cho tới gần sáng, ngày cũng chưa đắc A La Hán. Ngài bèn tính nằm xuống, nhưng vẫn không rời đề mục. Rồi quay mình lại day mặt hướng chánh điện đặng nằm xuống, hai chơn của ngài chưa để xuống tới ván, đầu chưa đụng tới gối, thì đắc quả A La Hán, diệt tận phiền não một cách tuyệt trừ, không còn mảy may trong tâm. Đó cũng do nhờ pháp không dể duôi, mà chính pháp nầy, không phải riêng phần đức A Nan Đà. Có một vị Tỳ Khưu nữa, ngài có sự tinh tấn đi kinh hành ở trong rừng, từ đầu hôm tới nửa đêm, khi ngài đã mỏi chân, ngài bò lết lui tới mà tham thiền. Khi ấy, người thợ săn đi tìm bắn thú, đến thấy ngài đang kinh hành như thế, lầm tưởng con thú, bèn đâm một mác trúng ngay vị Tỳ Khưu. Ngài bèn la lớn lên, chàng thợ săn nghe rõ tiếng người thì chạy trốn thoát. Thầy Tỳ Khưu ráng rút cái mác ra cho khỏi, rồi lấy cỏ khô nhét vào chỗ đó. Xong ngài cũng không dãi đãi và dùng sự khổ mà làm đề mục, gắng gượng lết lui tới kinh hành, dùng trí nhớ quán sát về pháp minh sát tuệ, nhẫn đến đắc quả A La Hán,

dứt sạch phiền não và nhập vô dư Niết Bàn luôn khi đó. Đây là do nhờ pháp không dể duôi mà được vậy.

***

Điều hạnh phúc thứ 22

GĀRAVOCA: Sự tôn kính những bậc đáng tôn kính, gọi là hạnh phúc cao thượng.

VẤN: Tôn kính bậc nào mới gọi là đáng tôn kính?

ĐÁP: Bậc đáng tôn kính có tới 7:

1) BUDDHAGĀRAVATĀ: Cung kính Phật. 2) DHAMMAGĀRAVATĀ: Cung kính Pháp. 3) SAṄGHAGĀRAVATĀ: Cung kính Tăng. 4) SIKKHĀGĀRAVATĀ: Cung kính điều học. 5) SAMĀDHIGĀRAVATĀ: Cung kính thiền định. 6) APPAMĀDAGĀRAVATĀ: Cung kính sự không dể duôi. 7) PATISANTHĀRAGĀRAVATĀ: Cung kính trong sự giao thiệp hay tiếp đãi. Cung kính Phật, là tôn thờ kim thân và bảo tháp, cây bồ đề, chỗ ngài giáng sanh, chỗ ngài thành đạo, chỗ ngài chuyển pháp luân, chỗ ngài nhập vô dư Niết Bàn. Cung kính Pháp, là tôn trọng kinh, luật, luận, và ngồi nghe pháp một cách kính cẩn, không nói chuyện, không nằm mà nghe, không vấn trùm khăn trên đầu, không đội nón, mũ, dù, khăn mà nghe, không ngồi xổm 2 đầu gối khoanh tay choàng ở dưới mà nghe. Cung kính Tăng, là nghiêng mình lễ bái, không nói lời đê hèn mà hạ mạt các ngài. Nên kính cẩn tôn thờ chư Tăng. Cung kính điều học, là học hỏi cho thấu rõ giới luật, theo phẩm vị xuất gia hoặc tại gia, đại khái là thận trọng thâu thúc thân khẩu cho trong sạch, y theo giới luật. Cung kính thiền định, là hằng niệm đề mục cho phát sanh chi thiền luôn khi. Cung kính sự không dể duôi, là cần có trí nhớ, dứt tội lỗi tạo trữ phước thiện, nhứt là hằng tu theo phép giới, định, tuệ. Cung kính trong sự giao thiệp có 2: 1) ĀMISAPAṬISANTHĀRA: Tiếp đãi bằng tài vật như là mời thỉnh bà con thân quyến, người xa kẻ gần hoặc liên hữu, hằng lui tới nhà, nên cho những vật nào đáng cho, hoặc chia sớt cho người.

2) DHAMMAPATISANṬHĀRA: Tiếp đãi bằng pháp, là chỉ dẫn điều hành lẽ phải, khiến cho có đức tin, biết trì giới, biết bố thí tu hành cho đến ngày vô sanh bất diệt. Lại nữa, người đáng tôn kính có 3 dạng là: 1) ĀYUVUḌḌHO: Người trưởng lão đáng bậc trên trước nên cung kính. 2) GUṆAVUḌḌHO: Bậc có nhiều ân đức như cha, mẹ, thầy, tổ, chư Sa Môn, Bà La Môn, và những người có giới đức thanh cao nên cung kính. 3) PUÑÑAVUḌḌHO: Kẻ nhiều phước sanh vào giòng dõi cao sang, như là vua chúa v.v... là bậc nên cung kính. Song sự kính trọng những bậc có nhiều phước báo, hãy nhớ như vầy: “Các vị đó từ trước có đức tin trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, cho nên nay những kẻ đó mới đặng sanh vào nơi cao sang như vậy. Khi nghĩ thế rồi, sự cung kính ấy thành ra phước báo”. Tư cách tôn trọng kính nhường lẫn nhau như vậy, là hạnh phúc sẽ tiến triển cả đời nầy và kiếp sau. Có một tích như vầy: “Thuở nọ, đức Thế Tôn ta còn làm bồ tát, ngài thọ sanh làm con chim đa đa, ở trên cây da to. Lại có một con voi và một con khỉ, cả ba con vật ấy kết thân ái với nhau, và có sự kính mến nhau. Vả lại cả ba con ấy đều giữ ngũ giới trong sạch, do quả báo của sự cung kính nhau và trì giới được trang nghiêm. Sau khi chết hóa sanh lên cõi trời cả”. Tướng mạo của sự tôn kính có 3 điều: 1) KĀYAPANAMA: Cung kính bằng thân, như là nghiêng mình lễ bái chẳng hạn.

2) VACĪPANĀMA: Cung kính bằng miệng như là xưng dương tán thán các đức tánh tốt. 3) MANOPANĀMA: Cung kính bằng tâm, là chơn thành cung kính và ngưỡng mộ một cách hết lòng. ***

Điều hạnh phúc thứ 23 NIVĀTOCA: Nết hạnh khiêm nhượng tự ty, là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Tư cách khiêm nhượng tự ty ấy phải hành động thế nào? ĐÁP: Phải dứt bỏ sự ngã chấp và ác kiến cho tâm được sự nhẹ nhàng, làm cho thân khẩu có tánh nết nhu thuận mềm mỏng một cách đẹp đẽ. Đừng chấp theo ngã kiến rằng: mình là vua chúa, mình là Bà La Môn, rằng: ta con giòng vua chúa, ta con giòng cao sang, ta sanh làm bá hộ trưởng giả, giòng giống ta là bá hộ, trưởng giả, ta có quyền cao tước cả, ta có tài sản nhiều và thị tùng bộ hạ đông đảo. Đừng chấp trước rằng: đây là ta, đó là ngươi, cái này của tao, vật kia của họ, cả thảy ngã kiến ấy, đều là sự họa hại cả đời này và kiếp sau. Sự họa hại đời hiện tại, cũng như con chó sói nghe thần chú (MANTA) của một ông thầy ở trong xứ BĀRĀṆASĪ đang đọc tụng. Con chó sói thuộc lòng, rồi vào rừng đọc, các loài thú nhứt là sư tử, sợ sệt oai lực của thần chú ấy, nên kéo nhau đến tùng phục con chó sói. Khi nó được tự tôn làm vua của các loài thú khác từng tùng phục, lâu lâu nó càng đắc chí thì ngã mạn càng nhiều lên, mới tính vào đoạt xứ BĀRĀṆASĪ. Nên chó sói đọc thần chú hội các loài thú tới chừng 12 do tuần. Con chó sói lên cưỡi trên lưng một con sư tử chúa, rồi kéo nhau vào bao vây thành BĀRĀṆASĪ. Trong đó có một ông quân sư có nhiều trí tuệ, hiểu rõ sẽ có tai hại chẳng sai, bèn tâu với vua hạ chỉ truyền cho dân chúng sắm

bột đậu nhét lỗ tai tất cả, cho đến chó, mèo, trâu, bò cũng nhét kín lỗ tai cả. Đến ngày thứ bảy, ông quân sư đến gần chỗ chó sói, thúc giục bảo nó làm chi thì làm đi. Chó sói bèn lên lưng sư tử chúa, đứng dặm chân 3 lần, thì sư tử chúa rống lên dữ dội. Chó sói rơi xuống đất, những thú khác đạp chó sói chết tốt, còn các thứ thú khác cũng chết gần hết, dân chúng dẫn nhau đi chở về xẻ thịt ăn không hết, đem phơi khô rất nhiều.

***

Điều hạnh phúc thứ 24 SANTUTTHĪ CA: Sự thật hành pháp tri túc, là người mong tầm sự lợi ích ở tiền đồ, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Hành pháp tri túc có mấy cách? ĐÁP: Có 2 cách: 1) Xuất gia tri túc. 2) Tại gia tri túc. Sự tri túc của bậc xuất gia, là nên ưa thích nơi thanh tịnh, ở riêng một mình, không ham muốn trong tứ vật dụng, chỉ hoan hỷ tùy sở thọ, là có được thế nào thọ dụng thế ấy, không tính kiếm chác gì thêm, không tham đắm trong vật thực là trạng thái làm cho kẻ chưa phát tâm trong sạch, tin tưởng như sự tích sau đây: “Có một người Bà La Môn, chưa ngưỡng mộ đạo Phật, một hôm nọ ông ta nghĩ rằng: “Chư vị Tỳ Khưu không ham muốn trong việc ăn uống. Vậy ta thử mấy ổng coi, tính xong bèn đem một tô cơm đi vào chùa. Khi đó, có 30 vị sư tụ hội lại để độ ngọ. Ông ấy dâng tô cơm đến vị trưởng lão, ngài thọ xong múc một ít rồi trao cho chư Tỳ Khưu kế tiếp, cứ mỗi vị múc một chút. Tô cơm ấy được chia đều đủ cả 30 vị Tỳ Khưu. Ông Bà La Môn thấy những phẩm hạnh như thế, bèn

phát tâm trong sạch xuất tài sản, cất chùa xây tháp rất huy hoàng, mỹ lệ”. Sự tri túc của kẻ tại gia, là tri túc về vấn đề vợ chồng, nghĩa là chỉ đặng một vợ một chồng thôi, đừng

ham mê trong đường ái dục thái quá, nếu ai là người ham mê thái quá thì phải bị hại chẳng sai, như có sự tích thế này: "Một vị hoàng tử bị vua cha đày ra khỏi xứ, mới dẫn vợ đi vào rừng. Bữa nọ thấy một con giả nhơn (KINARA) đi đến, coi có vẻ đẹp bèn bỏ vợ mà đi theo con giả nhơn ấy. Người vợ buồn bã vô hạn, mới đi đến chỗ tu hành của vị đạo sĩ, xin học về đề mục tu luyện, được thần thông rồi bay lên hư không. Nói về hoàng tử ấy đi theo con giả nhơn gần tới thì nó bay lên trời, vị hoàng tử một khi trút đổ bao nhiêu hư vọng xuống biển, rồi trở về kiếm vợ lại chẳng thấy, mới ân hận ngồi khóc một mình ở giữa rừng.

***

Điều hạnh phúc thứ 25 KATAÑÑUTĀ: Tư cách biết ơn của người đã thi ân đến mình, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Có tư cách biết ơn người rồi phải làm sao? ĐÁP: Có tư cách biết ơn người thì cần phải biết cách đền ơn người. Nếu nói về người thì có hai hạng: 1) PUPPAKĀRĪ: Người thi ân đầu tiên. 2) KATAÑÑŪ KATAVETĪ: Người tri ân và báo ân. PUPPAKĀRĪ có 5: a) Đức Phật là thầy dạy cho chúng sanh trong con đường người trời và Niết Bàn. b) Các vị Hòa Thượng, A Xà Lê thầy chỉ dẫn trong con đường tu, đặng đi đến cõi trời và đạo quả Niết Bàn.

c) Cha mẹ là người sanh thành dưỡng dục, cho ta được thành nhơn. d) Thân quyến như là ông, bà cho đến anh, chị v.v.... e) Người cho ta các món như cơm nước, áo quần, chỗ ở, hoặc thuốc men trong cơn đau ốm, hay cứu giúp một việc gì, dầu lớn nhỏ trong cơn nguy khốn. Những người đã kể trên gọi là người thi ân đầu tiên (PUPPAKĀRĪ). KATAÑÑŪ KATAVETĪ có 2: a) Bậc xuất gia. b) Bậc tại gia. Bậc xuất gia cần làm theo 7 sự tôn kính. Trước hết là tôn kính Phật bảo, cho đến hành những pháp cung phụng Thầy Tổ, mà ngài khép vào điều thứ 7 của pháp tôn kính là PAṬISANTHĀRA (coi ở điều hạnh phúc số 21). Làm những pháp hành cung phụng thầy tổ nghĩa là: nếu thầy hòa thượng hay thầy tiếp dẫn đi đến, hãy đứng dậy đón tiếp lễ bái, trải chiếu hay dọn chỗ ngồi và dâng nước nóng, nước lạnh hoặc đứng hầu hạ làm các công việc như là giặt y, nhuộm y v.v.... Nói về cư sĩ thì phải cung phụng cha mẹ một cách hết lòng hiếu hạnh, nhẫn đến các bậc có ơn đức với ta. Lại nữa pháp tri ân và báo ân này có 2 điều là: 1) KATAÑÑŪ KATAVEDĪ: Người nào đền ơn đến mình, thì mình phải tìm dịp đền ơn lại. 2) KATAÑÑŪ KATAVEDĪ: Quả của người phước thiện mà ta đã làm từ trước, là nói về kẻ nào được sanh làm người ở trong đời, dầu tốt hay xấu cũng chỉ nhờ cái nghiệp. Vậy khi được sanh ra rồi, hãy nên tiếp tục làm các thiện sự, do Phật ngôn như vầy:

CATTĀROME BHIKKHAVE PUGGALĀ: Này các Tỳ Khưu, người trong thế gian này có 4 hạng: 1) TAMOTAMAPARĀYANO: Người tối mê rồi đi đến chỗ tối mê, là nói về người sanh ra rồi có bần khốn khổ, và chỉ làm tội, không làm phước, gọi là người không biết ơn (AKATAÑÑŪ). 2) TAMOJOTIPARĀYANO: Người từ chỗ tối mê rồi đi đến chỗ sáng suốt, là nói về người sanh ra có bần, khốn khổ, song có đức tin chỉ làm phước không làm tội, gọi là người biết ơn (KATAÑÑŪ). 3) JOTITAMAPARĀYANO: Người từ chỗ sáng suốt đi đến chỗ tối mê, là nói về người sanh ra được giàu sang có tiền của nhiều và gặp lắm điều an lạc, song lại là kẻ không có đức tin, chẳng làm phước thiện cứ tha hồ làm tội ác, ấy gọi là người không biết ơn (AKATAÑÑŪ). 4) JOTIJOTIPARĀYANO: Người từ

chỗ sáng suốt đi đến chỗ sáng suốt, là nói về người sanh ra có nhiều tài sản, lại gặp sự an vui, rồi có đức tin, chỉ lo đào tạo các điều phước thiện, không làm các tội ác, ấy gọi là người tri ân (KATAÑÑŪ). VẤN: Người biết ơn và biết cách đền ơn như 2 lẽ ấy thì sẽ được quả báo ra sao? ĐÁP: Được quả báo sanh về trời và sẽ đắc đạo quả dễ dàng mau lẹ. Như sự tích sau đây: "Có một nàng gái tin dâng cúng hột nổ cho Đại Đức Ca Diếp, đến khi trở về bị rắn cắn chết, được sanh về cõi trời Đao Lợi, có cung điện bằng vàng và có một ngàn thiên nữ hầu hạ. Nàng quán sát thấy quả báo của mình rồi có lòng hoan lạc, đúng với sự biết ơn về điều lành của mình đã tạo và có tâm đáp ân, muốn tài bồi thiện căn cho nhiều thêm lên, nên nàng từ cung trời xuống đặng để hầu hạ làm các công

việc cho Đại Đức Ca Diếp, như là quét tước chỗ ở của ngài v.v.... Khi Đại Đức rõ rằng nàng thiên nữ xuống làm như thế, ngài cấm không cho làm nữa, nàng ân hận bèn bay lên và khóc than trên hư không. Bấy giờ, đức Thế Tôn phóng hào quang sáu màu rực rỡ, chiếu đến trước mặt nàng thiên nữ, đặng thuyết pháp cho nàng nghe. Khi dứt thời pháp nàng đắc Tu Đà Hườn ngay, rồi nàng bay lên ở cung điện ấy. VẤN: Người tri ân thì đắc đạo quả, còn người bất nghĩa, là không biết ơn kẻ khác thì sẽ có tội thế nào? ĐÁP: Người không biết ơn của kẻ khác, là bậc có làm những ơn đức đã gội nhuần trên mình, thì sẽ đọa vào 4 đường ác. Nếu muốn rõ cũng nên dẫn một sự tích làm bằng: "Thuở nọ đức Bồ Tát đầu thai làm bạch tượng chúa lớn, ở trong rừng tuyết lãnh. Có một người săn bắn, đi lạc đường la khóc than van ở trong rừng. Cảm động đến từ tâm của tượng vương. Ngài bèn đỡ chàng thợ săn lên lưng mà đưa ra và chỉ đường cho, rồi ngỏ ý bảo người ấy đừng cho ai hay ở đây có tượng. Chàng thợ săn để ý làm dấu theo cây và quyết tâm muốn trở lại xin cặp ngà. Khi về tới xứ, bèn tỏ cho thợ làm ngà hay, thợ ấy càng muốn mua. Chàng thợ săn trở vào rừng tuyết lãnh, đặng xin ngà của tượng chúa, tượng chúa cũng cho bằng đức tin trong sạch, mong giác ngộ thành Phật. Chàng thợ săn cắt vừa ý muốn, đem về bán nuôi vợ con. Không bao lâu ăn hết lại vào xin nữa. Lần này anh ta đem dao nhọn và búa theo, rồi đục khoét tận gốc làm cho máu chảy đầy cả mặt tượng chúa mà nhổ hết sức bình sanh, sau khi nhổ ra rồi, cầm đi tới chừng khuất tầm con mắt của tượng chúa, thì quả đất liền bể hai ra, rút nguyên hình chàng thợ săn vào địa ngục A Tỳ, do tội quên ơn, không biết ơn của các bậc hữu ân như đã giảng giải đây".

***

Điều hạnh phúc thứ 26 KĀLENADHAMMASSAVANAṂ: Tư cách thường được tùy thời nghe pháp, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Bảo tùy thời nghe pháp là tùy thời bằng cách nào? ĐÁP: Thời Ngài đã nhứt định có hai: 1) Theo Phật ngôn có 6 ngày là: 8, 14, 15, 23, 29, 30. 2) Theo chú giải có 8 ngày là: 5- 8 - 14- 15- 20- 23- 29- 30. VẤN: Người hằng tùy thời nghe pháp có quả báo ra sao? ĐÁP: Người hằng nghe pháp đặng 5 quả báo: 1) ASUTAMSUNĀTI: Được nghe những pháp mà mình chưa nghe. 2) SUTAṂPARIYODAPETI: Nghe pháp sẽ phát sanh Trí Tuệ. 3) KAMKHAṂVINODETI: Sẽ đoạn trừ sự nghi ngờ ở trong tâm. 4) DIṬṬHIUJUṂ KAROTI: Làm cho kiến thức chơn chánh đúng theo Phật pháp. 5) CITTA MASSA PASĪDATI: Tâm sẽ trong sạch thấy rõ

chánh pháp, chơn lý là vật khêu sáng trí tuệ. Quả báo của sự nghe pháp có 4 điều nữa là: 1) BUDDHASĀSANAṂ VIROCATI: Làm cho Phật giáo hưng hạnh, rực rỡ lâu dài. 2) SUGATI PARĀYANO: Sau khi chết được sanh nơi nhàn cảnh. 3) PAṬIVEDHAṂ: Sẽ đắc thành đạo quả. 4) BAHUSUTO: Sẽ thành bậc đa văn nghĩa là sẽ thành người trí thức. Thiện duyên trong Pháp bảo có 4: 1) SOTAṂDHĀVATI: Giòng chơn pháp sẽ lưu nhập trong nhỉ môn (pháp sẽ thấm vào tai).

2) UGGANHATI: Sự đọc tụng kinh, luật, luận. 3) VACĀṄAM: Dạy pháp cho kẻ khác. 4) SAJJHĀYAṂ: Sự học hỏi và tụng trì pháp. Cả 4 pháp này sẽ kết thiện duyên đến cho người làm phước. Lại nữa, Phật giáo suy đồi cũng do 4 nguyên nhân như vầy: 1) Hàng Tứ Chúng không thực hành pháp, bằng cách cung kính. 2) Hàng Tứ Chúng không học kinh luật, bằng cách cung kính. 3) Hàng Tứ Chúng không nâng đỡ hộ trì pháp, bằng cách cung kính. 4) Hàng Tứ Chúng không quan sát pháp, bằng cách cung kính. 5) Chỗ khác nói hàng Tứ Chúng không nghe pháp, bằng cách cung kính. Gồm cả thảy là 5 pháp. Vả lại, tư cách nghe Phật pháp, hằng kết thiện duyên cho chư Thiên và nhơn loại, thậm chí đến hạng súc sanh cũng đặng kết duyên lành nữa, y theo sự tích sau này: Có một con gà nằm gần Tăng đường, nghe một vị Tỳ Khưu đang đọc kinh về đề mục thiền định, con gà được nghe kinh, bèn phát tâm hoan hỷ theo trong pháp âm. Kế đó có một con diều xẹt bắt ăn, gà chết xong, đầu thai làm con vua trong xứ ấy. Đến khi lớn lên đi tu đắc thiền định phàm, lúc chết đặng sanh lên cõi trời sắc giới. Sau giáng hạ sanh làm con một ông bá hộ. Chết kiếp ấy thọ sanh làm con heo, đặng thấy Phật liền có tâm hoan hỷ ngưỡng mộ. Khi chết kiếp heo đặng sanh làm con vua. Khi chết kiếp con vua, đi sanh vào xứ VĀSI. Khi chết kiếp ấy đi sanh làm con của người buôn ngựa. Khi chết kiếp con người buôn ngựa sanh làm con người chủ thuyền, chết kiếp con chủ thuyền sanh vào trong xứ

ANURĀDHAPURĪ. Chết kiếp ấy sanh làm con ông SUMANA, tên nàng là SUMANĀ. Nàng SUMANĀ lớn lên làm vợ của một vị đại thần. Hôm nọ đại đức UTTARA (trong DHAMMAPADA số 8 trương 18 hàng chót, lại nói đại đức ATULA), cùng chư Tăng đi khất thực, được thấy nàng SUMANĀ, ngài nói cho chư Tăng nghe rằng: Ủa! Con heo này đã sanh vào trong chỗ này rồi. Nàng SUMANĀ nghe lời của đại đức nói rằng mình là con heo như thế, tâm nàng cảm động vô hạn, cho nên nàng chán ngán muốn xa lìa phạm vi gia đình, bèn xin từ giã chồng, xuất gia vào trong Phật Pháp, làm một vị Tỳ Khưu ni. Sau nhờ nghe pháp Tứ Niệm Xứ đắc Tu Đà Hườn. Kế sau nữa nàng được nghe pháp ĀSĪVI SŪPAMA SUTTA thì dứt sạch phiền não đắc A La Hán. ***

Điều hạnh phúc thứ 27 AHANTĪCA: Sự nhịn nhục ở trong tâm, không rung động, khi gặp các nguyên nhân phát hiện ngay trước mặt, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Sự nhẫn nhục trong tâm bằng cách nào? ĐÁP: Phải nín nhịn đừng cho tâm tham lam, sân hận, si mê, và chớ cho tâm nhiễu hại, gây thù kết oán cùng kẻ khác hay vật khác. Phải dùng tâm xả nghĩa là tâm trung lập, gọi là nhẫn nhục. VẤN: Sự nóng nảy phát sanh do cái chi? ĐÁP: Phát sanh do hai cảnh tượng: 1) IṬṬHĀ RAMMAṆA: Do trần cảnh thích hợp, là cảnh tượng mà tâm mong mỏi thích hạp. 2) ANIṬṬHĀRAMMAṆA: Do trần cảnh bất hợp, là cảnh tượng mà tâm không mong mỏi thích hạp. VẤN: Sự sân hận phát sanh

do mấy nguyên nhân? ĐÁP: Do Phật ngôn có chín cách là: 3 nguyên nhân tự mình phát sanh.

3 nguyên nhân phát sanh do sự thương. 3 nguyên nhân phát sanh do sự ghét. Cả chín điều này gọi là ĀGHĀTAKAVATTHU. Do theo chú giải thêm một điều AṬṬHĀNA KOPA vào, nên gồm cả là 10 nguyên nhân. Giải rộng 10 sự nóng giận như vầy: 1) Chúng đã nhiễu hại ta, trong thời gian qua. 2) Chúng đã nhiễu hại ta, ngay bây giờ. 3) Chúng đã nhiễu hại ta, trong thời gian sắp tới. 4) Chúng đã nhiễu hại những vật đáng yêu của ta, trong thời gian qua. 5) Chúng đang nhiễu hại những vật đáng yêu của ta, ngay bây giờ. 6) Chúng sẽ nhiễu hại những vật đáng yêu của ta, trong thời gian sắp tới. 7) Chúng đã làm (lợi ích) đến cho những vật mà ta không ưa trong thời gian qua. 8) Chúng đang làm (lợi ích) đến cho những vật mà ta không ưa ngay bây giờ. 9) Chúng sẽ làm (lợi ích) đến cho những vật mà ta không ưa, trong thời gian sắp tới. 10) AṬṬHĀNAKOPA: Giận những vật không đáng giận, như là giận đất, nước, gió, lửa, mưa, nắng, lạnh, nóng, năm, tháng, ngày, mặt trời, mặt trăng v.v.... Lại nữa, cái tướng của sự nóng giận có 3: 1) PADUSSATI DOSO: Tâm tính nhiễu hại chúng sanh và vật, do sự sân hận. 2) PAHĀRATI DOSO: Tâm tính nhiễu hại chúng sanh và vật, bằng lối đánh đập hay là chém giết v.v. do sự sân hận.

3) VERĀNUVERAVASENA DOSO: Tâm sân hận rồi lại thêm có sự hiếp hại và cưu thù kết oán với chúng sanh và vật kế tiếp. Sự nóng có 2: 1) Nhiễu hại mình. 2) Nhiễu hại người. Ví dụ như lửa cháy chỗ này, rồi cháy lan tới chỗ khác. VẤN: Sự sân hận có nhiều chi tiết quá lấy chi để khử trừ? ĐÁP: Cần phải dùng nước nhẫn nhục là nín nhịn, đè nén tâm mà dập tắt nó. Cũng như có một vị đạo sĩ tên KHANTĪVĀDĪ. Nghe rằng: Đức Thế Tôn ta trong đời quá khứ, ngài đi tu làm đạo sĩ, ở trong rừng tuyết lãnh, ngài tham thiền đắc rồi mới bay về ở trong vườn thượng uyển của Vua BĀRĀNĀSI. Một hôm, đức vua ngự đến vườn dạo chơi, thấy đạo sĩ bèn phán hỏi rằng: “Ngài đạo sĩ, vậy chớ ngài dùng pháp chi để đặng tự mình thống trị lấy mình?” - Tâu đại vương bần đạo dùng pháp nhẫn. VẤN: Pháp nhẫn là thế nào? ĐÁP: Nhẫn là dằn lòng không giận hờn kẻ nào nhiễu hại đến mình. Vua nghe qua bèn phân bảo quân lính hãy hủy hại ông đạo sĩ, rồi hỏi pháp nhẫn thử xem nào! Quân đều vâng mệnh hủy hại vị đạo sĩ, để kiếm hỏi pháp nhẫn. Vị đạo sĩ cũng đáp như trước rằng: “Sự nhẫn là dằn lòng không giận hờn ai.” Vua bảo cắt tay cắt chơn và hớt mũi, rồi hỏi pháp nhẫn. Đạo sĩ vẫn trả lời như trước rằng: Pháp nhẫn nhục không ở nơi tay chơn và lỗ mũi đâu, nghĩa là ở trong tâm của bần đạo kia chớ. Vua nghe xong càng thạnh nộ, mới đưa chân đạp ngay vào ngực, làm cho vị đạo sĩ té nhào xuống đất. Khi

vua BĀRĀṆASĪ đạp vị đạo sĩ là Đức Bồ Tát nhào lăn ra tới cửa vườn hoa, thì ngay lúc ấy quả đất bể hai mà rút nguyên hình đức vua, đọa vào vô gián địa ngục. Riêng phần đức Bồ Tát thọ khổ rất đau đớn, bèn chết và sanh về cõi trời sắc giới hưởng quả báo của thiền định.

***

Điều hạnh phúc thứ 28 SOVACASSATĀ: Nết hạnh người dễ dạy, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Sự hành động làm cho trở nên người có nết hạnh dễ dạy, cần phải làm bằng cách nào? ĐÁP: Ta phải hành động cho thành ra người không ngã mạn, tà kiến, cố chấp MĀNADIṬṬHIUPĀDĀNA. Cần phải có tâm hoan lạc, đặng lãnh lấy lời giáo huấn chơn chánh của các bậc Thiện Tri Thức và phải có trí đặng quan sát về nhân, quả và không si mê bởi vô minh. Thọ nhận các điều giáo huấn bằng sự cung kính. Cũng như sự tích năm trăm người lái buôn, khi đi ra giữa biển bị chìm thuyền, cả thảy rủ nhau lội bơi vào nương ở đảo Lăn Ca. Thuở đó có hạng Dạ Xoa nữ, đi kiếm đàn ông đặng gạt bắt về làm chồng. Do các phương pháp của sự khôn lanh đủ cách thức, mấy nàng Dạ Xoa ấy gạt người nam về làm chồng rất nhiều. Đến khi nào gạt đặng người mới thì bắt người chồng cũ mà ăn cho hết. Sự hành động của Dạ Xoa nữ hằng làm như vậy thời gian khá lâu. Một ngày nọ gặp 500 người lái buôn thất lạc vào ở đảo Lăn Ca ấy. Các Dạ Xoa mới gạt rằng: “Chúng tôi cũng đi buôn biển bị chìm thuyền, chồng chết cả. Còn chị em chúng tôi sống sót ở lại đây đã 3 năm chịu sự góa bụa. Vậy thôi xin mời mấy anh em vào đây ở chung với chúng tôi. Cả thảy 500 người lái buôn nghe nói như thế rất lấy làm đẹp dạ, mới dẫn nhau vào ở chung với Dạ

Xoa. Một ít lâu người lớn hơn hết, hiểu trạng thái lạ thường không tiện, mới bàn tính cùng cả thảy người buôn biển rằng: “Này các anh em! Chúng mình ở đây thấy có sự bất tiện, ắt có tai hại đến chúng ta chẳng sai”. Nói xong những người có tánh nết dễ dạy đều nghe lời người lớn, được 250 người dẫn nhau đi cho khỏi chỗ tai nạn ấy. Còn 250 người kia vì cứng rắn tối mê khó dạy, không chịu nghe lời theo, ở lại chỗ tại hại ấy nên sau bị hại. Tích này còn nhiều lắm xin vắn tắt bấy nhiêu để nhận thấy rằng 250 người có tánh nết dễ dạy đều khỏi bị chết. Còn số người khó dạy kia, phải làm vật thực cho nữ Dạ Xoa.

***

Điều hạnh phúc thứ 29 SAMANĀ NAÑCADASSANAṂ: Nết hạnh thấy các bậc Sa Môn là bậc có lục căn thanh tịnh, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Sự gặp hoặc là thầy các bậc Sa Môn bằng cách nào? ĐÁP: Sự thấy có 2: 1) Thấy bằng cặp mắt thịt. 2) Thấy bằng tuệ nhãn là thấy sự thật hành như là giới, định, huệ, và gìn giữ theo giới luật, hay hiểu ý nghĩa theo pháp học, hoặc là hiểu rằng các ngài đắc đạo quả cao thượng diệt sạch phiền não ở trong tâm. Nết hạnh thấy các bậc sa môn có đức hạnh, bằng con mắt trí tuệ ấy, hằng được kết thiện duyên về đạo quả Niết Bàn. Như có sự tích truyền rằng: “Một hôm đức Phật ngự tại INDASĀLĀGUHĀ. Có một con chim ục đậu gần nơi ấy, chim ục có lòng ngưỡng mộ Đức Phật, nên khi đức Phật đi trì bình khất thực, thì chim ục

ấy cứ đưa Phật tới nửa đường. Một bữa nọ, Đức Thế Tôn ngự ở trong SĀLĀ cùng chư Tỳ Khưu Tăng, vào buổi xế chiều, con chim ục từ núi bay hạ xuống đậu xếp hai cánh lại hướng ngay về phía Đức Thế Tôn mà gục đầu xuống đảnh lễ đức Phật, bằng một cách cung kính. Đức Phật trực thấy như thế, ngài bèn tỏ dấu mỉm cười rõ rệt, từ nơi kim khẩu. Đức ANANDA thấy kim khẩu của Phật mỉm cười, liền bạch hỏi cho rõ duyên cớ ra sao? Đức Thế Tôn tiên tri rằng chim ục này có tâm trong sạch kính cẩn mình là kẻ có giới đức, bằng cách cung kính ấy, đến khi tan rã ngũ uẩn, sẽ được sanh lên nhàn cảnh,

là cõi người và trời, hết một ức kiếp, rồi đắc thành một vị Phật Độc Giác có danh hiệu là SOMANASSA, do quả báo đặng thấy các bậc thánh nhơn và có tâm trong sạch ngưỡng mộ, thật hành cái hạnh cung kính bằng một cách chơn thành.

***

Điều hạnh phúc thứ 30 KĀLENADHAMMASĀKACCHA: Nết hạnh biện luận về Phật pháp hợp theo thời buổi, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Sự biện luận về Phật Pháp hợp theo thì giờ bằng cách nào? ĐÁP: Phải biện luận về phương pháp tu hành, là nói về chương trình hành đạo như là: bố thí, trì giới, tham thiền là pháp giữ gìn răn trị thân khẩu, và ý cho thanh tịnh, không nên nói lời trái nghịch chơn lý (TIRACCHĀNA KATHĀ) trong những ngày quan trai giới, vì nói những lời trái nghịch chơn lý, nó sẽ là vật bất tịnh của quan trai giới. Lại nữa, hàng thức giả nhứt là bậc xuất gia đắc đạo rồi mỗi khi vào nơi hội hợp, các ngài hằng biện luận kinh luật, cùng sự thật hành trong đạo Phật, mà các hàng thức giả có

nhiều trí tuệ sẽ giải thích phân minh, dứt hẳn sự hoài nghi cho, cũng như hai Đại Đức Xá Lợi Phất và Mục kiền Liên, là hai vị thượng túc đệ tử của Phật. Khi hai ngài hội họp thì ngài Mục Kiền Liên hỏi qua Đức Mục Kiền Liên, bằng những sự thọ khổ, vui, của chúng sanh ở quốc độ, v.v.... Lại nữa, sự biện luận về Phật, Pháp hằng dứt trừ sự hoài nghi, cho phát minh trí tuệ đắc thành đạo quả. Cũng như một sự tích của người Bà La Môn có sự nghi ngờ hỏi rằng: “Những người không được bố thí, trì giới, tham thiền gì cả, chỉ có tâm trong sạch ngưỡng mộ ngay đến Đức Bổn Sư Thích Ca, khi chết có được sanh về cõi trời hay không?” Phật thuyết rằng: “Này ông Bà La Môn, chúng sanh chỉ có tâm trong sạch ngưỡng mộ ngay đến Như Lai, khi chết cũng được sanh lên cõi trời, như con của nhà ngươi chỉ có tâm ngưỡng mộ đến hào quang của Như Lai, khi mạng chúng được sanh lên cõi trời Đao Lợi, cung điện bằng vàng, bề cao tới 30 do tuần, có một ngàn thiên nữ tùy tùng. Khi Đức Thượng Sư xuất thế gian, thuyết đến đây ngài bèn chú nguyện cho vị trời ấy ngự xuống luôn với cung điện tùy tùng vào hầu đức Bổn Sư, khi đảnh lễ Đức Thế Tôn xong, ngài phán hỏi : “Này Thiên Tử, đời trước ngươi làm phước chi vậy? Mà được bửu điện và thiên nữ tốt đẹp như thế?” Vị thiên thần hiến lễ và bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn là bậc tối thượng! Đệ tử chỉ có tâm trong sạch ngưỡng mộ ngay đến hào quang chói sáng của ngài thôi. Đến khi tan rã ngũ uẩn, được sanh lên cõi trời Đao Lợi, hưởng quả báo tròn đủ như vầy!” Nói đoạn Đức Sư Tử Tượng Vương thuyết pháp độ cho ông Bà La Môn và vị Thiên Tử. Sau khi dứt thời pháp cả hai đều đắc quả luôn. Tứ chúng tụ hội tại đó cũng đắc đạo quả rất đông.

***

Điều hạnh phúc thứ 31 TAPOCA: Tư cách của người có sự cố gắng thiêu hủy phiền não ở trong tâm, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Sự thiêu hủy phiền não phải làm sao? ĐÁP: Cần làm các việc lành, như bố thí, trì giới, niệm Phật, tham thiền, văn kinh, thính pháp và cúng dường Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, hay là xuất gia làm thầy Tỳ Khưu, Sa Di trong Phật giáo. Tất cả các pháp này gọi là pháp thiêu hủy (TAPA) nghĩa là pháp làm cho tất cả phiền não phải bị thiêu hủy đi. VẤN: Phiền não là cái gì? ĐÁP: RAGA:

Tâm quyến luyến ưa thích say đắm trong ngũ trần, là sắc tốt, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc chạm êm dịu. DOSA: Sự sân hận, hiếp đáp hủy hoại các chúng sanh và vật khác. MOHA: Sự lầm lạc trong các trần cảnh, nhứt là sắc trần. Lại nữa, sự cố gắng đoạn tuyệt điều ác bằng hai cách như vầy: 1) Sự tinh tấn đoạn tuyệt điều ác chưa sanh, là nói về sự thu thúc gom thâu hay đóng nhặt lục căn, nghĩa là thu thúc mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. 2) Cố gắng đoạt tuyệt điều ác đã phát sanh, bằng pháp ghê sợ và hổ thẹn (HIRIOTAPA), là có sự ghê sợ tội lỗi và hổ thẹn hay nhờm gớm tội lỗi, do dùng phương pháp của trí tuệ sẵn dành ở trong tâm, nghĩa là nhờ pháp chỉ tịnh và quán minh SAMATHA VIPASSANĀ. Giải rằng: một khi thiếu pháp ghê sợ và hổ thẹn rồi, thì sự thu thúc lục căn cũng không, pháp thu thúc lục căn không, thì giới cũng chẳng có. Mà hễ giới không có rồi, thì dứt thiện duyên xa lìa

Phật Giáo. Vả lại giới không, thì chẳng sanh định, định không có thì chẳng sanh trí tuệ quán minh. Pháp trí tuệ quán minh không có, phải dứt hẳn thiện duyên, xa lìa đạo quả và Niết Bàn. Lại nữa, tinh tấn trong thiện pháp có 2: 1) Tinh tấn làm cho điều lành nào chưa có, được phát sanh lên. 2) Tinh tấn làm cho các thiện pháp đã có, hằng sanh trưởng, tiến triển nhiều lên. Cũng như sự tích người Bà la Môn, xem thấy chư Tỳ Khưu đứng đắp y. Những chéo y bị lắm ướt, do nước mù sương trên đầu ngọn cỏ. Ông Bà La Môn liền lấy cuốc dẫy xớt sạch hết cỏ, qua sáng mai ông ta lại thấy chu Tỳ Khưu, đứng đắp y và chéo y bị dính bụi. Ông Bà La Môn liền chở cát đến rải khắp cho bằng thẳng. Một hôm thấy chư Tỳ Khưu thọ thực giữa trời nắng, ông ta bèn làm một cái trại lợp bằng cỏ. Ít lâu gặp mưa dột ướt cả y phục chư Tỳ Khưu. Ông Bà La Môn thấy vậy, liền kiếm cây gỗ đến cất một cái phước xá, do đức tin của ông ta đã dồi dào thêm. Khi làm xong khánh thành phước xá, lại thỉnh đức Phật và chư Tăng đến thọ thí, rồi ông Bà La Môn đem hết tự sự bạch với Phật, khi nói đoạn; đức Phật ban thêm sự tinh tấn ấy làm cho càng tiến triển thêm và ngài thuyết pháp cho ông tăng phần tín ngưỡng. Sau khi dứt thời pháp, ông Bà La Môn đắc quả Tu Đà Hườn, do các quả lành của ông đã sẵn dành trong những kiếp trước, và sự lành ở kiếp này bảo trợ. Chúng ta cũng nên tạo trữ phước thiện, cho thêm phần tiến triển đi, ấy là thiện duyên qua những kiếp sau. ***

Điều hạnh phúc thứ 32 PRAHMACARIYĀCA: Nết hạnh hành theo pháp cao thượng đặng điều trị thân, tâm, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Pháp cao thượng có mấy? ĐÁP: Có 2 pháp: 1) SĀSANA BRAHMA CARIYA: Tôn giáo phạm hạnh. 2) MAGGA BRAHMA CARIYA: Đạo phạm hạnh. - SĀSANA PRAHMACARIYA: Tôn giáo phạm hạnh là nói về sự thật hành theo giới, định, huệ. Giải về tiếng PRAHMACARIYA như vầy: phạm hạnh là sự thật hành pháp cao thượng, nghĩa là không dâm dục, như chư Tỳ Khưu, Sa Di là kẻ xuất gia và các thiện tín giữ bát quan trai giới, theo ngày đã định, làm được như thế, gọi là giữ phạm hạnh. VẤN: Bát quan trai giới có mấy? ĐÁP: Có 2 cách: 1) PAKATIUPOSATHA: Thọ bát quan trai theo lệ thường, mỗi tháng 8 ngày là 5-8- 14- 15- 20- 23- 2930; tháng thiếu thì 28- 29 trong mỗi tháng. 2) PAṬIJĀGARA UPOSATHA: Quan trai giới rước và đưa, có mười một ngày; 4- 6- 7- 9- 13- 16- 1921- 22- 24-28 tháng thiếu thì 27 trong mỗi tháng. Lại còn một cách nữa (PAṬIHĀRIYA PAKKHAUPOSATHA) là thọ trì từ ngày mười sáu tháng sáu luôn đến rằm tháng mười hoặc là thọ trì từ ngày mười sáu tháng chín luôn đến rằm tháng mười. Hay là thọ trì từ ngày mười sáu tháng chín

đến cuối tháng mười. Những cách thọ trì quan trai giới như trên đây, đều được gọi là phạm hạnh cả, bởi vì nguyện thọ trì cả tám giới như là: Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự giết thác loài sanh mạng, và không trộm cắp, không dâm dục

v.v..., vả lại, giữ giới không dâm dục, cũng đặng gọi là hành phạm hạnh vậy. - MAGGA PRAHMACARIYA: Đạo phạm hạnh là đạo quả cao thượng. VẤN: Quan trai giới kết quả thế nào? ĐÁP: Được quả diệt trừ phiền não, làm cho tham, sân, si, nhẹ nhàng, mỏng manh yếu ốm bớt, đặng tránh thoát không còn ngủ ngầm trong tâm và được quả sanh về nhàn cảnh là cõi trời. Như sự tích nói rằng: "Có một người làm công của ông bá hộ Cấp Cô Độc, được thọ trì quan trai giới chỉ có nửa ngày, tới khi rã tan ngũ uẩn cũng đặng sanh làm một vị Thiên Thần ở trên ngọn cây gừa mọc gần đường đi. Khi ấy, có các thầy đạo sĩ, từ núi Tuyết Lãnh đi lại, vào nghỉ mát dưới bóng cây gừa ấy, mới nói rằng: Cây gừa này đẹp quá, chắc có chư Thiên ở trên ấy chẳng sai. Phải chi có chư Thiên thật xin hoan hỷ đổ nước xuống cho bần đạo uống với. Vị Thiên Thần nghe xong có tâm hoan hỷ, chú nguyên cái quả phước bát quan trai giới ấy, làm cho nước rơi xuống. Chư đạo sĩ lại ước muốn được vật thực thì Thiên Thần đều biến cho. Chư đạo sĩ mong được y phục, vị Thiên Thần đều biến cho cả. Chư đạo sĩ ước đặng thấy vị Thiên Thần thì ngài cũng hiện cho thấy, sắc thân quá xinh đẹp. Tích này còn dài song vắng tắt bấy nhiêu đó, cho thấy quả của bát quan trai giới. Cho nên chúng ta sanh làm người, có đủ duyên lành gặp Phật Pháp như vậy, ta nên tin tưởng mà ráng giữ giới bát quan trai, dầu một ngày, một đêm cũng tốt, không hoài công đâu. Một khi sanh ra gặp Phật thì ta chắc hẳn có duyên lành, đắc đạo quả giải thoát nhập Niết Bàn. ***

Điều hạnh phúc thứ 33 ARIYASACCĀNADASSANAṂ: Tư cách thấy các pháp diệu đế, là chơn lý chắc thiệt, bằng trí tuệ, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Pháp diệu đế là chơn lý có mấy? Những gì? ĐÁP: Có bốn: khổ diệu đế, tập diệu đế, diệt diệu đế, đạo diệu đế. Khổ diệu đế như là: sanh, già, đau, chết, và khổ về sự thọ khổ buồn, rầu, than, tiếc, uất ức, bực tức trong thâm tâm. Sự mong cầu không đặng cũng khổ, mong cầu được như ý muốn, rồi tiêu hoại mất đi, do một lẽ nào đó cũng là khổ. Sự gặp gỡ chúng sanh và vật mà ta không vừa lòng cũng khổ. Sự chia lìa nhơn vật thương yêu của ta cũng là khổ. Tóm tắt lại như vầy: SAṂKHITTENA PAÑCUPĀDĀNAK KHANDHĀ PIDUKKHĀ nghĩa là: nếu nói bằng cách vắn tắt, chỉ ngay về năm pháp chấp thủ là: chấp thủ về sắc, chấp thủ về thọ, tưởng, hành, thức. Cả năm pháp này là khổ đế. Tập đế là nói về nguyên nhân hay là mẹ đẻ của sự khổ, nghĩa là lòng ái dục, có ba điều như vầy: 1) KĀMATAṆHĀ: Tâm ái dục ưa thích miệt mài khao khát, trằn trọc, thèm thuồng các sắc tốt, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, nơi xúc chạm êm dịu và pháp trần là những trạng thái đáng ưa, do thọ, tưởng và hành, chất chứa vào ở trong tâm, sẵn chờ dịp có tà tư duy mở đường thì tâm tiện bề ưa muốn. 2) BHAVATAṆHĀ: Sự ưa muốn miệt mài trong chỗ sanh (hữu). 3) VIBHAVATAṆHĀ: Sự ưa muốn miệt mài trong cõi không cho sanh (vô hữu). Ái dục bên trong có 6 là: nhãn, nhỉ, tỷ, thiệt, thân, ý. Bên ngoài có 6 là: Sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp, cộng là

12 rồi nhơn với quá khứ, hiện tại, vị lai thành 36, rồi nhơn với cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, thành 108 cái tâm ái dục.

Diệt diệu đế, là sự vụt tắt lửa khổ và lửa phiền não, nghĩa là diệt trừ tâm ái dục cho sạch, bằng cái dao bén là
SACCHITABBADHARMA, nghĩa là: Sự giải thoát do quả A
La Hán, đặng cắt đứt ái dục cho rời ra khỏi, không cho sanh trưởng vào trong tâm.
Đạo diệu đế là nói về tám con đường giữa, cũng gọi tám phương pháp đúng:
1) SAMMĀDITTHI: Thấy đúng đắn có 4 cách:
- Thấy sự khổ.
- Thấy ái dục là nơi sanh khổ (tập).
- Thấy chỗ dứt khổ (Niết Bàn).
- Thấy con đường hay là lối hành trình đi đến chỗ diệt khổ (Đạo)
2) SAMMĀSAṄKAPPA: Suy xét đúng đắn, có 3
cách:
- Suy nghĩ lánh xa ngũ dục, sắc trần, thinh trần, v.v....
- Suy nghĩ không hủy hoại chúng sanh và vật.
- Suy nghĩ không lấn hiếp chúng sanh khác.
3) SAMMAVACA: Nói lời đúng đắn có 4:
- Không nói dối.
- Không nói lời đâm thọc đặng chia rẽ.
- Không nói lời độc ác, như chửi rủa, mắng nhiếc v.v....
- Không nói lời vô ích sang đàng.
4) SAMMĀKAMMANTĀ: Việc làm đúng đắn, có 3:
- Không sát sanh làm cho mất mạng sống của chúng sanh.
- Không trộm cắp của kẻ khác.
- Không tà dâm với phụ nữ mà có người chăn giữ.
5) SAMMĀĀJĪVA: Nuôi mạng đúng đắn có 5:
- Không bán người.
- Không bán thú còn sống cho họ sát. - Không bán khí cụ giết người và thú. - Không bán rượu và các chất say. - Không bán thuốc độc. 6) SAMMĀVĀYĀMA: Tinh tấn đúng đắn có 4: - Phòng thủ các tội lỗi chưa có, đừng cho phát sanh vào trong tâm. - Tội ác đã phát sanh cố gắng dứt cho sạch. - Các phước thiện chưa có, cố gắng làm cho phát sanh lên. - Các phước thiện đã phát sanh, cố gắng làm cho tiến triển thêm. 7) SAMMĀSATI: Ghi nhớ đúng đắn có 4: - Ghi nhớ về thân cả bên trong và bên ngoài. - Ghi nhớ về thọ cả bên trong và bên ngoài. - Ghi nhớ về tâm cả bên trong và bên ngoài. - Ghi nhớ về pháp cả bên trong và bên ngoài. 8) SAMMĀSAMĀDHI: Định tâm đúng đắn, hiệp theo chỉ tịnh thiền (SAMATHA JHĀNA), có 5 chi: - VITAKKA: Tâm tầm là đưa tâm lên nắm đề mục, hay nắm bắt đề mục. - VICĀRA: Tâm quan sát là sự nhận xét đề mục. - PĪTI: Tâm phỉ lạc là sự no nê thỏa mãn thân tâm. - SUAHA: Tâm an lạc là sự yên vui của thân tâm. - EKAGGATĀ: Tâm định là sự an trụ nơi nhứt cảnh. Cả 8 pháp thành đạo này, hiệp theo 3 pháp là: giới, định, huệ. VẤN: thấy tứ diệu đế rồi trở thành ra thế nào? ĐÁP: Người thấy tứ diệu đế rồi thì được giác ngộ đạo quả, như chàng thiện nam tử tên YASA ở trong xứ

BĀRĀNASĪ, không ưa thích dục trần, mới chạy đến chỗ Phật ngự tại vườn Lộc Dã (ISĪPATTANA MAGGADĀYAVNA). Khi ấy, Đức Phật thuyết pháp tế độ cho chàng YASA dùng trí

tuệ mà quan sát về tứ diệu đế, thấy rõ liền đắc Tu Đà Hườn quả. Sáng mai lại người cha đến kiếm, đức Phật cũng thuyết pháp cho nghe, song ngài dùng thần thông nghe không cho thấy nhau. Chàng YASA khi ngồi nghe pháp rồi, quán thấy rõ tứ diệu đế, đặng đắc quả A La Hán, như đã giải đáp đây.

***

Điều hạnh phúc thứ 34 NICCĀNA SACCHI AIRIYĀCA: Sự làm cho thấy rõ Niết Bàn do trí tuệ, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Làm cho thấy rõ Niết Bàn do trí tuệ ấy bằng cách nào? ĐÁP: Cần phải hành theo 8 nẻo chánh gồm có giới, định và huệ, cho tròn đủ mới thấy rõ Niết Bàn được. VẤN: Ý nói trí tuệ thế nào? ĐÁP: Ý nói về mười pháp minh sát tuệ (VIPASSANĀ) là: 1) SAMASANAÑĀṆA: Trí tuệ quán sát trong năm uẩn cho thấy rõ là vô thường, khổ não, vô ngã. 2) UDAYABAYAÑĀṆA: Trí tuệ quán sát cho thấy chỗ sanh diệt của năm uẩn. 3) BHANGAÑĀṆA: Trí tuệ quán thấy sự rã tan của năm uẩn như bọt nước. 4) BHAYATŪPAṬṬHĀNAÑĀNA: Trí tuệ quán sát thấy năm uẩn là vật đáng sợ như đống lửa. 5) ĀDĪNAVAÑĀṆA: Trí tuệ quán sát thấy tội của năm uẩn, hằng chịu sự đau ốm đàn áp mãi. 6) NIBBIDĀÑĀṆA: Trí tuệ quán sát thấy tội của năm uẩn, rồi đâm ra chán ngán năm uẩn ấy.

7) MUÑCICITUKĀMAYATĀÑĀṆA: Trí tuệ quán sát tìm phương pháp đặng thoát ly năm uẩn cũng như cá ở trong lưới. 8) SAMKHĀRŪPEKAHĀÑĀṆA: Trí tuệ quán sát cho tròn đủ thêm trong năm uẩn, theo phương pháp vô ký hay tâm xả đặng làm cho tâm trung lập không thương, không ghét đối với năm uẩn. 9) ANULOMAÑĀṆA: Trí tuệ quán sát thấy tứ diệu đế và cả năm uẩn xuôi ngược mãi đặng diệt trừ vô minh. 10) GOTRABHŪÑĀNA: Trí tuệ quán sát đưa tâm lên nắm thánh đạo, tùy theo dấu vết hay mãnh lực của pháp Ba La Mật mà mình đã tạo trữ. Cả 10 pháp nầy là lối làm cho thấu rõ Niết Bàn. VẤN: Niết Bàn có mấy? ĐÁP: Có hai: 1) SAUPĀDISESANIBBĀNA: Diệt những DHAMMADHĀTU là các pháp thế gian, nghĩa là sự ưa, sự ghét hay là sự vừa lòng đẹp ý, và sự không vừa lòng đẹp ý, cho tiệt tận, trái lại cho trở thành ra tâm xả gồm có sáu chi (CHALAṄGU PEKKHĀ). Và trí tuệ làm cho mình khắng vào trong pháp, không cho động theo tám pháp thế gian tức là bậc đắc A La Hán. 2) ANUPĀDISESANIBBĀNA: Diệt tận phiền não và sự khổ, nghĩa là ngọn lửa khổ và lửa phiền não thôi cháy, khỏi bị lửa đốt nữa. Lại nữa, đức Phật thuyết như vầy: AṬṬHI BHIKKHAVETADĀYATANAṂ: Nầy các Tỳ Khưu, hễ lục căn còn là pháp tạo tác, (SAṂKHATA DHĀTU bản chất tạo tác) và còn DHĀTUAYĀTANA danh pháp, sắc pháp, trong nơi nào, mà

cho rằng đây là đất, nước, gió, lửa, thứ tánh, bay bổng lên hư không chăng nữa, cũng chẳng phải (Niết Bàn). Chỉ có sự diệt khổ và diệt nguyên nhân của khổ, ấy mới gọi là Niết Bàn.

***

Điều hạnh phúc thứ 35 PHUTTHASSALOKADHAMMEPI CITTAṂY ASSANAKAMPATTI: Tư cách không xao động theo các pháp thế gian, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Pháp thế gian cả thảy có mấy? ĐÁP: Có 8 pháp là: 1) Được lợi 2) Mất lợi 3) Được danh dự 4) Mất danh dự 5) Được khen ngợi 6) Bị chê bai 7) Được sự vui 8) Bị sự khổ Cả 8 pháp nầy gọi là thế gian pháp, là pháp hằng ở dưới quyền của sự sanh diệt, bởi các pháp ấy hằng làm cho tâm của phàm nhơn xao động không ở yên. Lại nữa, bậc A La Hán dứt phiền não lìa khỏi tâm và diệt tận cả 7 pháp DHAMMADHĀTU, cho xa lìa sự ưa thích và sự bất bình, đặng trở thành tâm xả gồm có sáu chi (CHAHAṄGUPEKKHĀ), và trí tuệ làm cho tâm mình khắng khít vào trong pháp, không lay động theo tám pháp thế gian. Vả lại, những chúng sanh phàm cần phải dung trí tuệ quán sát về tám pháp ấy, là vật không bền vững lâu dài (vô thường), hằng đem lại sự đau khổ (khổ não), và hằng chịu sự biến chuyển luôn khi (vô ngã).

Khi nào hành giả hằng dùng trí tuệ quán sát như vậy rồi, thì sự thích hợp và bất bình, buồn rầu, than tiếc sẽ nhẹ lần, mỏng lần và xa lìa khỏi tâm, do mãnh lực của trí tuệ quán sát thấy rõ pháp hữu vi, bèn dứt bỏ sự cố chấp (UPĀDĀNA) ra. Nghĩa là phàm nhơn được lợi, danh, và sự khen, sự vui, hay là thất lợi, danh, và bị chê, bị khổ, thì cố chấp cho đó là của ta, nó bền vững lâu dài lắm và không biến chuyển, ấy là do sự mê chấp vậy. Song đến khi mất lợi, mất danh v.v... thì chịu sự than khóc buồn lo về sau, bởi trạng thái vô minh xem không thấy hạn lượng của pháp hữu vi. Riêng thánh nhơn thì không bị tám điều ấy. Như sự tích ngài ANURUDHA (A Nậu Lâu Đà). KIRA: Được nghe như vầy, khi ấy đức ANURUDHA đắc A La Hán, tận diệt phiền não ra khỏi tâm, ngài đi về thành Xá Vệ lớn theo con đường xa, lúc đi được nửa đường thì trời gần tối, ngài Đại Đức vào tạm trú trong nhà tá túc ở đàng trước nhà của người đàn bà góa SA DIOVĀ: Nàng góa phụ ấy xem thấy Đại Đức ANURUDHA sắc thân xinh đẹp, thì có sự vừa lòng, muốn được làm chồng, nên đi ra thỉnh ngài ANURUDHA vào an nghỉ trong phòng khách là nơi an vui. Trong khi Đại Đức ANURUDHA vào phòng không lâu, thì nàng góa phụ lại đến, nói lời dụ dỗ đức ANURUDHA bằng lời đáng yêu mến, từ khi đầu hôm cho đến gần sáng, tâm của Đại Đức ANURUDHA không hề lay động theo 8 pháp thế gian, nàng góa phụ có sự hỗ thẹn, nâng 2 tay lên xá và xin sám hối tội lỗi. Đại Đức ANURUDHA xá tội cho nàng ấy rồi rời ngay khi đó. Tôi dẫn sự tích nầy lại, để cho thấy rõ rằng: Bậc Thánh nhân ngài hiểu rõ mọi pháp hữu vi ngài không bị lay động về tám pháp thế gian, như đã giảng giải đây. ***

Điều hạnh phúc thứ 36

ASOKAṂ: Sự không khóc than tiếc, do những nguyên nhân phát sanh, gọi là hạnh phúc cao thượng.

VẤN: Sự khóc lóc than tiếc phát sanh do những nguyên nhân gì?

ĐÁP: Sự khóc lóc than tiếc phát sanh, bởi nhân trằn trọc của sự thương mến, miệt mài, đắm đuối trong dục trần, nhứt là sắc dục.

VẤN: Muốn diệt sự than tiếc cần phải diệt bằng pháp gì?

ĐÁP: Diệt bằng hai cách là: Chỉ tịnh thiền và quán minh thiền hay là minh sát tuệ. SAMATHA

KAMMAṬṬHĀNA VĀ VIPASSANĀ KAMMAṬṬHĀNA.
VẤN: Pháp chỉ tịnh có mấy?
ĐÁP: Có bốn chục đề mục chỉ tịnh là:
Mười đề mục thường niệm (ANUSSATI)
Mười đề mục bất tịnh (quán) (ASUBHA)
Mười đề mục KASIṆA
Bốn đề vô sắc (ARŪPAJHĀNA)
Bốn đề vô lượng tâm PRAHMAVIHĀRA
Một đề thiệt nhận về tứ đại DHĀTUVAVAT THĀNA.
Một đề quán vật thực đáng nhờm gớm ĀHĀRE
PATIKŪLA.
Mười đề thường niệm là:
1) BUDDHĀNUSSATI: Niệm Phật
2) DHAMMĀNUSSATI: Niệm Pháp
3) SAṄGHĀNUSSATI: Niệm Tăng
4) SILĀNUSSATI: Niệm giới
5) CĀGĀNUSSTI: Niệm sự bố thí mà ta đã làm rồi.
6) DEVATĀNUSSATI: Niệm Pháp của chư Thiên đã tu.
7) UPASAMĀNUSSATI: Niệm Niết Bàn.
8) MARAṆĀNUSSATI: Niệm sự chết.
9) ĀNĀPĀNUSSATI: Niệm hơi thở (sổ tức quán)
10) KĀYA GATĀSATI: Niệm 32 thể trược của than đáng ghê gớm.
Mười đề bất tịnh quán là:
1) UDDAMĀTUKAṂ: Tử thi sình lên
2) VISULAKAṂ: Tử thi có màu xanh
3) VIPUBBAKAṂ: Tử thi có mủ máu chảy ra.
4) VICCHIDDAKAṂ: Tử thi mà người ta cắt đứt nửa thân.
5) VIKKHĀ YITTAKAṂ: Tử thi mà thú cắn xé ăn.
6) VIKKHITTAHAṂ: Tử thi rời rạc ra ở nhiều chỗ.
7) HATAVIKKHITTAKAṂ: Tử thi mà người ta vằm chặt đứt ra nhiều mảnh lớn nhỏ.
8) LOHITAKAṂ: Tử thi lấm máu.
9) PULUVAKAṂ: Tử thi có dòi bò ra.
10) ATTHIKAṂ: Tử thi chỉ còn xương.
Mười đề mục KASIṆA là:
1) PATHAVĪKASĪṆAṂ: Xem KASIṆA đất làm cảnh giới.
2) ĀPOKASIṆAṂ: Xem KASIṆA nước làm cảnh giới.
3) TEJOKASIṆAṂ: Xem KASIṆA lửa làm cảnh giới.
4) VĀYOKASIṆAṂ: Xem KASIṆA gió làm cảnh giới.
5) NĪLAKASIṆAṂ: Xem KASIṆA sắc xanh làm cảnh giới.

6) PĪTAKASIṆAṂ: Xem KASIṆA sắc vàng làm cảnh giới.

7) LOHITAKASIṆAṂ: Xem KASIṆA sắc đỏ làm cảnh giới.

8) ODĀTAKASIṆAṂ: Xem KASIṆA sắc trắng làm cảnh giới. 9) ALOKAKASIṆAṂ: Xem KASIṆA ánh sáng làm cảnh giới. 10) ĀKĀSAKASIṆAṂ: Xem KASIṆA hư không làm cảnh giới. Bốn đề vô sắc là: 1) ĀKASĀ NAÑCĀ YATANAJHĀNA: Sự tham thiền lấy hư không là chỗ rỗng không làm cảnh giới. 2) VIÑÑĀ NAÑ CĀ YATANA JHĀNA: Sự tham thiền lấy thức làm cảnh giới. 3) ĀKIÑCAÑ ÑĀYATANA JHĀNA: Sự tham thiền không có thức làm cảnh giới. 4) NEVA SAÑÑĀ NĀ SAÑÑĀ YATANA JHĀNA: Sự tham thiền có tưởng và không tưởng làm cảnh giới. Bốn đề vô lượng tâm là: 1) METTĀ CETO: Tâm từ ái rải khắp cho tất cả chúng sanh. 2) KARUṆĀ CETO: Tâm bi mẫn đến tất cả chúng sanh. 3) MUTUTĀ CETO: Tâm hỉ là tâm nhu hòa mềm mại, không sát hại chúng sanh và thấy chúng sanh được lợi lạc, lại tỏ ý vui vẻ, mừng dùm cho. 4) UPEKKHĀ CETO: Tâm xả là tâm trung lập, bình đẳng không thương ghét chúng sanh. Một điều DHĀTUVAVAṬṬHĀNA là: Quán sát thiệt nhận về tứ đại. Một điều ĀHĀRAPATI KŪLA là: Quán tưởng vật thực cho nhận thấy đáng nhờm gớm. Cả 40 đề nầy gọi là đề chỉ tịnh (SAMATHA KAMMAṬṬHANA), là pháp để tẩy trừ những phiền não, bề

trong của chúng sanh cho thanh tịnh và thoát ly các sự lầm than khổ sở, cho trở thành VIKHAṂBHANAPAHĀRA (tiệm trừ). Như sự tích truyền rằng: Thuở nọ đức Thế Tôn đang còn Bồ Tát, sanh làm một ông Bà La Môn, có một bà vợ, một cậu con trai, một cô con gái, một cô dâu, một người tớ gái. Cả thảy là 6 người. Riêng Đức Bồ Tát, ngài hằng giáo huấn, cho cả 5 người ấy, biểu thường niệm sự chết, sẽ đặng hiểu rõ rằng: “Tất cả pháp hữu vi (ngũ uẩn) của chúng sanh, đã sanh ra rồi, sẽ có sự chết là lẽ tự nhiên, không trừ một người nào cả, dầu già trẻ mạnh yếu v.v...; lẽ thường có sanh ra ắt có sự chết, ở chực sẵn nơi cuối cùng giống nhau cả. Chúng ta chẳng nên dể duôi rằng: sự chết chưa đến ta.” Cả năm người đều nghe lời giáo huấn đức Bồ Tát, thường niệm sự chết, không dám dể duôi. Một bữa nọ, Bồ Tát và người con trai đi cầy ruộng. Lúc ban mai, người con trai cầm một con dao phát, đi cắt cỏ, dọn dẹp bờ ruộng đem gom lại để đốt, khói thổi vào lùm cỏ, trong ấy có một con rắn độc. Khi bị khói nó bò ra thấy chàng thanh niên đang đốt cỏ ấy, nó giận quá bèn cắn chàng ấy ngã xuống chết ngay chỗ đó. Khi Bồ Tát thấy con ngã xuống chết như vậy, liền đi đến vác thây ma của con đem để ở dưới bóng cây. Song, ngài không buồn rầu than tiếc, là bởi nhờ quán sát rằng: con của ta chết đây lìa bỏ xác dơ, cũng như loài rắn lột vỏ cây. Theo lẽ thường, loài rắn thay vỏ rồi, nó không quyến luyến hay mến tiếc cái vỏ ấy. Bây giờ con của ta chết đây, cũng như con rắn lột vỏ bỏ đi nơi khác, dầu ta khóc lóc, than tiếc nào có lợi ích gì? Ngài nghĩ như vậy, rồi xuống cày ruộng nữa, bằng một cách thản nhiên. Khi đó có một người đi tới. Bồ Tát kêu mà nhắn như vầy: “Nếu người đi ngang qua nhà tôi, xin cảm

phiền cho người nhà tôi hay, nên ra đây hết cả và chỉ đem một phần ăn thôi, đừng bới hai phần như trước. Người ấy cũng nói giùm y như lời. Người nhà của Bồ Tát được nghe như vậy, đều đi ra ruộng cả. Khi tới thấy chàng thanh niên chết nằm ở dưới cội cây như thế, cả thảy đều quán tưởng sự chết, tùy theo mỗi người mỗi cách khác nhau như vậy. Người mẹ quán tưởng rằng: “Con của ta khi đến đầu thai vào ở trong bụng ta

thì ta cũng không kêu nó đến, khi nó đi cũng không từ giã ta, và ta cũng không cho phép nó đi. Khi nó đến thế nào thì nó đi cũng như thế ấy, ta khóc than làm gì, không lợi ích chi.” Bà mẹ suy nghĩ như thế, rồi thản nhiên không khóc than. Nàng em gái suy nghĩ rằng: “Anh ta chết nếu ta khóc lóc than tiếc, chẳng qua làm cho tiều tụy thân thể, bằng một cách không không vậy thôi. Chứ anh ta cũng chẳng được nghe và biết ta khóc, người em gái suy nghĩ như vậy, nên vẫn thản nhiên không khóc than. Người vợ suy nghĩ rằng: “Nếu ta khóc lóc buồn than chồng chết, thì cũng vô hiệu quả, chẳng nhằm gì. Cũng như trẻ em trong buổi ban đêm bú vú mẹ nó, ngó trật lên trên thấy mặt trăng, dù cho đứa trẻ em kia có khóc đòi đến đâu đi nữa, cũng không ai có tài nào lên lấy mặt trăng cho nó.” Người vợ suy nghĩ như thế, nên không buồn than đối với người chồng đã chết ấy. Nàng tớ gái suy nghĩ rằng: “Con trai chủ ta chết đây, cũng như cái nồi đất bể ra làm bảy mảnh, dù có kẻ khoe tài hay sức giỏi để gắn liền trở lại thì ắt khó liền lại được. Nếu ta khóc than với cái xác chết nầy, thì người ấy cũng chẳng sống lại được.” Nàng tớ gái suy nghĩ như vậy, nên thản nhiên không khóc lóc than tiếc và không quyến luyến đối với người chết ấy.

Cả 5 người dùng sự suy xét chơn chánh ấy, cho nên không rơi một nhểu nước mắt. TASSĀVASENA do mãnh lực của sự thường niệm điều chết ấy, làm cho chỗ ngự của đức vua cõi trời nóng, nên ngài ngồi không yên, bèn dùng thiên nhãn quán thấy rõ nguyên do, mới hiện ra một ông Bà La Môn già, từ cung trời Đao Lợi xuống đi đến chỗ đó. Ngài hỏi rằng: Nầy các người! Con của các người bị rắn cắn chết như vậy, chớ vì lẽ nào mà các người không khóc than buồn rầu?” Đức Bồ Tát đáp như vầy: Nầy ông Bà La Môn! Người nào buồn rầu than tiếc đau khổ, do lòng quyến luyến kẻ đã chết rồi, người ấy là kẻ ngu si tâm còn tối mê lắm, do vô minh che đậy. Người ấy không hiểu sự thắng lợi của pháp, là phương tiện diệt trừ sự khóc than buồn rầu. Bởi sự không đoàn tụ, nghĩa là do sự chia lìa nhơn vật mà mình thương yêu. TAṂSUTVĀ. Đức ngọc hoàng được nghe như vậy, ngài có tâm hân hoan lắm và tán dương một cách nhiệt liệt, lại làm cho mưa sa xuống một đám bằng bảy báu, rớt ngay vào cả nhà đức Bồ Tát, rồi ngài mới ngự trở lên cõi trời Đao Lợi. Những người hằng niệm sự chết, thì tránh khỏi sự than tiếc và được nhiều của cải như vậy đó. ***

Điều hạnh phúc thứ 37 VIRAJJAṂ: Sự thoát ly bụi dơ tức phiền não, gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Cái gì gọi là bụi dơ? ĐÁP: Tham ái, sân hận, si mê, cả 3 ác pháp nầy gọi là bụi dơ, và 7 pháp thùy miên phiền não, cũng là bụi dơ. Bảy pháp thùy miên ấy như vầy:

1) KĀMARĀGĀNUSAYA: Ái dục thùy miên, là sự ưa đắm trong ngũ dục: sắc tốt, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, nơi đụng chạm êm dịu. 2) PHAVARĀGĀNUSAYA: Hữu dục thùy miên, là tâm ưa đắm trong cõi sanh, như là dục giới, sắc giới, vô sắc giới. 3) PAṬIGHĀNUSAYA: Sân hận thùy miên, là sự nóng nảy nhiễu hại chúng sanh và vật. 4) MĀNĀNUSAYA: Ngã mạn thùy miên, là sự cố chấp ngã nhơn, nhứt là dòng dõi cao sang v.v.... 5) DIṬṬHĀNUSAYA: Tà kiến thùy miên, là sự hiểu hoặc thấy theo lối thường kiến, đoạn kiến, nghĩa là hiểu rằng: tất cả chúng sanh thường như vậy không thay đổi, hay thấy chúng sanh chết rồi là mất, không còn tái sanh và thọ quả của sự hành vi thiện,

ác. 6) VICIKICCHĀNUSAYA: Hoài nghi thùy miên, là sự nghi ngờ bất nhất trong những thiện ác pháp. 7) AVIJJĀNUSAYA: Vô minh thùy miên, là tối mê không biết rõ pháp hữu vi, nơi những đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Giải rằng: Vô minh có 8 cách: 1) PUPPANTA KHANDHA AÑĀṆAṂ: Không rõ kiếp trước ta đã sanh làm những gì? 2) PARANTA KHANDHA AÑĀṆAṂ: Không rõ kiếp sau ta sẽ sanh làm những gì? 3) APARĀ PARANTA KHANDHA AÑĀṆAṂ: Không rõ cả kiếp trước, kiếp nầy và kiếp sau. 4) DUKKHE AÑĀṆAṂ: Không rõ khổ đế, không hiểu sự khổ, của sanh, già, đau, chết, v.v.... 5) DUKKHASA MUDAYE AÑĀṆAṂ: Không rõ nhân sanh sự khổ là tâm ái dục. 6) DUKKHANIRO DHE AÑĀṆAṂ: Không rõ sự dứt tất cả thống khổ là Niết Bàn.

7) DUKKHANIRO DHAGĀMINĪPAṬIPADĀ AÑĀṆAṂ: Không rõ sự thiệt hành theo giới, định, huệ đặng đi đến chỗ diệt khổ. 8) PATICCASAMUPĀDA AÑĀṆAṂ: Không rõ nhân duyên phát sanh, nghĩa là do nhân vô minh, duyên sanh ra hành; do nhân hành, duyên sanh thức; do nhân thức, duyên sanh danh, sắc; do nhân danh, sắc, duyên sanh lục nhập; do nhân lục nhập, duyên sanh xúc; do nhân xúc, duyên sanh thọ; do nhân thọ, duyên sanh ái; do nhân ái, duyên sanh thủ; do nhân thủ, duyên sanh hữu; do nhân hữu, duyên sanh sanh; do nhân sanh, duyên sanh lão tử; cùng các sự uất ức than tiếc, v.v.... Lại nữa, người còn bụi dơ tức phiền não, cho nên cứ sanh tử luân hồi chịu khổ, như sự tích dưới đây: Sự tích hai người anh em: Thuở nọ, có hai anh em, người anh có vợ, người em đến gần gũi gian dâm với chị dâu, nàng ấy xúi giục em giết anh, người em bị dưới quyền hạn của phụ nữ, nên giết anh chết. Người anh khi sắp chết có tâm thương mến vợ, nên sau khi chết tái sanh làm con rắn lục ở trong nhà ấy, người vợ ngồi nơi nào, con rắn lục rớt xuống gần chỗ ấy, do sự thương yêu trìu mến, người vợ giết chết con rắn đi, con rắn lục ấy chết vẫn chưa dứt sự thương mến, nên sanh lại làm con chó ở trong nhà ấy. Khi con chó ấy lớn lên cũng thương người vợ, vợ đi đâu vẫn cứ theo đến đấy, làm cho phần đông nhạo bán rằng: người thợ săn chồn. Người đàn bà ấy có sự hỗ thẹn, nên giết con chó ấy cho chết đi, chó chết vẫn còn có tâm thương nhớ vợ, khi chết kiếp chó lại sanh làm con bò ở tại nhà ấy, lúc con bò lớn lên có tâm thương mến vợ đi đâu cũng dính theo, người đàn bà ấy tức giận giết chết, con bò ấy chưa dứt sự thương, chết kiếp bò tái sanh vào trong bụng của nàng, nàng ấy sanh đứa con trai,

bà nội bà ngoại đều hội họp lại, ngay trong khi ấy, hài nhi mới sanh, liền nhớ việc trong kiếp quá khứ rằng: người đàn bà nầy là bạn nghịch giết ta đã lắm kiếp rồi, trong khi được nhớ như thế ấy, thì chẳng cho người mẹ rờ đụng tới, nếu bà mẹ đụng tới thì khóc la vùn vẫy. Ông bà đem về nuôi khi cháu nhỏ lớn lên tập nói được, ông bà hỏi thì nó nói rằng: Nàng ấy không phải mẹ, mà là bạn nghịch đã từng giết hại nó cho chết nhiều kiếp rồi. Các ông bà được nghe cháu kể chuyện thì cũng biết rõ nguyên nhân, nên có sự cảm động, rồi cũng nuôi cho đến khi cháu khôn lớn, bèn dẫn đi vào một ngôi chùa, cả 2 ông cháu đều xuất gia tu trong Phật Pháp, thực hành pháp minh sát, cũng đều đắc quả A La Hán, diệt tận phiền não ra khỏi tâm. SAURĀTAN ngũ uẩn thì nhập Niết Bàn thoát ly thống khổ. Tích nầy tôi dẫn ra để cho thấy rõ rằng: Tất cả chúng sanh chết với sự tham trong ngũ dục, cho nên sanh lòng luyến ái (RĀGA) và là khó tắt lâu tắt lửa luyến ái (DANDHA VIRĀYĪ), nhưng có tội ít do hai nhân là: 1) LOKAVAJJA: Tội do hành động trong đời. 2) VIPĀKAVAJJA: Tội sẽ trả quả trong kiếp sau. Giải rằng: Những

người có vợ chồng chung sống với nhau, theo phong tục đời, gọi là có tội theo đời, nghĩa là sanh già đau chết, luân hồi trong thế gian mãi. Người nam hoặc nữ phạm tà dâm là ngoài bụng vợ, chồng, đi thân cận với người nữ hoặc nam khác gọi là tội sẽ trả quả trong kiếp sau, bị sanh vào 4 đường ác do lửa luyến ái: Tâm nầy hằng thiêu đốt chúng sanh, cho bị cháy trong kiếp hiện tại, như tôi dẫn tích nầy lại chỉ cho thấy rõ vậy.

***

Điều hạnh phúc thứ 38 KHEMAM: Sự tự tại giải thoát khỏi các điều triền phược (YOGA), gọi là hạnh phúc cao thượng. VẤN: Pháp trói buộc tâm của chúng sanh có mấy? ĐÁP: Có bốn cách là: 1) KĀMA YOGA: Sự ưa thích say đắm trong ngũ dục là vật hằng giam hãm trói buộc chúng sanh. 2) PHAVA YOGA: Ba cõi là cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Cả ba cõi này là vật hằng giam hãm trói buộc chúng sanh. 3) DIṬṬHI YOGA: Sự hiểu thấy thường kiến rằng: chúng sanh thường như vậy mãi, không thay đổi, hoặc là sự thấy đoạn kiến rằng: tất cả chúng sanh tạo thiện, ác thế mấy, một khi chết là mất, sự hiểu như thế là vật giam hãm trói buộc chúng sanh. 4) AVIJJĀ YOGA: Sự không thấy rõ các pháp hữu vi, là vật hằng giam hãm trói buộc chúng sanh (vô minh triền phược). VẤN: Cần phải lấy pháp gì để diệt? ĐÁP: Phải nương theo giới, định, huệ là bảo vật hằng gìn giữ cho tâm trở nên hùng dõng, đặng dùng minh sát mới có thể dứt trừ các sự triền phược ấy được. Khi nào diệt được các pháp trói trăn ở bề trong như thế rồi, mới mong thấy tâm tự tại và an vui, tránh xa các điều rủi ro, tai hại, dù cho có người khác tính nhiễu hại cũng không được. Như sự tích sau này: Có một chàng thanh niên, do đức tính mạnh dạn bỏ vợ đi vào tu trong Phật Giáo, tinh tấn tu về pháp chỉ tịnh và quán minh không bao lâu thì đắc quả A La Hán. Nói về người vợ cố ý, muốn cho chồng hoàn tục về ở chung với mình, mới bảo người đi thỉnh ông sư chồng về thọ thực ở nhà. Ngài cũng vẫn vào nhà độ như ý. Khi ngài độ vừa xong, nàng ấy

tính rủ nhau bao vây đặng bắt buộc phải hoàn tục. Khi Đại Đức thấy thái độ bất tiện như thế, ngài bèn nhập định dùng định lực bay lên trên hư không, thoát khỏi sự tai hại được, đó là nhờ ngài đã thoát ly ra ngoài các sự trói trăn, tâm của ngài không chịu triền phược nữa (YOGA). ETĀDISĀNIKATVĀNA: Tất cả chư Thiên và Nhơn loại nếu được thật hành theo những điều hạnh phúc như thế, gọi là người được thắng quá trong mọi nơi, nhứt là thắng quá các nghiệp lực và những phiền não, cùng là sự rủi ro tai hại, trong các cơ hội, và hằng đem lại nhiều sự tiến hóa sự bình an trong mọi nơi. Giải rằng: nếu chúng sanh nào được thực hành các điều hạnh phúc ấy cho đầy đủ thì sẽ đắc thành đạo quả cao thượng, tận trừ hết thảy vi tế phiền não, là vật hằng ngủ ngầm trong tâm, mới nhập Niết Bàn, hưởng an tối thượng. Bằng như chưa đắc nhập Niết Bàn, vẫn luân hồi trong tam giới này, thì cũng khỏi sa vào bốn đường ác. VẤN: Nghiệp lực có mấy? ĐÁP: Có hai là thiện nghiệp và ác nghiệp. Nên hiểu chữ nghiệp y theo kinh PALI đã giải rằng: “Sự làm” là tất cả hành động tạo tác và “lời nói ý nghĩ”. Vả lại, cả hai món nghiệp này, ngài chia ra mười một điều như sau. 1) DIṬṬHA DHAMMAVE DANĪYA KAMMA: Phước, tội làm trong kiếp này, trả quả rõ rệt ngay ở kiếp này. 2) UPAPAJJAVE DANĪYA KAMMA: Phước, tội làm trong kiếp này, trả quả kiếp sau. 3) APARĀPARAVE DANĪYA

KAMMA: Phước, tội làm trong kiếp này, trải qua 1-2-3-4-5 kiếp, hoặc 10 kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, mới trả quả chẳng hạn. Có khi đến ngày đắc Niết Bàn trả quả cũng có. 4) GARUKAMMA: Trọng nghiệp, nói về bên thiện thì tâm thiền định, nói về bên ác thì ngũ vô gián tội;

giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, chích máu Phật, chia rẻ Tăng. 5) ĀCIṆṆAKAMMA: Phước, tội mà chúng sanh hằng làm, hay chỉ làm một lần, song tâm cứ tưởng nhớ mãi mãi, thì nó sẽ có sức mạnh đàn áp các sự phước tội mỏng nhẹ khác. 6) ĀSANNAKAMMA: Phước, tội làm gần khi sắp chết, hoặc là tưởng nhớ ngay khi sắp chết thì phước tội ấy trả quả trước, cũng như con bò già ở gần cửa chuồng, hẳn ra trước các con bò khác. 7) KATATTĀ VĀPANAKAMMA: Phước, tội khi làm bởi không có trí tuệ hiệp theo, cho nên sức mạnh ít lắm, đợi khi nào các phước tội khác không trả quả thì nó mới vào trả. 8) JANAKAKAMMA: Phước, tội là mãnh lực dắt thần thức đi gả sanh vào trong các cõi, ví như kẻ đem thơ (Bưu tá). 9) UPATTHAMBHAKAKAMMA: Phước, tội là mãnh lực tiếp vào giúp đỡ, cho phước tội trước càng có sức mạnh nhiều lên. 10) UPAPĪḶIKAMMA: Phước, tội hằng theo dính mà lấn hiếp các phước hay tội trước, đặng trả quả; nói về tội, cũng dường như con chó rượt thú rừng, nếu kịp trong nơi nào thì cắn tại chỗ đó. Nói về phước, cũng như người vú chạy rượt trả em, kịp trong chỗ nào thì bồng ẳm lên từ chỗ đó. Giải rằng: làm phước ít và làm tội nhiều, song phước trả quả trước, tội dính theo; làm phước nhiều và làm tội ít, song tội trả quả trước, phước cũng dính theo; ý nói như là: Ta không biết đến sanh ở chỗ này, nếu ta biết rõ thì ta không cho đến sanh đây đâu! 11) UPAGHĀṬAKAAMMA: Phước, tội vào dứt ngang các phước, tội nhẹ, cho tiêu hoại đi, hay là

vào cắt đứt sanh mạng của chúng sanh, là chết bằng lối vô bịnh, nghĩa là có người đến giết chết hoặc là uống nhầm thuốc độc rồi chết v.v.... Cả 11 cái nghiệp như đã giải trên đây, hễ chúng sanh còn phàm phu tới phút nào, thì những giờ phút ấy, hằng chịu lặn hụp mãi trong tam giới, để thọ quả vui, quả khổ mãi, cứ như vậy luân chuyển hết vui tới khổ, hết khổ tới vui không ngừng nghỉ. Bởi thế cho nên chúng ta đã sanh đặng làm người và nay lại được gặp Phật Pháp, thì chúng ta nên cố gắng mà thiệt hành những pháp thanh cao, nghĩa là 38 điều hạnh phúc này, cho tròn đủ ở trong tâm của mình, thì chắc hẳn được sự an vui hạnh phúc, và được thắng quá cả thảy các nghiệp báo và các phiền não, ngỏ hầu làm cho tâm được giải thoát tịch tịnh Niết Bàn, là nơi cuối cùng an vui tuyệt đối.

HẾT

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.